



NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BĂNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN
NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BẰNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Sách giáo viên



Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG	4
PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ	12
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	12
CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)	18
Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em	18
Bài 3. Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương em	21
CHỦ ĐỀ 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	22
Bài 4. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	22
Bài 5. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	28
Bài 6. Một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	32
Bài 7. Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương	36
CHỦ ĐỀ 3: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	40
Bài 8. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	40
Bài 9. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	44
Bài 10. Một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ	48
Bài 11. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	52
Bài 12. Thăng Long – Hà Nội	56
Bài 13. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	60
CHỦ ĐỀ 4: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	64
Bài 14. Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung	64
Bài 15. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung	68
Bài 16. Một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	72
Bài 17. Cố đô Huế	76
Bài 18. Phố cổ Hội An	80
CHỦ ĐỀ 5: TÂY NGUYÊN	84
Bài 19. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	84
Bài 20. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên	88
Bài 21. Một số nét văn hoá và lịch sử của đồng bào Tây Nguyên	92
Bài 22. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên	96
CHỦ ĐỀ 6: NAM BỘ	98
Bài 23. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	98
Bài 24. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ	102
Bài 25. Một số nét văn hoá và truyền thống cách mạng ở vùng Nam Bộ	106
Bài 26. Thành phố Hồ Chí Minh	108
Bài 27. Địa đạo Củ Chi	112

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên (SGV) đi kèm với sách giáo khoa (SGK) **Lịch sử và Địa lí 4** bộ sách *Chân trời sáng tạo*, được biên soạn nhằm cung cấp một tài liệu tham khảo tin cậy để hỗ trợ thầy, cô giáo trong việc tổ chức cho HS chiếm lĩnh tri thức lịch sử và tri thức địa lí, giúp các em phát triển khả năng tự giải quyết những vấn đề được yêu cầu trong chương trình môn học, cụ thể hơn – hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả SGK trên lớp – gắn với chương trình chung và kế hoạch giảng dạy của từng địa phương và nhà trường.

Các tác giả mong rằng cuốn sách sẽ góp phần hỗ trợ các thầy, cô giáo giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí một cách thuận lợi và hiệu quả hơn, giúp phát triển năng lực lịch sử và năng lực địa lí của HS trên nền tảng kiến thức cơ bản với 6 chủ đề, bao gồm: Địa phương em, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Không chỉ thế, cuốn sách còn tạo điều kiện để các HS phát triển các năng lực chung và phẩm chất chủ yếu, đặc biệt là phẩm chất yêu nước; đồng thời, giúp các em vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Sách được chia làm hai phần:

Phần một: Hướng dẫn chung

Phần này giúp giáo viên (GV) nắm vững ý tưởng biên soạn của SGK và giới thiệu những hỗ trợ căn bản mà GV sẽ nhận được để có thể chủ động thiết kế hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Phần 2: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Phần này được biên soạn dựa trên nguyên tắc gợi mở và dành quyền sáng tạo, chủ động cho GV. Phần này được chia làm hai mục tương ứng với phần Lịch sử và phần Địa lí.

Hi vọng quyển sách là tư liệu hữu ích, phục vụ đắc lực cho thầy, cô giáo trong quá trình giảng dạy bộ môn Lịch sử và Địa lí. Chúc quý thầy, cô gặt hái được nhiều thành công và có nhiều niềm vui trong công tác.

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

A. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Môn Lịch sử và Địa lí là môn học bắt buộc ở cấp Tiểu học (được tổ chức dạy và học ở lớp 4 và lớp 5), hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử và địa lí với các thành phần: nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; đồng thời góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học giúp HS khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc; tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc, từ đó góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ CÁC PHẨM CHẤT CHỦ YẾU VÀ NĂNG LỰC CHUNG

Môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở HS năng lực Lịch sử và Địa lí, biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học với các thành phần: nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Biểu hiện của các thành phần năng lực này được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Biểu hiện
NHẬN THỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	– Kể, nêu, nhận biết được các hiện tượng địa lí, sự kiện lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian; một số giá trị, truyền thống kết nối con người Việt Nam; một số nền văn minh; một số vấn đề khó khăn mà nhân loại đang phải đối mặt. – Trình bày, mô tả được một số nét chính về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước, thế giới. – Nêu được cách thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
TÌM HIỂU LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	– Biết quan sát, tra cứu tài liệu để tìm thông tin hoặc thực hiện điều tra ở mức độ đơn giản để tìm hiểu về các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí; biết đọc lược đồ, biểu đồ, bản đồ tự nhiên, dân cư,... ở mức đơn giản. – Từ những nguồn tư liệu, số liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ,... nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử và các đối tượng, hiện tượng địa lí.

	– Trình bày được ý kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... – So sánh, nhận xét, phân biệt được sự đa dạng về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá ở một số vùng miền; nhận xét được tác động của thiên nhiên đến hoạt động sản xuất của con người và tác động của con người đến tự nhiên.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	– Xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ; sử dụng được đường thời gian để biểu diễn tiến trình phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử. – Sử dụng được biểu đồ, số liệu,... để nhận xét về một số sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí. – Biết sưu tầm và sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận và trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lí, xã hội đơn giản. – Vận dụng được kiến thức lịch sử và địa lí đã học để phân tích và nhận xét ở mức độ đơn giản tác động của một sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... đối với cuộc sống hiện tại. – Đề xuất được ý tưởng và thực hiện được một số hành động như: sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá,...

C. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

I. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH

– SGK được biên soạn bám sát Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học) được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 – 12 – 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 – 12 – 2017; Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 6 – 8 – 2020 và Thông tư số 5/2022/TT-BGDĐT ngày 19 – 3 – 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 – 12 – 2017.

– Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể, đồng thời phát triển các năng lực đặc thù của môn học: Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí, Tìm hiểu lịch sử và địa lí và Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Tư tưởng chủ đạo của bộ sách: Đổi mới và sáng tạo, vận dụng triệt để các quan điểm: tích cực hoá hoạt động của HS, dạy học tích hợp. Giúp HS hình thành, phát triển năng lực địa lí – lịch sử, đồng thời cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần phát triển ở HS phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đó là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội;...

II. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

1. Cấu trúc sách

Nội dung giáo dục của môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học gồm mạch nội dung được sắp xếp theo các mạch kiến thức và kĩ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới.

Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí còn liên quan trực tiếp với nhiều môn học và các hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm,...

Nội dung giáo dục môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 gồm phần Mở đầu và 6 chủ đề, lần lượt là: Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ.

2. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ đề được trình bày thành các bài học. Các bài học là phần cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt trong mỗi chủ đề. Việc sắp xếp, kết nối, phân tách các yêu cầu cần đạt cho phù hợp với cấu trúc các bài học trong mỗi chủ đề đã được cân nhắc kĩ. Mục đích là làm sao để HS đạt được các yêu cầu một cách dễ dàng nhất. Mỗi bài học có bố cục hợp lí, nhằm làm nổi bật các quan điểm biên soạn sách là tiếp cận năng lực và dạy học tích hợp:

- Phần Mục tiêu: Những yêu cầu HS đạt được sau khi học xong mỗi bài.
- Phần Khởi động: Những hoạt động dẫn dắt HS vào bài mới.
- Phần Khám phá: Ở phần này, hệ thống kênh hình, kênh chữ trong mỗi bài có sự chọn lọc, thể hiện sự sinh động, mang tính sư phạm cao; kết hợp với các hoạt động học để HS đạt được yêu cầu cần đạt sau khi học.

- Phần Luyện tập – Vận dụng: Gồm các câu hỏi luyện tập và vận dụng để HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kĩ năng và vận dụng vào thực tiễn.



D. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

I. DẠY HỌC TRỰC QUAN

1. Khái niệm

Phương pháp dạy học trực quan là phương pháp dạy học mà GV sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kĩ thuật để tổ chức bài học. Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học, phương pháp này mang lại hiệu quả cao trong việc giúp HS hình thành những biểu tượng và khái niệm lịch sử, địa lí, khắc phục được những khó khăn trong học tập và nghiên cứu lịch sử, địa lí (người học không thể trực tiếp tiếp xúc, quan sát đối tượng nghiên cứu,...).

Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học, đồ dùng trực quan rất đa dạng. Trên thực tế, bản đồ, lược đồ, tranh, ảnh, phim tư liệu, bảng biểu, sơ đồ được sử dụng phổ biến hơn cả và thường kết hợp với các thiết bị công nghệ, phần mềm hoặc công cụ để giới thiệu cho HS. Theo cách sử dụng truyền thống, GV sẽ giới thiệu phương tiện trực quan rồi cho vài HS miêu tả lại. Cuối cùng, GV chốt ý, sử dụng đồ dùng trực quan theo hướng phát triển năng lực, GV phải gợi mở những khía cạnh của đồ dùng trực quan để giúp HS tự khám phá, phát hiện kiến thức.

2. Cách tiến hành

Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí có thể thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1. GV lựa chọn đồ dùng trực quan phù hợp với chủ đề. Đồ dùng trực quan phục vụ dạy học trên lớp thuộc nhóm đồ dùng trực quan tạo hình hoặc quy ước. Việc lựa chọn đồ dùng trực quan thường căn cứ vào yêu cầu cần đạt của từng chủ đề.

Bước 2. Tổ chức và hướng dẫn HS khai thác thông tin từ thiết bị trực quan.

GV giới thiệu đồ dùng trực quan trong dạy học, đặt ra các câu hỏi hoặc nhiệm vụ học tập cho HS. Để phát huy tính tích cực của HS, GV nên tổ chức cho HS quan sát đồ dùng trực quan, có thêm câu hỏi định hướng, gợi mở để HS tìm hiểu, khai thác những thông tin cơ bản được thể hiện qua đồ dùng trực quan.

Bước 3. Báo cáo kết quả, đánh giá và kết luận.

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả. Cả lớp lắng nghe và bổ sung ý kiến. GV và cả lớp chốt lại kết quả quan sát và những nội dung cơ bản.

II. PHƯƠNG PHÁP KỂ CHUYỆN

1. Khái niệm

Phương pháp kể chuyện là phương pháp dạy học dùng lời nói trình bày một cách sinh động, có hình ảnh và truyền cảm hứng đến người nghe về một nhân vật lịch sử, một sự kiện lịch sử, một phát minh hay một vùng đất,... để qua đó hình thành biểu tượng hoặc một khái niệm.

Các hình thức kể chuyện:

- GV trực tiếp kể chuyện, thông qua đó cung cấp thông tin bài học.
- HS tham gia kể chuyện sau khi đã tìm hiểu bài học, đối thoại để hiểu tình tiết chủ yếu của bài học lịch sử hoặc đọc thêm tài liệu.
- Kể chuyện kết hợp với các phương tiện nghe nhìn, dưới dạng dẫn chuyện hoặc thuyết minh.
- Kể chuyện có thể xen kẽ với các nội dung khoa học khi HS đang tìm hiểu các chủ đề môn học.

2. Cách tiến hành

Từ đặc điểm của chương trình Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học, đặc điểm tâm sinh lí HS và từ định hướng đổi mới phương pháp dạy học, việc sử dụng phương pháp kể chuyện có thể tiến hành theo các bước sau đây:

Bước 1. Tổ chức cho HS tìm hiểu truyện.

GV xác định mục tiêu bài học, dự kiến nội dung cần tổ chức cho HS kể chuyện, trên cơ sở đó, chuẩn bị các đồ dùng dạy học cần thiết và phiếu học tập cho các nhóm HS. Các câu hỏi trong phiếu học tập phải logic, gắn với diễn biến của các sự kiện và trình tự hoạt động của nhân vật.

- GV đặt câu hỏi làm cơ sở cho HS tìm hiểu truyện.
 - GV tổ chức cho HS chỉ trên lược đồ, bản đồ diễn biến chiến dịch hoặc trận đánh.
 - GV tổ chức cho HS xây dựng bảng niên biểu phản ánh diễn biến cuộc khởi nghĩa hay trận đánh.
- GV tổ chức cho HS sắp xếp hệ thống tranh liên hoàn.

Bước 2. Tổ chức cho HS thảo luận và kể chuyện trong nhóm.

GV chia HS thành từng nhóm (mỗi nhóm từ 4 – 6 HS), phát phiếu học tập cho các nhóm, hướng dẫn nhiệm vụ thảo luận, cách kể chuyện trong nhóm cho HS, hướng dẫn cách diễn tả câu chuyện sao cho chính xác, sinh động, hấp dẫn.

Các nhóm HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập qua phiếu học tập và hướng dẫn của GV, cử người đại diện cho nhóm trình bày trước cả lớp, tiến hành làm việc với SGK, với các đồ dùng học tập (tranh ảnh, lược đồ,...), trao đổi, thảo luận và tập kể trong nhóm về các sự kiện, nhân vật lịch sử theo gợi ý của các câu hỏi trong phiếu học tập và qua hướng dẫn của GV. Các thành viên trong nhóm theo dõi và góp ý cho nhau về cách kể chuyện sao cho sinh động, hấp dẫn, kết hợp kể chuyện với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... sao cho lôi cuốn người nghe.

Bước 3. Tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp.

Kết thúc thời gian thảo luận nhóm, đại diện các nhóm lên kể lại các sự kiện, nhân vật lịch sử bằng ngôn ngữ của mình, kết hợp sử dụng tranh ảnh, tư liệu lịch sử, bản đồ, lược đồ,... (nếu cần thiết). Các nhóm khác theo dõi nội dung, cách kể chuyện của các bạn để có những nhận xét đánh giá một cách chính xác. GV theo dõi cách trình bày, kể chuyện của đại diện các nhóm để đánh giá một cách khách quan, công bằng, uốn nắn những sai sót về kiến thức cũng như kĩ năng của HS.

Bước 4. Nhận xét và rút ra kết luận chung.

Trên cơ sở tự đánh giá của HS, GV đưa ra nhận xét, đánh giá cuối cùng, biểu dương những nhóm hoạt động tích cực, có kết quả kể chuyện tốt, hay, sinh động. Đồng thời, GV cần nhấn mạnh những kiến thức trọng tâm của bài học được rút ra từ câu chuyện kể của HS.

III. DẠY HỌC HỢP TÁC

1. Khái niệm

Dạy học hợp tác là phương pháp dạy học trong đó HS được chia thành các nhóm nhỏ, cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, tìm cách giải quyết các vấn đề mà GV đặt ra, từ đó giúp HS tiếp thu một kiến thức nhất định nào đó. Các vấn đề thảo luận nhóm cần có tính chất phức hợp, huy động được sự tranh luận, hợp tác của HS trong giải quyết nhiệm vụ học tập.

2. Cách tiến hành

1	• Xác định mục tiêu; • Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật.
2	• Dẫn dắt vấn đề; • Tạo động cơ, hứng thú.
3	• Chia nhóm, chuyển giao nhiệm vụ; • Định hướng sản phẩm.
4	• Tổ chức, điều khiển nhóm tiếp cận, xử lí vấn đề; • Hoạt động theo kĩ thuật tích cực, tạo ra sản phẩm.
5	• Tổ chức điều khiển nhóm báo cáo (kĩ thuật “5 xin”); • Tổ chức, điều khiển nhóm nhận xét (kĩ thuật “321”).
6	• Nhận xét, trình bày, giải thích; • Tổng kết hoạt động nhóm.

Quy trình phương pháp dạy học theo nhóm

Để vận dụng thành công phương pháp dạy học theo nhóm, GV cần kết hợp nhiều kĩ thuật dạy học tích cực (những biện pháp, cách thức hành động của người dạy và người học trong các tình huống, hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học). Ví dụ: kĩ thuật XYZ, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật 321,...

IV. DẠY HỌC PHÁT HIỆN VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Khái niệm

Dạy học giải quyết vấn đề là phương pháp trong đó GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển HS phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của phương pháp này là tình huống có vấn đề vì tư duy chỉ xuất hiện khi gặp tình huống có vấn đề.

2. Cách tiến hành

Tùy vào đặc điểm nhận thức của HS mà GV có thể tổ chức dạy học giải quyết vấn đề theo các mức độ khác nhau, như:

Mức 1: GV phát biểu vấn đề; GV hướng dẫn HS lập kế hoạch giải quyết; HS tự lực thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề; GV kiểm tra, đánh giá và kết luận.

Mức 2: GV hỗ trợ HS nhận biết vấn đề; GV hướng dẫn HS lập kế hoạch giải quyết; HS tự lực thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề; GV kiểm tra, đánh giá và kết luận.

V. KỸ THUẬT SƠ ĐỒ TƯ DUY

1. Khái niệm

Sơ đồ tư duy là một hình thức trình bày thông tin trực quan. Thông tin được sắp theo thứ tự ưu tiên và biểu diễn bằng các từ khoá, hình ảnh,... Thông thường, chủ đề hoặc ý tưởng chính được đặt ở giữa, các nội dung hoặc ý triển khai được sắp xếp vào các nhánh chính và nhánh phụ xung quanh.

2. Cách tiến hành

- Chuẩn bị phương tiện và các nội dung liên quan:
 - + Bút lông với ít nhất 5 màu, giấy khổ lớn, keo dính,...
 - + Ngoài ra, cần chuẩn bị trước tên chủ đề, từ khoá và các biểu tượng để có thể khai thác chủ động và hiệu quả.
- Vẽ sơ đồ tư duy:
 - + Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
 - + Vẽ các nhánh chính từ chủ đề trung tâm. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề. Nên sử dụng từ khoá và viết bằng chữ in hoa. Có thể dùng các biểu tượng để mô tả thuật ngữ, từ khoá để gây hiệu ứng chú ý và ghi nhớ.
 - + Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ, viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.
 - + Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo cho đến hết.

VI. KỸ THUẬT KWL

1. Khái niệm

Kỹ thuật KWL (Know – Want – Learn) là cách thức tổ chức hoạt động học tập trong đó bắt đầu bằng việc HS sử dụng bảng KWL để viết tất cả những điều đã biết và muốn biết liên quan đến vấn đề, chủ đề học tập. Trong và sau quá trình học tập, HS sẽ tự trả lời về những câu hỏi muốn biết và ghi nhận lại những điều đã học vào bảng.

Bảng 1. Bảng KWL

K	W	L
Liệt kê những điều em đã biết về,...	Liệt kê những điều em muốn biết thêm về,...	Liệt kê những điều em đã học được về,...

2. Cách tiến hành

- Sau khi giới thiệu tổng quan và nêu mục tiêu của vấn đề, chủ đề, GV yêu cầu HS điền những điều đã biết về vấn đề, chủ đề đó vào cột K của bảng.
- GV khuyến khích HS suy nghĩ và viết vào cột W những điều muốn tìm hiểu về vấn đề, chủ đề.
- Trong và sau quá trình học tập, HS điền vào cột L những điều vừa học được.
- Cuối cùng, HS sẽ so sánh với những điều đã ghi tại cột K và cột W để kiểm chứng tính chính xác của những điều đã biết (cột K), mức độ đáp ứng nhu cầu của những điều muốn biết (cột W) ban đầu.

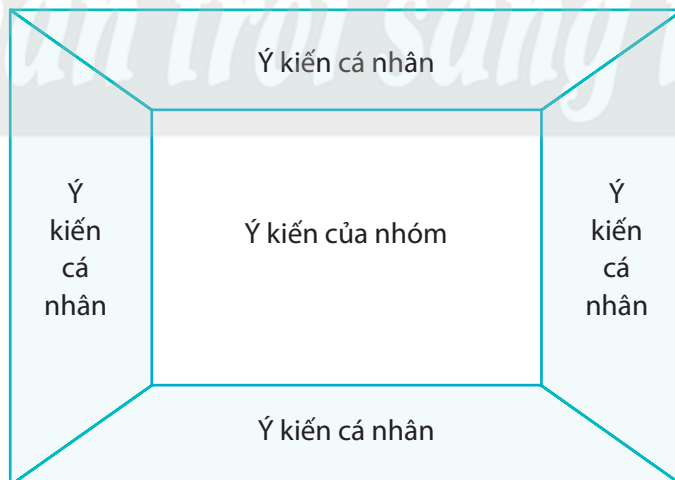
VII. KỸ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN

1. Khái niệm

Kỹ thuật khăn trải bàn là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS.
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

2. Cách tiến hành



Hình 1. Kỹ thuật khăn trải bàn

- Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa.
- Tập trung trả lời câu hỏi (hoặc chủ đề,...).
- Viết vào ô mang số của mình câu trả lời hoặc ý kiến của mình (về chủ đề...). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng thời gian theo quy định của GV.
- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời.
- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0).

E. ĐÁNH GIÁ TRONG TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

1. Khái niệm

Đánh giá HS tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học.

2. Các hình thức đánh giá

– Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS, để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS theo mục tiêu giáo dục Tiểu học.

– Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực HS. Vào cuối học kì I và cuối năm học, đối với các môn học bắt buộc, trong đó có môn Lịch sử và Địa lí có bài kiểm tra định kì.

– Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá HS gồm:

+ Phương pháp quan sát: GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình giảng dạy trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS.

+ Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS: GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

+ Phương pháp vấn đáp: GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi – đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

+ Phương pháp kiểm tra viết: GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: đọc được lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh ở mức đơn giản.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: từ những nguồn tư liệu, số liệu, lược đồ hoặc bản đồ nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các đối tượng, hiện tượng địa lí.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ.
 - + Sử dụng được biểu đồ, số liệu,... để nhận xét về một số hiện tượng địa lí.

Năng lực chung

- Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ, giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.
- Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn của GV.

Phẩm chất

Chăm chỉ: thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

MỞ ĐẦU

Bài 1

LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,...
- Sử dụng được một số phương tiện môn học vào học tập môn Lịch sử và Địa lí.



Khởi động

Lịch sử và Địa lí là một môn học thú vị. Để học tốt môn này, em cần một số phương tiện học tập hỗ trợ. Hãy kể với các bạn một vài phương tiện học tập mà em biết.



Khám phá

1. Bản đồ, lược đồ

Quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên các yếu tố của bản đồ và xác định các hướng: bắc, nam, đông, tây trên bản đồ.
- Nêu tên và xác định vị trí của thủ đô nước ta trên bản đồ.

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ của toàn bộ bề mặt Trái Đất hoặc một khu vực theo một tỉ lệ nhất định.

Lược đồ là hình vẽ thu nhỏ của một khu vực theo một tỉ lệ nhất định, có nội dung giản lược hơn bản đồ.

Để sử dụng bản đồ, lược đồ, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên bản đồ, lược đồ để biết được những thông tin chính, khu vực được thể hiện trên bản đồ, lược đồ.
- Đọc chú giải để biết được các kí hiệu trong bản đồ, lược đồ thể hiện những đối tượng địa lí, lịch sử nào.
- Đọc các thông tin trên bản đồ, lược đồ để trả lời cho các câu hỏi.

5

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong ba cách sau để khởi động bài học này:
 - + Cách thứ nhất: GV sử dụng hoạt động khởi động trong SGK.
 - + Cách thứ hai: GV tổ chức trò chơi ô chữ với các câu hỏi gợi ý về một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,...
 - + Cách thứ ba: GV cung cấp một số phương tiện như hình bên và che tên để HS đoán tên các phương tiện:

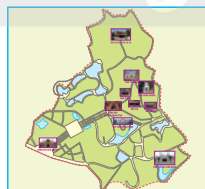


2. Bản đồ, lược đồ

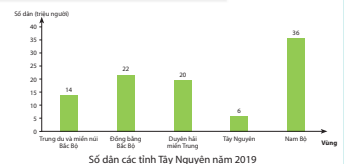
Độ cao trung bình của một số cao nguyên vùng Tây Nguyên

Tên Cao nguyên	Độ cao trung bình (m)
Kon Tum	500
Plêiku	800
Đăk Lăk	500
Mơ Nông	800
Lâm Viên	1 500
Di Linh	1 000

3. Bảng số liệu



4. Sơ đồ



5. Biểu đồ



6. Tranh, ảnh



7. Hiện vật

Lưu ý:

Ngoài bản đồ Việt Nam, GV có thể giới thiệu thêm các bản đồ khác nhau để HS biết. Đặc biệt là bản đồ các châu lục, khu vực như châu Á, châu Âu, khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. GV có thể giới thiệu thêm cho HS các dạng lược đồ khác nhau và lưu ý với HS một số lược đồ lịch sử thời kì cổ trung đại (như lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng) sẽ không có phần tỉ lệ vì rất khó xác định ranh giới nhất định của các vùng đất cổ xưa trong lịch sử tương ứng với hiện tại ngày nay.



Hình 1. Bản đồ hành chính Việt Nam, năm 2021



8. Bản đồ Việt Nam và các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, năm 2021



9. Lược đồ trận Bạch Đằng năm 938

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về bản đồ, lược đồ

– GV có thể thực hiện hoạt động này theo gợi ý sau:

Bước 1. GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm.

Bước 2. Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, HS trong lớp nhận xét, góp ý.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm những HS làm tốt.

– Nhiệm vụ:

+ Các nhóm cùng thảo luận và thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Quan sát hình 1 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên các yếu tố của bản đồ.
- Nêu nội dung chính được thể hiện trong bản đồ ở hình 1.

– Xác định trên bản đồ vị trí của Thủ đô Hà Nội.

GV tổ chức cho HS quan sát hình 2 và trả lời:

– Xác định nơi Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa: Hát Môn – nơi có cắm cờ (đọc từ bảng chú giải và xác định trên lược đồ)

– Nêu thời gian Hai Bà Trưng khởi nghĩa: tháng 3 năm 40 (Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa, tiến đánh Cổ Loa và đánh Luy Lâu vào tháng 4 năm 40, quân Tô Định rút chạy về nước).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu về bảng số liệu

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ như SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ 1.

Bước 3. HS trong lớp nhận xét, góp ý.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm những HS làm tốt.

(Tuần tự các bước với nhiệm vụ 2, 3)

GV có thể giới thiệu thêm các bảng số liệu khác.

Bảng 1. Lượng hơi nước tối đa trong không khí

Nhiệt độ (°C)	0	10	20	30
Lượng hơi nước (g/m ³)	0	5	17	30

Bảng 2. Lưu lượng nước và lượng mưa trung bình tháng tại trạm Đồng Tâm (sông Gianh, tỉnh Quảng Bình)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng (m ³ /s)	22,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185,0	178,0	94,1	43,7
Lượng mưa (mm)	50,7	34,9	47,2	66,0	104,7	170,0	136,1	209,5	530,1	582,0	231,0	67,9

Mùa cạn
 Mùa lũ

Biểu đồ là hình thức thể hiện trực quan các số liệu theo thời gian, không gian bằng các hình vẽ đặc trưng.

Để sử dụng biểu đồ, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên biểu đồ để biết nội dung chính được thể hiện.
- Đọc chú giải và các thông tin trên biểu đồ.
- Khai thác biểu đồ bằng cách trả lời các câu hỏi: Cái gì? Như thế nào?...

3. Bảng số liệu

Dựa vào bảng số liệu, em hãy cho biết:

- Các yếu tố của một bảng số liệu.
- Bảng số liệu thể hiện nội dung gì về các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên.
- Tên cao nguyên có độ cao trung bình trên 1 000 m.

Độ cao trung bình của các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên

Tên cao nguyên	Độ cao trung bình (m)
Kon Tum	500
Pleiku	800
Đắk Lắk	500
Mơ Nông	800
Lâm Viên	1 500
Di Linh	1 000

Tên bảng số liệu

Nội dung bảng số liệu

Bảng số liệu là tập hợp các số liệu của đối tượng được sắp xếp một cách khoa học theo thời gian, không gian.

Để sử dụng bảng số liệu, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên bảng số liệu để biết nội dung chính được thể hiện.
- Đọc các thông tin trong bảng số liệu.
- Khai thác bảng số liệu bằng cách trả lời các câu hỏi: Cái gì? Như thế nào?...

6. Hiện vật

Quan sát hình 6, em hãy cho biết:

- Nội dung của hiện vật.
- Ý nghĩa của hiện vật.

Hiện vật là những đồ vật sưu tầm hay khai quật được.

Để sử dụng hiện vật, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên hiện vật.
- Mô tả hiện vật.
- Khai thác, sử dụng để trả lời câu hỏi.



Hình 6. Gạch lát nền in nổi hình hoa bằng chất liệu đất nung (thời Lý, thế kỉ XI – XIII)



Luyện tập

1. Em hãy hoàn thành sơ đồ sau vào vở:

Một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí



2. Dựa vào hình 7, em hãy cho biết:

- Tên lược đồ.
- Các kí hiệu trên lược đồ.
- Tên một cao nguyên ở phía bắc và một cao nguyên ở phía nam của vùng Tây Nguyên.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 6

Hoạt động khám phá 6. Hướng dẫn HS tìm hiểu về hiện vật

Bước 1. GV hướng dẫn hoặc yêu cầu HS trình bày về hiện vật và các bước sử dụng. GV có thể giới thiệu thêm ví dụ về hiện vật trong sách (như Trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam) trang 45, các hiện vật ở Địa đạo Củ Chi trang 110, 111 trong SGK)

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời:

- Nội dung của hiện vật: Gạch lát nền in nổi hình hoa bằng chất liệu đất nung (thời Lý, thế kỉ XI – XIII).
- Ý nghĩa của hiện vật: Hiện vật cho ta biết về kĩ nghệ đúc gạch thời Lý hay sự phát triển của thủ công nghiệp thời Lý hoặc đơn giản hơn: Thời Lý đã có gạch nung được trang trí hoa văn.

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Câu 1:

Hướng dẫn HS nhớ lại tên các phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí đã học.

Câu 2:

GV lưu ý:

- Nhiệm vụ 1 và 2: Khắc sâu một số yếu tố của bản đồ, lược đồ. GV lưu ý HS tầm quan trọng của bảng chú giải trong đọc bản đồ, lược đồ.
- Nhiệm vụ 3: GV khắc sâu cách xác định phương hướng trên bản đồ, lược đồ, lưu ý phương hướng quy ước trên lược đồ.

Câu 3:

Hình 8 và 9 cho em biết điều gì?

Hai hình 8 và 9 cho ta biết người Việt cổ đã có công cụ lao động là rìu gót vuông. Trên

thân rìu có sự trang trí. Hình vẽ cũng cho ta biết người Việt cổ đã biết thuần dưỡng động vật là những chú chó, để cùng với con người đi săn các loài vật khác. Tất cả thể hiện sự tiến bộ trong đời sống của người Việt cổ. (Lưu ý: HS có thể không rút ra quá nhiều ý nghĩa như trên, GV dẫn dắt HS khám phá các ý nghĩa trên).

Ngoài ra, trong phần Luyện tập, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động: Em hãy mở một số trang sách trong quyển sách này, chọn và xác định tên, nêu cách sử dụng 2 phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí mà em ấn tượng. HS nào thực hiện nhanh và đúng sẽ được khen hoặc cộng điểm để tăng hứng thú học tập của HS.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện, giới thiệu cho HS một số từ khoá, địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên của địa phương em.
- + Kể được tên hoạt động kinh tế của địa phương em.
- + Nêu được cách thức bảo vệ môi trường địa phương em.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- + Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: đề xuất và thực hiện được một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường ở địa phương.

Năng lực chung

- Năng lực tự chủ tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm và trước lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện vấn đề của địa phương, đặt câu hỏi, nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

Phẩm chất

- Yêu nước: trân trọng các thành tựu mà địa phương đạt được.
- Trách nhiệm: sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng cách thức khởi động như trong SGK.
- + Cách thứ hai: GV thiết kế trò chơi “Tôi hiểu biết” để HS đoán và trả lời nhanh 10 hình ảnh nơi HS đang sinh sống.
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

Chủ đề 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)

Bài 2

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.
- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.



Khởi động

Em đang sống ở tỉnh, thành phố nào? Hãy chia sẻ những hiểu biết về địa phương mình cho các bạn trong lớp của em.



Khám phá

1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên của địa phương em

Quan sát hình 1 (trang 6), bản đồ hoặc lược đồ địa phương, đọc Tài liệu giáo dục địa phương, em hãy tìm hiểu về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên ở địa phương em theo gợi ý sau:

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA ĐỊA PHƯƠNG EM	Vị trí địa lí	– Xác định vị trí của tỉnh, thành phố em đang sinh sống. – Tiếp giáp với những tỉnh, thành phố; vùng biển, quốc gia nào (nếu có)?
	Địa hình	– Có những dạng địa hình nào? – Tên núi, dãy núi, cao nguyên (nếu có) là gì? Nằm ở đâu?
	Khí hậu	– Có những mùa nào? – Đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa như thế nào?
	Sông, hồ	– Có những sông, hồ nào? – Các sông, hồ nằm ở đâu?

12

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí và đặc điểm của địa phương em

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm (số lượng nhóm tùy thuộc vào HS trong lớp), đếm số, phân chia chỗ ngồi cho các nhóm.

Bước 2. GV thông báo thể lệ và phân công mỗi HS tìm hiểu một nội dung tương ứng trong 2 phút.

Bước 3. Các thành viên chia sẻ theo thứ tự số đã đếm, thư kí nhóm ghi thông tin vào bảng phụ trong 4 phút.

Bước 4. GV mời các nhóm chia sẻ, chấm chéo nội dung.

Bước 5. GV nhận xét, tổng kết và mời HS xung phong lên xác định lại cho cả lớp.

Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục 1.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về hoạt động bảo vệ môi trường địa phương em

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát một số hình ảnh hoặc video về vấn đề môi trường của địa phương và suy nghĩ, viết thông tin cá nhân vào vở hoặc giấy note trong 1 phút về những vấn đề của địa phương và hai giải pháp của HS nhằm bảo vệ môi trường.

Bước 2. HS chia sẻ theo cặp trong 1 phút. HS nghe và ghi ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 3. GV mời một số HS chia sẻ.

Bước 4. GV chốt thông tin cơ bản về vấn đề môi trường ở địa phương. GV có thể phát động chương trình hành động nhằm bảo vệ môi trường tại gia đình hoặc trường học như trồng cây xanh, phân loại rác,...

Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục 3.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn nhanh nội dung luyện tập, phần vẽ sơ đồ tư duy là một nội dung mới nên GV có thể chia sẻ video để HS tìm hiểu thêm ở nhà, đồng thời phần ghi bài trên bảng bằng sơ đồ tư duy để HS dễ hình dung và làm quen, thực hành hiệu quả.

VẬN DỤNG

GV gợi ý phần vận dụng: HS có thể sưu tầm hình ảnh tự nhiên và kinh tế của địa phương qua báo chí, hình tự chụp,... nhằm giới thiệu với cả lớp trong tiết học sau.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về hoạt động kinh tế của địa phương em

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các cặp, giao nhiệm vụ trả lời các câu hỏi gợi ý về kinh tế địa phương sau khi quan sát lược đồ hoặc bản đồ địa phương.

Bước 2. HS làm việc theo cặp, ghi lại thông tin vào vở hoặc phiếu làm nhóm.

Bước 3. GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”. HS trả lời trên bảng con.

Bước 4. GV chốt một số thông tin cơ bản về kinh tế của địa phương. GV nhấn mạnh một số thuật ngữ để HS có cái nhìn rõ nét về các ngành kinh tế.

Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục 2.

2. Hoạt động kinh tế của địa phương em

Hoạt động kinh tế ở mỗi địa phương rất đa dạng. Quan sát bản đồ hoặc lược đồ địa phương em, đọc Tài liệu giáo dục địa phương, em hãy tìm hiểu về hoạt động kinh tế ở địa phương theo gợi ý sau:

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ Ở ĐỊA PHƯƠNG EM	Nông nghiệp	– Địa phương có những nông sản nào? – Các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản phân bố ở đâu?
	Công nghiệp	– Địa phương có những ngành công nghiệp nào? – Kể tên trung tâm công nghiệp (nếu có). – Hoạt động công nghiệp phân bố ở đâu?
	Dịch vụ	– Địa phương có những ngành dịch vụ nào? – Các ngành dịch vụ phân bố ở đâu?

3. Bảo vệ môi trường ở địa phương em

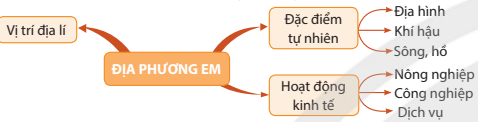
Căn cứ vào Tài liệu giáo dục địa phương và tình hình thực tế nơi em sinh sống, em hãy:

- Cho biết môi trường của địa phương em hiện nay như thế nào.
- Nêu những giải pháp của em để có thể bảo vệ môi trường tốt hơn.



Luyện tập

1. Hãy vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt lại thông tin về tỉnh, thành phố nơi em đang sinh sống với các nội dung theo gợi ý dưới đây vào vở:



2. Em hãy tìm hiểu về một hoạt động kinh tế đặc trưng của địa phương em theo gợi ý dưới đây:
 - Tên của ngành kinh tế.
 - Tình hình sản xuất và phân bố hiện nay của ngành.
 - Ngành kinh tế hiện nay có ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?



Vận dụng

Em hãy sưu tầm một số hình ảnh thể hiện những đặc trưng cơ bản về tự nhiên, kinh tế ở địa phương em và giới thiệu với cả lớp.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: mô tả được một số nét về văn hoá của địa phương.
- Tìm hiểu về lịch sử và địa lí: kể lại được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương.

Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: sử dụng được ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để giới thiệu về món ăn, trang phục hoặc lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương.

Phẩm chất

Yêu nước: tự hào với lịch sử và truyền thống địa phương.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Tuỳ từng địa phương mà GV yêu cầu HS kể tên một số món ăn đặc trưng ở địa phương em đang sinh sống. Để tăng sự hứng thú của hoạt động Khởi động, GV có thể cho HS mô tả thành phần, cách nấu, mùi vị,... nhưng không gọi tên món ăn mà để những HS còn lại trong lớp đoán tên.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số nét văn hoá của địa phương em

GV yêu cầu HS mang theo *Tài liệu giáo dục địa phương* để kết hợp tìm hiểu một số nét văn hoá của địa phương. GV có thể cho HS sưu tầm các tư liệu trước ở nhà để trình bày tại lớp. Ngoài ra, GV có thể chuẩn bị các tư liệu và hướng dẫn các em học tập. GV có thể tham khảo bảng bên cho HS điền vào.

Gợi ý các bước hướng dẫn HS:

Bước 1. Sưu tầm các thông tin về: nhà ở, phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, ẩm thực nổi bật ở địa phương em. Em có thể quan sát, trao đổi với mọi người xung quanh, đọc sách báo, dùng công cụ trực tuyến,... để tìm kiếm các thông tin.

Bước 2. Chọn lọc các thông tin mà em đã sưu tầm, viết thành một đoạn văn ngắn, nếu có hình ảnh minh hoạ, em có thể gắn kèm vào bài viết.

Bước 3. Giới thiệu các thông tin đã chuẩn bị cho bạn bè ở lớp em.

Bước 4. Sau khi trình bày, em có thể đặt một số câu hỏi về các thông tin em vừa trình bày cho các bạn trong lớp hoặc mời các bạn phát biểu cảm nghĩ.

Gợi ý một số thông tin HS cần chuẩn bị:

Bài 3

LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG EM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét về văn hoá (ví dụ: nhà ở, phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, ẩm thực,...) của địa phương.
- Lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương.
- Kể lại được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương.



Khởi động

Em hãy kể tên một số món ăn đặc trưng ở địa phương em đang sinh sống.



Khám phá

1. Một số nét văn hoá của địa phương em

Dựa vào Tài liệu giáo dục địa phương để tìm hiểu một số nét văn hoá của địa phương:

- Mô tả khái quát một số đặc điểm văn hoá: ẩm thực, trang phục, nhà ở, phong tục tập quán, lễ hội.
- Tìm hiểu một món ăn (tên, nguyên liệu, quy trình chế biến, cảm nhận); lễ hội (tên, thời gian, địa điểm, các hoạt động chính, ý nghĩa và chia sẻ cảm nhận),...

2. Danh nhân ở địa phương em

Dựa vào Tài liệu giáo dục địa phương để kể lại câu chuyện về một trong những danh nhân của địa phương:

- Nêu tên danh nhân, quá trình hoạt động của danh nhân gắn với những câu chuyện nào (nội dung, ý nghĩa của câu chuyện).
- Nêu cảm nhận về danh nhân.



Luyện tập

Viết một đoạn văn mô tả về một phong tục, tập quán hoặc lễ hội ở địa phương em.



Vận dụng

Hãy sưu tầm một số hình ảnh về một lễ hội ở địa phương em để giới thiệu cho thầy, cô giáo và các bạn cùng xem.

14

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về danh nhân ở địa phương em

Bước 1. GV lí giải cho HS danh nhân là ai: những người có công trạng với đất nước và được đất nước vinh danh. Họ có thể là những nhà văn hoá, nhà quân sự, nhà khoa học,... (GV xem chú giải thuật ngữ trang 113). Cũng tương tự mục 1, GV cho HS sưu tầm thông tin ở nhà hoặc GV chuẩn bị các tư liệu dạy học.

Gợi ý một số thông tin HS cần chuẩn bị:

Tên danh nhân	?
Ngày, tháng, năm sinh	?
Ngày, tháng, năm mất (nếu có)	?
Quê quán	?
Quá trình hoạt động	?
Đóng góp nổi bật	?
Công trạng, khen thưởng	?
Hình ảnh minh hoạ (nếu có)	?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

GV sử dụng phần Luyện tập – Vận dụng trong SGK để tổ chức hoạt động cho HS. Phần Luyện tập, GV cho HS lựa chọn một nét văn hoá tiêu biểu để viết thành một đoạn văn ngắn khoảng 3 – 5 câu mô tả dựa trên các thông tin đã học. Phần Vận dụng, nếu GV đã triển khai cho HS sưu tầm từ trước và tiến hành trong buổi học, GV có thể thay đổi hoạt động khác như vẽ tranh, viết thư giới thiệu về danh nhân ở địa phương cho bạn bè nước ngoài.

Nhà ở	Trang phục
Tên gọi	Tên gọi
Loại hình nhà	Kiểu dáng trang phục
Chất liệu làm nhà	Chất liệu vải
Hình dáng bên ngoài	Màu sắc
Nội thất bên trong	Phụ kiện đi kèm
Hình ảnh minh hoạ (nếu có)	Hình ảnh minh hoạ (nếu có)

Món ăn	Lễ hội tiêu biểu
Tên gọi	Tên gọi
Nguyên liệu	Thời gian tổ chức
Cách chế biến, cách dùng	Địa điểm tổ chức
Màu sắc	Những hoạt động trong lễ hội
Mùi vị	Thành phần tham gia
Hình ảnh minh hoạ (nếu có)	Hình ảnh minh hoạ (nếu có)

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Nêu được đặc điểm của thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến đời sống và sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Liệt kê được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Xác định được vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Quan sát và mô tả được một số địa danh tiêu biểu của vùng trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Quan sát lược đồ, tranh ảnh, bảng số liệu; mô tả và lí giải được phần nào về một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Đánh giá được một số ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện vấn đề của vùng, liên hệ với địa phương, đặt câu hỏi, nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

Phẩm chất

- Yêu nước: thể hiện tình yêu Tổ quốc thông qua việc tự hào về các địa danh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nhân ái: thông cảm với những khó khăn của vùng núi đã gây ảnh hưởng lớn đến đời sống và sản xuất.

Chủ đề 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Bài 4

THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cao nguyên Mộc Châu,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Khởi động

Các hình 1, 2, 3 gợi ý cho em điều gì về thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?



Hình 1. Sông Nho Quế (Hà Giang)



Hình 2. Dãy Hoàng Liên Sơn (Lào Cai)



Hình 3. Tuyết rơi ở Sa Pa (Lào Cai), năm 2016

15

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng cách thức khởi động như trong SGK.
- + Cách thứ hai: GV thiết kế trò chơi “Đi tìm địa danh” với các từ khóa để các nhóm HS thi đua sắp xếp liên quan đến tên các tỉnh, các địa danh nổi tiếng.
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các cặp khác nhau hoặc để HS tự chọn trong 30 giây.

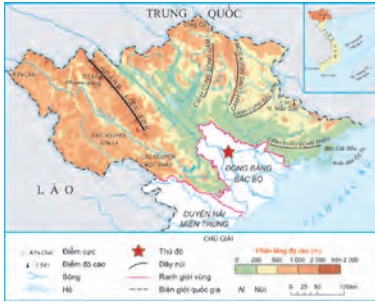


Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 4, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu tên các quốc gia, vịnh biển, các vùng tiếp giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 4. Lược đồ địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở phía bắc nước ta. Phía bắc của vùng giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào, phía nam giáp Đồng bằng Bắc Bộ và Duyên hải miền Trung, phía đông giáp vịnh Bắc Bộ.



Em có biết?

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có điểm cực Bắc và cực Tây của nước ta. Điểm cực Bắc ở Lũng Cú, thuộc tỉnh Hà Giang và điểm cực Tây ở Á Pa Chải, thuộc tỉnh Điện Biên.

2. Đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến đời sống và sản xuất

a) Địa hình

Quan sát hình 4 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ các dãy núi, cao nguyên và đỉnh núi cao nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu ảnh hưởng của địa hình đến đời sống và sản xuất của người dân trong vùng.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến đời sống và sản xuất

GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép với các bước tiến hành như sau:

Vòng chuyên gia

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm nhỏ khác nhau quy mô 3 HS hoặc 6 HS/ nhóm.

Bước 2. GV hướng dẫn HS các nhiệm vụ như sau:

- Đếm số thứ tự từ 1 đến hết.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên: ví dụ số 1 làm nhóm trưởng, quản lý nhiệm vụ chung; số 2 làm thư kí;...
- Phân công nhiệm vụ nhóm:
 - + Nhóm 1 tìm hiểu nội dung địa hình.
 - + Nhóm 2 tìm hiểu khí hậu.
 - + Nhóm 3 tìm hiểu sông, hồ.
- Các thành viên nhóm sẽ có nhiệm vụ trong 5 – 7 phút, bao gồm:
 - + Đọc thông tin trong SGK, tìm các từ khoá trọng tâm của nội dung đọc và ghi ra giấy note của mình để có thể tự diễn đạt thành lời.

- + Kết hợp với hình 4, mô tả đặc điểm thiên nhiên và xác định vị trí các đối tượng địa lí, các địa danh liên quan trên hình.
- + Đánh giá ảnh hưởng của thiên nhiên đến đời sống và sản xuất của người dân trong vùng (những thuận lợi và khó khăn).
- + Đặt các câu hỏi mở rộng thông tin (nếu có), lí giải một số đặc điểm tự nhiên.

Bước 3. HS làm việc cá nhân, sau đó thống nhất ý kiến, quan điểm và thông tin chính trong nhóm trong 10 phút. HS đặt các câu hỏi thảo luận. Thư kí ghi lại ý chính. Nhóm tóm tắt kiến thức.

Bước 2. GV thông báo thể lệ và phân công nhiệm vụ.

- Đọc câu hỏi ở mục 1 trong SGK.
- Tô màu cho vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Ghi tên các vùng và quốc gia, biển tiếp giáp xung quanh.
- Ghi tên cực Bắc, cực Tây và các đảo.

Bước 3. Các cặp gần nhau sẽ kiểm tra chéo kết quả và chỉnh lại (nếu có).

Bước 4. GV dùng lược đồ trống và các thẻ tên địa danh, quốc gia, gọi nhanh 2 HS

đại diện nam và nữ (ngẫu nhiên) lên lấy các thẻ trong rổ dán nhanh lên bảng từ.

Bước 5. GV nhận xét, tổng kết và mời các HS chia sẻ thông tin; nhận xét và xung phong nhắc lại nội dung.

Bước 6. GV chốt lại kiến thức và nhấn mạnh vị trí địa lí của vùng.

Bước 7. GV giới thiệu về điểm cực Bắc và cực Tây của vùng, thể hiện lòng tự hào về Tổ quốc.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

Vòng mảnh ghép

Bước 1. GV hướng dẫn tạo nhóm mảnh ghép trong thời gian 1 phút.

Bước 2. Thành viên của các nhóm lần lượt chia sẻ kiến thức, thông tin tìm hiểu ở vòng chuyên gia, chia sẻ với các thành viên còn lại của nhóm trong 3 phút. Hết lượt, sản phẩm nhóm sẽ chuyển theo thứ tự mà GV ghi sẵn trên bảng. Khi trình bày, các thành viên còn lại lắng nghe thông tin, ghi chép lại kiến thức vào vở và đặt câu hỏi thêm (nếu có). Hoặc GV lồng ghép thực hiện câu hỏi số 2 trong phần luyện tập để HS thể hiện toàn bộ kiến thức phần 2 bằng sơ đồ tư duy.

Bước 3. GV có thể cho HS đi tham quan sản phẩm của các cụm khác trong 3 phút nhằm bổ sung thông tin (nếu có).

Bước 4. GV mời ngẫu nhiên một số đại diện chia sẻ trước lớp các thông tin đã tìm hiểu, mời các nhóm bổ sung (nếu có) và hoàn thiện phần ghi bài.

Bước 5. GV chốt kiến thức và mở rộng một số thông tin hấp dẫn về một số địa danh nổi tiếng ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ như: đỉnh Phan-xi-păng, hồ Ba Bể, sông Kỳ Cùng,... đồng thời nhấn mạnh những khó khăn và thuận lợi của thiên nhiên ảnh hưởng đến vùng, đặc biệt là cập nhật các vấn đề đang diễn ra ở vùng trong vòng một năm qua và liên hệ đến tỉnh, thành phố đang sinh sống nhằm so sánh, liên hệ thực tiễn, phát triển phẩm chất nhân ái cho HS.

Nếu có thời gian, GV có thể đặt câu hỏi mở rộng liên quan đến vùng như:

- Em đã đến được tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ? Kể tên các địa danh em đã đi qua.
- Theo em, làm thế nào để khắc phục những khó khăn về địa hình, khí hậu, sông ngòi?
- Em muốn sống ở địa phương nào nhất trong vùng? Vì sao?

Ngoài phương án nêu trên, GV có thể dùng phương án khác như:

- Hoạt động nhóm: Tìm hiểu và tóm tắt đặc điểm thiên nhiên, những thuận lợi và khó khăn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vào bảng theo mẫu:

Nhân tố	Địa hình	Khí hậu	Sông, hồ
Đặc điểm	?	?	?
Thuận lợi	?	?	?
Khó khăn	?	?	?

HS làm việc trên bảng nhóm ngoài ra có thể tóm tắt trên giấy A3 hoặc A4 rồi chia sẻ chuyển theo ma trận để các nhóm khác bổ sung, đánh giá lẫn nhau.

GV có thể dùng máy chiếu vật thể chia sẻ sản phẩm của nhóm.

Để chốt kiến thức, GV tổ chức trò chơi đố vui với các câu hỏi ngắn.

- Hoạt động cá nhân hoặc nhóm: tìm hiểu lần lượt từng thành phần tự nhiên theo trình tự của SGK. GV tổ chức các hoạt động đơn giản, phù hợp với đối tượng HS, bám sát các câu hỏi gợi ý mà sách đã nêu lên trong bài. Đồng thời, GV khai thác hệ thống kênh hình, sử dụng một số video để khai thác (nếu có).



Hình 5. Đèo Mè Piá (Cao Bằng)



Hình 6. Đồi chè ở Tân Sơn (Phú Thọ)

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có địa hình cao nhất nước ta. Vùng có địa hình rất đa dạng, bao gồm các dãy núi, cao nguyên, thung lũng, cánh đồng giữa núi, đồi,... Hoàng Liên Sơn là dãy núi đồ sộ, có đỉnh Phan-xi-păng (Fansipan) cao nhất nước ta. Ven biển có nhiều đảo, quần đảo, vịnh biển, nổi tiếng là vịnh Hạ Long.



Hình 7. Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh)

Địa hình của vùng thuận lợi cho việc phát triển thủy điện, lâm nghiệp, du lịch, chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả...

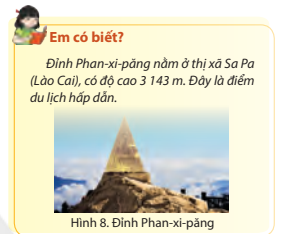
Tuy nhiên, trong vùng có những nơi địa hình cao, hiểm trở, gây bất lợi cho việc cư trú, đi lại và sản xuất của người dân.

b) Khí hậu

Quan sát hình 9 và đọc thông tin, em hãy nêu:

– Đặc điểm khí hậu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

– Ảnh hưởng của khí hậu đến đời sống và sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 8. Đỉnh Phan-xi-păng



Hình 9. Mưa lũ ở tỉnh Sơn La, năm 2019

Khí hậu đa dạng tạo điều kiện để phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi. Tuy nhiên, vùng này có nhiều thiên tai như: lũ, rét đậm, rét hại, bão,... gây nhiều trở ngại đối với đời sống và sản xuất.

c) Sông, hồ

Quan sát các hình 4, 10, 11 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ các sông lớn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Cho biết đặc điểm chính của sông, hồ trong vùng.
- Trình bày vai trò của sông, hồ ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đối với đời sống và sản xuất.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Chảy, sông Gâm,... Các sông này có nhiều tiềm năng phát triển thủy điện. Các hồ Ba Bể, Hoà Bình, Thác Bà,... có giá trị về thủy lợi và du lịch,...

Tuy nhiên, vào mùa hạ mưa nhiều, sông thường có lũ gây thiệt hại lớn.



Hình 10. Hồ Na Hang (Tuyên Quang)



Hình 11. Thủy điện Hoà Bình (Hoà Bình)

GV chú ý thêm các câu hỏi ở mức độ tư duy bậc cao, chẳng hạn:

- Địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
- Khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến sông ngòi của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
- Nếu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, em sẽ ứng phó với mùa đông lạnh như thế nào?
- Làm thế nào để có thể khai thác hiệu quả thế mạnh của địa hình?

GV có thể sử dụng các hình ảnh về việc khai thác giá trị địa hình, sông, hồ tiêu biểu của vùng như: cáp treo Phan-xi-păng ở Lào Cai, cầu kính Bạch Long ở Sơn La, hồ Ba Bể ở Bắc Kạn,... nhấn mạnh đến việc khai thác các giá trị mà không gây tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên nhưng vẫn phát triển kinh tế địa phương bền vững.

Ngoài các phương án nêu trên, với nội dung này, GV cũng có thể thiết kế tiểu phẩm ngắn để HS biểu diễn và khai thác các khía cạnh của thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, đặc biệt là khí hậu và địa hình.

Các tiểu phẩm có nội dung đơn giản, GV phác thảo thông tin cơ bản để HS chủ động hoàn thiện thêm thông tin về lời thoại, dẫn chuyện,... phù hợp với phong cách của lứa tuổi.

Ví dụ tiểu phẩm ngắn:

Tại một bản nọ ở huyện vùng cao tỉnh Hà Giang có bạn Mùa A Páo là học sinh lớp 4. Gia đình A Páo có 8 thành viên. Ngoài Páo còn có bố mẹ, ông bà nội và 3 em của mình.

Vào một buổi tối tháng 10.

Bà nội: A Páo ơi, cháu chuẩn bị đồ dùng đầy đủ cho sáng mai đi học chưa?

A Páo: Dạ cháu chuẩn bị rồi ạ! Cháu đang khâu lại áo rét.

Em A Páo: Sao lại khâu áo rét vậy anh?

A Páo: À, anh nghe dự báo thời tiết, từ trưa mai thời tiết sẽ thay đổi nên anh phải mang áo rét theo.

Em A Páo: Tại sao ở quê mình có nhiều ngày lạnh vậy anh?

A Páo: Ô! Với câu hỏi này thì anh sẽ nhờ các bạn lớp anh hỗ trợ trả lời cho em nghe nhé!

Nào, mời các bạn lí giải cho em mình vì sao ở Hà Giang lại có khí hậu lạnh?

Trong các tiểu phẩm ngắn khoảng 3 – 5 phút với các đoạn hội thoại ngắn. GV lưu ý với các em một số tiêu chí như: thời gian, lời thoại, biểu cảm, ngữ điệu, âm lượng,...

Trong các tiểu phẩm hay nội dung tìm hiểu, GV chú ý lồng ghép với giáo dục kĩ năng sống, gắn kết với mục 3 trong SGK để giúp HS có cái nhìn toàn diện về vấn đề.

Phần chốt kiến thức, GV nên sử dụng sơ đồ hoặc tóm tắt dạng infographic trực quan, sinh động.

GV cũng hướng dẫn HS cách ghi bài khoa học và hiệu quả.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV nêu yêu cầu và nhiệm vụ:

- HS đóng vai làm nhà tuyên truyền hoặc bảo vệ môi trường hoặc báo cáo viên hoặc phóng viên,...
- Nghiên cứu sơ đồ, thuyết trình và phân tích các biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- HS lựa chọn một biện pháp hoặc GV phân công (số 1 tuyên truyền giải pháp 1; số 2 giải pháp 2; số 3 giải pháp 3 và số 4 giải pháp 4). HS viết ra giấy hoặc vở một đoạn thông tin khoảng 50 chữ theo cấu trúc câu “Vì ... nên” nhằm làm rõ biện pháp trong thời gian 5 phút.

Bước 2.

- Phương án 1: GV cho HS xếp hàng đôi tạo thành các cụm khác nhau nếu lớp đông. Các em sẽ đứng đối diện, chia sẻ thông tin vừa thực hiện và dịch chuyển để tạo ra các cặp đối diện mới, có thể thực hiện 3 – 4 lần.
- Phương án 2: GV yêu cầu HS đứng lên tạo nhóm 4 thành viên với 4 nội dung khác nhau và trình bày lần lượt theo vòng tròn.
- Phương án 3: GV cho HS đếm số 1, 2 để yêu cầu HS ghép cặp trong lớp gồm 1 số chẵn và 1 số lẻ bất kỳ nhằm thực hiện việc chia sẻ thông tin.

Bước 3. GV mời HS chia sẻ thông điệp của mình trước lớp hoặc rút thăm ngẫu nhiên. Nếu có thời gian, có thể tạo cuộc thi “Ngôi sao hùng biện” nhằm giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và tự tin trước tập thể. GV yêu cầu HS nhận xét phần trình bày của bạn, đồng thời sửa lỗi, làm mẫu để giúp HS tự tin hơn khi thuyết trình. GV lưu ý có tiêu chí đánh giá cụ thể cho hoạt động này.

Bước 4. GV chốt kiến thức, nhấn mạnh việc lựa chọn giải pháp tùy thuộc vào từng địa phương với những đặc điểm tự nhiên khác nhau, tuy nhiên, phải tuân thủ một số nguyên tắc chung, đặc biệt là phát triển bền vững. GV có thể yêu cầu HS liên hệ địa phương HS đang sinh sống về các giải pháp tương tự nhằm giải quyết câu hỏi số 2 trong phần Vận dụng.

3. Một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Quan sát hình 12, em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 12. Sơ đồ một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

Luyện tập

1. Mô tả vị trí địa lý của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm địa hình, khí hậu, sông, hồ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vận dụng

1. Em hãy đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, mô tả vẻ đẹp thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Ở nơi em sống thường xảy ra thiên tai nào? Hãy đề xuất biện pháp để phòng, chống.

19

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ.

Bước 2. GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ lần lượt theo nội dung của SGK. Với yêu cầu làm sơ đồ tư duy, GV cần có tiêu chí đánh giá cụ thể và hướng dẫn mẫu.

Bước 3. GV tổng kết hoạt động học tập, khen ngợi, động viên các HS đã thực hiện tốt và tiến bộ, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ về nhà.

Tuy nhiên phần Luyện tập nên lồng ghép trong quá trình giảng dạy.

VẬN DỤNG

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc to nhiệm vụ.

Bước 2. GV yêu cầu HS chia sẻ theo cặp để hiểu nhiệm vụ.

Bước 3. GV yêu cầu HS chia sẻ và giải đáp, bổ sung thông tin, gợi ý.

Bước 4. GV dặn dò về thời hạn nộp bài.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Điểm cực Bắc và cực Tây

Điểm cực Bắc của nước ta nằm ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, cách cột cờ Lũng Cú vài km về phía bắc, nơi con sông Nho Quế đổ vào đất Việt. Đây là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số như Mông, Tày, Hoa, Pu Páo, Giáy,...

Lũng Cú nổi tiếng với cột cờ quốc gia, có lá cờ rộng 54 m², đại diện cho tinh thần đoàn kết của 54 dân tộc anh em, được xây dựng trên đỉnh núi Rồng, trên độ cao hơn 1 468 m so với mực nước biển. Cột cờ Lũng Cú đặt ở nơi Đài vọng cảnh cực Bắc Việt Nam, cách cực Bắc Việt Nam khoảng 3,3 km theo đường thẳng. Từ trên đỉnh cột cờ nhìn xuống đất, có hai ao nước cạnh bên núi quanh năm không bao giờ cạn, được gọi là mắt rồng, là nguồn nước cho người dân tộc hai bản sử dụng. Thời điểm đẹp nhất trong năm để chinh phục Lũng Cú là cuối tháng 9, đầu tháng 10, lúc mùa lúa chín vàng, trời quang mây tạnh, những thửa ruộng bậc thang vàng óng.

Điểm cực Tây của Việt Nam là cột mốc giao điểm đường biên giới 3 nước Việt Nam – Lào – Trung Quốc, còn gọi là mốc A Pa Chải, nằm trên đỉnh Khoan La San cao 1 866 m, thuộc xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Cột mốc được làm bằng đá hoa cương, dựng trên bệ hình lục giác, ngoài cùng là khối vuông với diện tích 5 x 5 m. Cột mốc cao 2 m với ba mặt quay về hướng của ba nước, trên mỗi mặt được khắc tên nước bằng tiếng quốc ngữ và gắn quốc huy của từng quốc gia.

2. Một số thiên tai gây thiệt hại lớn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Mưa lũ: Từ đêm 15 – 9 đến sáng 16 – 9 – 2022, địa bàn tỉnh Lào Cai xảy ra mưa, mưa vừa, mưa to gây ra lũ quét. Đặc biệt, huyện Bảo Yên xuất hiện lũ ống tại các dòng suối gây ảnh hưởng, thiệt hại đến tài sản, cơ sở vật chất và đời sống của nhân dân. Theo thống kê sơ bộ đến 14 giờ ngày 16 – 9, đã có 12 nhà dân bị thiệt hại do mưa lũ; trên 51 ha lúa và hoa màu bị vùi lấp; 11 công trình đường giao thông, thủy lợi, cầu, ngầm tràn bị đứt gãy, sạt lở. Một số tuyến đường bê tông tại các xã, thị trấn bị sạt lở. Ước tổng thiệt hại gần 6 tỉ đồng.

Rét đậm, rét hại: Đợt rét từ ngày 22 đến 28 – 1 – 2016 kéo dài 7 ngày nhưng đây là đợt rét có nhiệt độ thấp nhất trong lịch sử, xảy ra trên diện rộng; một số điểm nhiệt độ rất thấp như: Mẫu Sơn (Lạng Sơn) -5,0°C, Sa Pa (Lào Cai) -4,2°C. Đợt rét này đã khiến 36 678 con gia súc bị chết.

Sạt lở đất: Sáng ngày 16 – 5 – 2022 do mưa lớn kéo dài, tại Km11+200 trên tuyến đường Nậm Khao – Tà Tổng – Mường Nhé đã xảy ra sạt lở đất, gây đứt gãy toàn bộ mặt đường, khiến giao thông bị tê liệt.

3. Núi Phan-xi-păng:

Đỉnh núi cao nhất nước ta và bán đảo Đông Dương, trên dãy Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, cách thị trấn Sa Pa (Lào Cai) khoảng 9 km về phía tây nam, nằm giáp hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu thuộc vùng Tây Bắc Việt Nam. Theo tiếng địa phương, núi tên là “Hủa Xi Pan” và mang nghĩa là “phiến đá khổng lồ chênh vênh”. Chiều cao của đỉnh núi năm 1909 là 3 143 m, tuy vậy, theo số liệu mới nhất cuối tháng 6 năm 2019, đỉnh núi cao 3 147,3 m.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được đặc điểm dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang; xây dựng các công trình thủy điện; khai thác khoáng sản;...).
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
- + Trình bày được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang; xây dựng các công trình thủy điện; khai thác khoáng sản;...) thông qua đọc kênh chữ, khai thác kênh hình (tranh ảnh, video).
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Tìm kiếm thông tin về dân tộc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Vẽ một bức tranh sinh động về ruộng bậc thang.

Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm và trình bày trước lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện vấn đề khai thác tự nhiên của vùng hoặc tỉnh, thành phố HS đang sinh sống, từ đó phát triển kĩ năng so sánh, phân biện và đánh giá.

Phẩm chất

Yêu nước: thể hiện tình yêu Tổ quốc qua việc tự hào về các địa danh, thắng cảnh, công trình của vùng.

Bài 5

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
- Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang; xây dựng các công trình thủy điện; khai thác khoáng sản;...).



Khởi động

Em hãy sắp xếp các chữ cái dưới đây thành từ chỉ một hoạt động kinh tế và trả lời câu hỏi:

- Hoạt động kinh tế đó tên là gì?
- Hoạt động kinh tế đó tiêu biểu ở khu vực địa hình nào? Vì sao?

Đ	H	I	Ỡ	T	Ê	N	U
---	---	---	---	---	---	---	---



Khám phá

1. Dân cư

Quan sát các hình 1, 2, 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số dưới 100 người/km², trên 200 người/km².
- Nêu nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Mông, Dao, Tày, Thái, Mường, Nùng,...

Dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân bố không đều. Nơi có địa hình thấp dân cư tập trung đông đúc, ở các vùng núi cao dân cư thưa thớt.

20

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng cách thức khởi động như trong SGK.
- + Cách thứ hai: GV đọc 4 câu thơ và đặt các câu hỏi để khai thác bài học:

Về thăm vùng đất biên cương
Núi đồi bát ngát, ruộng nương ngút ngàn
Đây đồng, đá quý, sắt, than
Kìa là dòng thác vui mang điện về.

- Thiên nhiên đã mang đến cho vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ những thế mạnh nổi bật nào?
- Vùng đã khai thác các thế mạnh đó ra sao? Những ngành kinh tế nào là tiêu biểu?
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về cách thức khai thác tự nhiên

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm nhỏ khác nhau, quy mô 4 HS/ nhóm.

Bước 2. GV hướng dẫn HS các nhiệm vụ như sau:

- Đếm số thứ tự từ 1 đến hết số lượng thành viên trong nhóm.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên: ví dụ số 1 làm nhóm trưởng, quản lý nhiệm vụ chung; số 2 làm thư kí ghi chép và tóm tắt; số 3 làm họa sĩ vẽ hình minh họa; số 4 làm báo cáo viên,...
- Hoạt động:

+ Đọc thông tin trong SGK.

+ Trả lời câu hỏi: Kể tên các cách thức khai thác tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Tóm tắt các cách thức bao gồm các nội dung: tên cách thức, nguyên nhân, ý nghĩa của việc khai thác, định hướng khai thác (nếu có). GV gợi ý HS có thể thiết kế sơ đồ. Thời gian thực hiện 10 phút.



Hình 1. Lược đồ phân bố dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, năm 2020



Hình 2. Thành phố Hạ Long (Quảng Ninh)



Hình 3. Điểm dân cư Sùng Lã (Hà Giang)

2. Cách thức khai thác tự nhiên

Quan sát các hình 4, 5, 6 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

a) Làm ruộng bậc thang

Ruộng bậc thang là hình thức canh tác phổ biến ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Để trồng được lúa trên đất dốc, người dân đã xẻ sườn núi thành ruộng bậc thang. Đây là biểu tượng cho quá trình chinh phục thiên nhiên của các đồng bào vùng cao nước ta. Các thửa ruộng bậc thang ở Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai... còn là những điểm du lịch hấp dẫn, đặc biệt vào mùa lúa chín.



Hình 4. Danh thắng ruộng bậc thang Mù Cang Chải (Yên Bái)

21

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV sử dụng các hình ảnh về một số dân tộc để HS lựa chọn khi tham gia trò chơi: Tôi là ai nhằm giúp HS ghi nhớ và miêu tả được đặc trưng của một số dân tộc.

Bước 2. GV cho HS quan sát khoảng 2 phút hình ảnh đặc trưng về một số dân tộc tiêu biểu của vùng như dân tộc Mông, Dao, Thái, Tày, Nùng, Mường,... sau đó mô tả ngắn gọn đặc điểm về trang phục, cách búi tóc, vòng cổ, nhạc cụ,... cho HS. Thông qua mô tả, các thành viên trong lớp sẽ đoán đó là dân tộc nào bằng cách ghi kết quả vào bảng con.

Bước 3. GV chia lớp thành các cặp hoặc HS tự bắt cặp ngẫu nhiên.

HS quan sát các hình 1, 2, 3 và đọc thông tin trong SGK để:

- Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số dưới 100 người/km², trên 200 người/km².
- Nêu nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Bước 4. HS làm việc theo cặp. Các cặp gần nhau sẽ kiểm tra chéo kết quả và chỉnh lại (nếu có).

Bước 5. GV sử dụng lược đồ, mời một số HS lên chia sẻ kết quả làm việc.

Bước 6. GV chốt lại kiến thức và nhấn mạnh đặc trưng dân cư của vùng. Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều dân tộc sinh sống, đặc biệt là dân tộc thiểu số đã tạo cho vùng nền văn hoá đa dạng và đặc sắc.

GV cũng yêu cầu các cặp tự tính điểm thi đua, thông báo kết quả đạt được qua trò chơi.

Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục 1.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

Bước 3. HS làm việc nhóm, GV quan sát và hỗ trợ.

Bước 4. HS thuyết trình trước lớp. GV yêu cầu HS dán sản phẩm trên bàn nếu lớp không đủ không gian hoặc trên các vị trí khác nhau trong lớp để HS di chuyển và bình chọn cho sản phẩm tốt nhất theo tiêu chí: nội dung (6 điểm); thẩm mỹ (3 điểm); sáng tạo (1 điểm).

Bước 5. GV chốt lại kiến thức, giới thiệu thêm thông tin mở rộng hoặc có thể đề nghị HS chia sẻ thêm hiểu biết về các hoạt động tương tự ở địa phương, tìm ra các hoạt động tương đồng hoặc khác biệt trong sản xuất nông nghiệp, thủy điện và khai thác khoáng sản. GV tích hợp thêm vấn đề phát triển bền vững và bảo vệ môi trường thông qua các định hướng khai thác cập nhật.

GV chấm sản phẩm nhóm, công bố điểm và tính điểm thi đua cho mục này. GV chú ý lồng ghép phần luyện tập trong quá trình tổ chức giảng dạy mục 2.

Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục 2.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Đất hiếm

Đất hiếm là một khoáng sản đặc biệt, là thành phần không thể thiếu trong sản xuất thiết bị công nghệ cao. Loại khoáng sản này tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Lào Cai.

Đất hiếm gồm 17 nguyên tố, phần lớn trong số đó đóng vai trò không thể thay thế trong sản xuất thiết bị công nghệ cao, pin, nam châm vĩnh cửu phục vụ cho xe điện, tua bin điện gió, máy bay, điện thoại và công nghiệp quốc phòng. Theo công bố năm 2022 của Cục Khảo sát địa chất Mỹ, Trung Quốc có trữ lượng đất hiếm lớn nhất, 44 triệu tấn; kế đến là Việt Nam 22 triệu tấn và Bra-xin (Brazil) 21 triệu tấn. Các nước như Nga, Mông Cổ, Ấn Độ cũng có đất hiếm nhưng trữ lượng ít hơn. Mặc dù có tiềm năng nhưng nguồn tài nguyên này mới chỉ dừng ở mức độ khai thác nhỏ lẻ do công nghệ còn lạc hậu, chủ yếu sử dụng phương pháp thủ công, vì vậy dẫn đến tổn thất tài nguyên lớn (có những mỏ tổn thất tới 60%), công suất thấp, không tách được hết thành phần nguyên tố hiếm.

2. Công trình thủy điện Lai Châu

Công trình thủy điện Lai Châu có tổng công suất 1 200 MW, được xây dựng ở bậc thang trên cùng của dòng chính sông Đà tại xã Nậm Hàng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 522 km về phía tây bắc. Công trình thủy điện Lai Châu hoàn toàn do các kỹ sư và các nhà khoa học trong nước nghiên cứu thực hiện từ khâu khảo sát, thiết kế đến thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

Thủy điện Lai Châu là công trình thủy điện lớn thứ ba của nước ta, xếp sau công trình thủy điện Sơn La và thủy điện Hoà Bình. Cả ba công trình thủy điện này cùng được xây dựng trên dòng chính sông Đà, đều thuộc loại lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 5 – 1 – 2011 công trình thủy điện Lai Châu chính thức được khởi công xây dựng, đến ngày 20 – 12 – 2016 chính thức khánh thành, sớm hơn một năm so với Nghị quyết của Quốc hội.

3. Ruộng bậc thang Mù Cang Chải

Ruộng bậc thang Mù Cang Chải có diện tích khoảng 2 200 ha thuộc huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Năm 2007, 330 ha diện tích ruộng bậc thang của 3 xã La Pán Tẩn, Chế Cu Nha, Dế Xu Phình được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xếp hạng là Di tích quốc gia và đến năm 2019 danh thắng Ruộng bậc thang Mù Cang Chải đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV lồng ghép trong quá trình giảng dạy.

VẬN DỤNG

Bước 1. GV yêu cầu đọc 2 câu hỏi vận dụng theo SGK.

Bước 2. GV gợi ý HS tìm hiểu cả 2 nội dung hoặc tự chọn.

– Giới thiệu về dân tộc: nội dung có thể đề cập đến gồm tên dân tộc, số dân, nơi cư trú, phong tục, nhà ở, trang phục,...

– Vẽ tranh: trên tờ giấy khổ A4 hoặc A3 hoặc chất liệu tùy chọn khác.

GV nêu rõ thời hạn nộp sản phẩm và các tiêu chí đánh giá có liên quan.

b) Xây dựng các công trình thủy điện



Hình 5. Nhà máy thủy điện Sơn La (Sơn La)

c) Khai thác khoáng sản

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn khoáng sản phong phú nhất nước ta. Nhiều loại khoáng sản có trữ lượng lớn như than đá, sắt, a-pa-tít, thiếc, đồng,... Khoáng sản khai thác được sử dụng trong công nghiệp, đời sống và xuất khẩu. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, sử dụng cần chú ý đến sự an toàn, tiết kiệm và bảo vệ môi trường.



Hình 6. Công nhân khai thác than ở mỏ Khê Châm (Quảng Ninh)

Luyện tập

1. Tại sao vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thủy điện lớn?
2. Em hãy chọn mỗi thông tin ở cột A cho phù hợp với một thông tin ở cột B và ghi kết quả vào vở.

Mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

A	B
Điều kiện tự nhiên	Hoạt động sản xuất
1. Địa hình dốc, nhiều đồi núi	a) Xây dựng các nhà máy thủy điện
2. Sông ngòi lớn, dốc, nhiều nước	b) Xê sước núi, làm ruộng bậc thang
3. Nguồn khoáng sản phong phú	c) Khai thác mỏ

Vận dụng

1. Tìm hiểu và giới thiệu về một dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Vẽ một bức tranh về ruộng bậc thang.

Ruộng bậc thang Mù Cang Chải gắn liền với đời sống, tập tục của người Mông. Do thiếu những mảnh ruộng bằng phẳng để canh tác, đồng bào Mông đã tận dụng từng mảnh ruộng nhỏ được vỡ ra ở từng ngọn núi có độ cao từ 800 – 1 700 m, cùng với việc chinh phục thiên nhiên để sinh tồn nhưng vô tình đồng bào ở đây lại trở thành những “người nghệ sĩ” tạo nên một “tác phẩm nghệ thuật” hùng vĩ giữa núi non đại ngàn.

Với địa hình đồi núi cao và đặc thù của khí hậu nên một năm đồng bào Mông ở Mù Cang Chải chỉ gieo trồng một vụ lúa duy nhất, tháng 5 – 6 là thời gian đắp đập be bờ, lấy nước vào ruộng từ những cơn mưa đầu mùa hạ hoặc những con suối đầu nguồn để phục vụ cho việc cày ải, gieo mạ, cấy lúa (mùa nước đổ), tháng 9 – 10 là vào vụ thu hoạch (mùa lúa chín). Chính vì thế, mùa nước đổ và mùa lúa chín là thời gian đẹp nhất ở đây.

Ruộng bậc thang Mù Cang Chải từng vào “Top 20 điểm đến sắc màu nhất thế giới”, “Top 50 điểm đến đẹp nhất thế giới năm 2020”.

4. Than đá ở Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh có mỏ than quan trọng bậc nhất tại Việt Nam. Các mỏ than tại đây bắt đầu được đưa vào khai thác từ năm 1839. Trữ lượng lớn cùng vị trí sát biển thuận tiện cho việc vận chuyển than đến thị trường quốc tế.

Số liệu đánh giá, thăm dò than của Việt Nam đến tháng 12 – 2020 cho thấy, tổng trữ lượng, tài nguyên than khoảng 47,6 tỉ tấn. Trong đó, bể than Đông Bắc có hơn 5,1 tỉ tấn; bể than Sông Hồng hơn 41,9 tỉ tấn.

Hiện nay Quảng Ninh là tỉnh khai thác than đá chính của cả nước. Theo Cổng thông tin Quảng Ninh, tỉnh có trữ lượng khoảng 3,6 tỉ tấn; hầu hết thuộc dòng an-tra-xít, tỉ lệ carbon ổn định từ 80 – 90%. Than đá ở tỉnh Quảng Ninh phần lớn tập trung tại ba khu vực: Hạ Long, Cẩm Phả và Uông Bí – Đông Triều.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Kể tên được một số lễ hội văn hoá đặc trưng của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Trình bày được mục đích của một số lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: từ những nguồn tư liệu, nêu được nhận xét về đặc điểm của các lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sử dụng được các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận về một lễ hội văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Năng lực chung

Giao tiếp hợp tác: bước đầu sử dụng được ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng về một lễ hội văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Phẩm chất

Yêu nước: tôn trọng văn hoá của các dân tộc của đất nước.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV yêu cầu HS quan sát các hình 1, 2 và miêu tả các hoạt động trong hình 1 và 2.

- Hình 1. Người Thái ở Sơn La đang múa xoè kết hợp nhảy sạp (múa sạp). Múa xoè, nhảy sạp (múa sạp) là các hình thức diễn xướng dân gian, là các loại hình văn hoá mang tính cộng đồng của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Hình 2. Người dân bán thổ cẩm tại chợ phiên. Thổ cẩm là sản phẩm thủ công đặc trưng của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Thổ cẩm không chỉ được dùng làm trang phục mà còn là một mặt hàng trao đổi, buôn bán tại các phiên chợ.

Bài 6

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

Mô tả được một số lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (ví dụ: lễ hội Gầu Tào, hát Then, múa xoè Thái, lễ hội Lồng Tồng, chợ phiên vùng cao,...).



Khởi động

Những hình ảnh dưới đây gợi cho em điều gì về đời sống của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?



Hình 1. Múa xoè kết hợp với nhảy sạp của người Thái (Sơn La)



Hình 2. Sản phẩm thổ cẩm được bày bán tại chợ phiên Cán Cấu (Lào Cai)



Khám phá

1. Lễ hội truyền thống

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, em hãy:

- Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Cho biết các lễ hội này được tổ chức như thế nào và có ý nghĩa gì.

23

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về lễ hội truyền thống

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 3, 4, 5, 6 để kể tên và mô tả các lễ hội truyền thống của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng).

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bằng cách trình bày hoặc lập bảng so sánh các nội dung chính của hai lễ hội này: tên lễ hội, thời gian tổ chức, ý nghĩa, hoạt động chính.

Bước 2. Xem báo cáo.

Bước 3. HS báo cáo (xem bảng tên).

Bước 4. GV nhận xét.

Hàng năm, người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thường tổ chức nhiều lễ hội văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc như lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Hoa Ban,...

a) Lễ hội Gầu Tào

Lễ hội Gầu Tào của người Mông thường được tổ chức vào đầu năm mới để cúng tạ trời đất, cầu phúc, cầu mưa thuận gió hoà và mùa màng bội thu.

Trong lễ hội có các trò chơi dân gian truyền thống như kéo co, đánh cù, múa khèn, múa ô, thổi sáo, thi hát đối giao duyên,...



Hình 3. Trò chơi kéo co trong lễ hội Gầu Tào



Hình 4. Biểu diễn múa ô trong lễ hội Gầu Tào

b) Lễ hội Lồng Tồng

Lễ hội Lồng Tồng là nghi lễ nông nghiệp cổ xưa của dân tộc Tày, Nùng. Lễ hội thường bắt đầu vào những ngày đầu của năm mới.

Trong lễ hội, một người đàn ông có uy tín sẽ đại diện cho dân bản cày đường cày đầu tiên để lấy may mắn cho vụ mùa. Sau đó, chủ lễ và các gia đình trong bản chuẩn bị các mâm lễ và tiến hành nghi thức cúng tế.



Hình 5. Nghi thức cày đường cày đầu tiên trong lễ hội Lồng Tồng (Thái Nguyên)



Hình 6. Nghi thức dâng mâm lễ trong lễ hội Lồng Tồng (Tuyên Quang)

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

- GV lưu ý các đặc trưng tiêu biểu của mỗi lễ hội để tránh nhầm lẫn cho HS.
- GV có thể cung cấp thêm cho HS: lễ hội Gầu Tào (có nghĩa là hội chơi ngoài trời), lễ hội Lồng Tồng (có nghĩa là xuống đồng), lễ hội Lồng Tồng cũng thường được gọi là lễ hội Lồng Tồng. Với mục đích như vậy, lễ hội Gầu Tào nghiêng về tổ chức nghi lễ cảm tạ trời đất và các trò chơi ngoài trời; lễ hội Lồng Tồng nghiêng về các hoạt động liên quan đến nông nghiệp, các nghi lễ nông nghiệp cổ xưa.

Lễ hội		
Thông tin	Lễ hội Gầu Tào	Lễ hội Lồng Tồng
Thời gian	Thường được tổ chức vào đầu năm mới.	Thường được tổ chức vào những ngày đầu năm mới.
Ý nghĩa	– Mang tính cộng đồng lớn nhất của người Mông. – Lễ hội Gầu Tào là dịp để đồng bào người Mông tụ họp, giao lưu thắt chặt tình đoàn kết.	– Mang đậm văn hoá nông nghiệp, phản ánh tâm tư. – Lễ hội Lồng Tồng phản ánh nguyện vọng của dân tộc Tày, Nùng với mong ước cả năm được mùa, khoẻ mạnh và một năm mới nhiều tốt lành.
Hoạt động chính	Có các trò chơi dân gian truyền thống như kéo co, đánh cù, múa khèn, múa ô, thổi sáo, thi hát đối giao duyên,...	– Một người đàn ông có uy tín sẽ đại diện cho dân bản cày đường cày đầu tiên để lấy may mắn cho vụ mùa. – Chủ lễ và các gia đình trong bản chuẩn bị các mâm lễ và tiến hành nghi thức cúng tế. – Có các trò chơi dân gian như đánh quay, kéo co, đẩy gậy, thi cày lúa,... đặc biệt là thi ném còn.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về múa hát dân gian

Bước 1. GV hướng dẫn HS khai thác thông tin, quan sát các hình 7, 8 và mục “Em có biết” để kể tên một số loại hình múa hát dân gian tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: hát Then, múa xoè Thái, múa sạp,...

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: một số loại hình múa hát dân gian tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: hát Then, múa xoè Thái, múa sạp,...

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể giới thiệu thêm cho HS về nhảy sạp (múa sạp) (kết hợp với hình 1 trang 23).

GV có thể cung cấp thêm:

1. Mỗi dân tộc Tày, Nùng, Thái có sự khác nhau trong cách tổ chức đã làm phong phú thêm loại hình nghệ thuật hát Then. Theo quan niệm người Tày, “Then” có nghĩa là Trời. Các làn điệu Then của người Tày kể về cuộc sống thường ngày ở bản mường, cùng các câu chuyện tình yêu, cưới hỏi, ma chay. Hát Then của người Nùng kể về cuộc hành trình lên thiên giới để cầu xin đấng thần linh giải quyết một vấn đề gì đó cho gia chủ. Theo tín ngưỡng của người Nùng, nghi lễ Then và hát Then có khả năng chữa bệnh, đem lại sự bình an, niềm vui, niềm lạc quan trong cuộc sống. Còn đối với người Thái, Then bắt nguồn từ cuộc sống lao động, nêu lên những vấn đề về tín ngưỡng, giáo dục đạo đức con người, ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước,...

2. Người Thái có đến khoảng 36 điệu xoè, gồm nhiều điệu thức như: xoè khăn, xoè quạt, xoè nón, xoè sạp,... Các điệu xoè có khởi nguồn từ cuộc sống lao động sản xuất hằng ngày như gánh nước, xay thóc, giã gạo,... Múa xoè Thái thể hiện tinh thần bình đẳng, không phân biệt giới tính, độ tuổi của người Thái. Người tham gia xoè Thái sẽ biểu diễn theo điệu nhạc. Thông thường, dàn nhạc gồm một trống cái, một cồng và một chiêng. Trong đó, chiếc chiêng đóng vai trò giữ nhịp, thể hiện sự vang vọng của bầu trời. Nghệ thuật xoè Thái là biểu tượng cho nghệ thuật vũ đạo, âm nhạc, trang phục và ứng xử văn hoá của cộng đồng người Thái.

Tiếp đến là các trò chơi dân gian như đánh quay, kéo co, đẩy gậy, thi cày lúa,... đặc biệt là thi ném còn.

2. Múa hát dân gian

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy kể tên một số loại hình múa hát dân gian tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Bên cạnh các lễ hội truyền thống của các dân tộc Tày, Nùng, Thái, ở vùng núi phía Bắc còn có các loại hình ca múa hát dân gian như hát Then, múa xoè Thái,... Đây là những loại hình nghệ thuật độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá, giữ vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Em có biết?

Năm 2019, di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Năm 2021, UNESCO ghi danh nghệ thuật xoè Thái là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Hình 7. Học hát Then (Tuyên Quang)



Hình 8. Múa xoè Thái (Yên Bái)

3. Chợ phiên vùng cao

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy cho biết:

- Chợ phiên vùng cao được tổ chức vào thời gian nào.
- Em ấn tượng nhất điều gì về chợ phiên vùng cao.

Chợ phiên là nét văn hoá độc đáo của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Thông thường, chợ phiên mỗi tuần tổ chức họp một lần và bán các nông sản, sản phẩm thủ công do chính người dân làm ra.

25

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về chợ phiên vùng cao

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình 9, 10 để tìm hiểu về các nội dung chính của chợ phiên vùng cao: thời gian tổ chức (có gì đặc biệt so với các chợ vùng đồng bằng), nhận xét về các hàng hoá được bán tại chợ phiên (bán những gì, những sản phẩm đó có gì đặc biệt,...).

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời:

– Chợ phiên vùng cao được tổ chức mỗi tuần một lần, thường là ngày Chủ nhật. Có địa phương tổ chức vào hai ngày thứ Bảy, Chủ nhật; có những địa phương quy định ngày họp theo ngày âm lịch như ngày Tý, Ngọ, Dậu,...



Hình 9. Nông sản được bày bán ở chợ phiên của người Mông (Hà Giang)



Hình 10. Một góc chợ phiên (Điện Biên)

Những người đến chợ phiên đôi khi không chỉ mua bán, trao đổi hàng hoá mà còn để gặp gỡ bạn bè, giao duyên, giao lưu văn hoá giữa các dân tộc,... Vì thế, nhiều người đã chọn cho mình bộ trang phục truyền thống đẹp nhất để xuống chợ, góp thêm nhiều màu sắc cho bức tranh phiên chợ vùng cao thêm sinh động, vui tươi.



Luyện tập

Em hãy mô tả về một lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo các gợi ý: tên lễ hội, thời gian, hoạt động chính, ý nghĩa.



Vận dụng

Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu một nét văn hoá đặc trưng của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

26

– Điểm ấn tượng:

- + Thời gian tổ chức họp chợ (khác với các chợ ở vùng đồng bằng thường diễn ra hằng ngày).
- + Những hàng hoá tại chợ phiên được bày bán một cách rất mộc mạc, không cầu kì, thường là những sản phẩm nông nghiệp hay thủ công do chính người dân làm ra, mỗi người chọn cho mình một góc và trải hàng ra bán. Tại các phiên chợ, mua và bán diễn ra vui vẻ, thuận mua vừa bán.
- + Những người đến chợ đôi khi không chỉ là mua bán, trao đổi hàng hoá, mà còn để gặp gỡ bạn bè, giao duyên, giao lưu văn hoá giữa các dân tộc,... Vì thế, cảnh chợ thường có nhiều màu sắc sinh động, vui tươi.

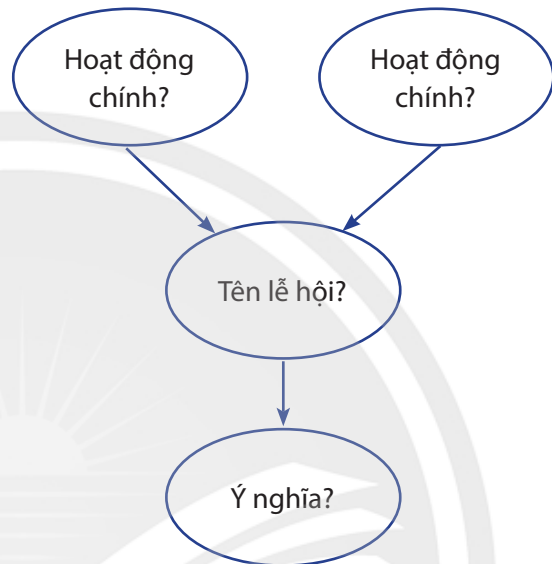
Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS (hay nhóm HS) trình bày các thông tin được yêu cầu trong SGK hoặc vẽ sơ đồ về các thông tin này và hướng dẫn HS lựa chọn thông tin từ SGK để hoàn thành yêu cầu.

Gợi ý sơ đồ:



VẬN DỤNG

GV cung cấp thêm thông tin hoặc yêu cầu HS chuẩn bị trước về một nét văn hoá đặc trưng của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: một lễ hội; một loại hình múa hát dân gian hoặc về cảnh họp trong một buổi chợ phiên để giới thiệu cho cả lớp nghe dưới vai là một hướng dẫn viên du lịch.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể lại được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
 - + Đọc sơ đồ khu di tích, xác định được một số công trình kiến trúc chính trong Quần thể di tích Đền Hùng.
 - + Sử dụng tư liệu lịch sử và văn hoá dân gian, trình bày được những nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Xác định được vị trí của khu di tích Đền Hùng trên bản đồ hoặc lược đồ, thời gian, địa điểm tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương hiện nay.
 - + Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

Năng lực chung

Tự chủ, tự học: có ý thức tổng kết và trình bày được những nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương sau khi học.

Phẩm chất

Yêu nước: kính trọng, biết ơn các Vua Hùng đã có công dựng nước.

KHỞ ĐỘNG BÀI HỌC

GV yêu cầu HS đọc các câu ca dao để xác định tên lễ hội và chia sẻ những hiểu biết về lễ hội này.

GV hướng dẫn HS khai thác các thông tin có sẵn trong các câu ca dao: “giỗ Tổ” (tên lễ hội), “mồng Mười tháng Ba” (thời gian tổ chức), “khắp miền”, “nghìn năm” (lễ hội lớn của dân tộc, có truyền thống lâu đời).

Gợi ý: GV có thể cung cấp thêm hình ảnh, video hoặc các kênh thông tin về lễ giỗ Tổ Hùng Vương rồi hướng dẫn HS khai thác thông tin để khái quát về lễ hội.

Bài 7

ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của khu di tích Đền Hùng trên bản đồ hoặc lược đồ; thời gian, địa điểm tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương hiện nay.
- Đọc sơ đồ khu di tích, xác định được một số công trình kiến trúc chính trong Quần thể di tích Đền Hùng.
- Sử dụng tư liệu lịch sử và văn hoá dân gian, trình bày được những nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.
- Kể lại được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.
- Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.



Khởi động

Những câu ca dao dưới đây nói về lễ hội nào của nước ta? Em hãy chia sẻ những hiểu biết của em về lễ hội này.

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng Mười tháng Ba
Khắp miền truyền mãi câu ca
Nước non vẫn nước non nhà nghìn năm.
(Ca dao)



Khám phá

1. Khu di tích Đền Hùng

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy xác định:

- Vị trí của khu di tích Đền Hùng.
- Một số công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng.

27

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về khu di tích Đền Hùng

Bước 1. Trước khi yêu cầu HS đọc thông tin, GV yêu cầu HS quan sát hình 1 để xác định vị trí của khu di tích Đền Hùng.

GV lưu ý HS về kí hiệu khu di tích trên hình: ngoài phạm vi trong thành phố Việt Trì, còn có phần nhỏ kí hiệu ở phía nam huyện Phù Ninh và phía đông bắc huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

GV yêu cầu HS quan sát hình 2 để xác định các công trình kiến trúc chính trong khu di tích.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

a) Vị trí địa lý

Phần lớn khu di tích Đền Hùng nằm ở thành phố Việt Trì và phần còn lại thuộc hai huyện Lâm Thao và Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ. Khu di tích được xây dựng để tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng.



Hình 1. Lược đồ hành chính tỉnh Phú Thọ, năm 2021

GV lưu ý HS quan sát hình theo trình tự từ cổng vào khu di tích đến các đền. GV yêu cầu HS: đầu tiên, kể tên các công trình, sau đó, nêu theo trình tự vị trí các công trình (dựa theo các lối đi) trong khu di tích, đi thẳng từ cổng vào khu di tích đến cổng vào khu đền trung tâm, bên trái là Bảo tàng Hùng Vương. Từ cổng vào khu trung tâm, đi đến lần lượt là Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thượng, Lăng Hùng Vương và Đền Giếng. Đền Quốc Mẫu Âu Cơ và Đền thờ Lạc Long Quân ở hai khu riêng. GV có thể chuẩn bị hình lớn hơn để HS xem về các công trình trong khu di tích (khai thác hình và thông tin thêm từ trang: <https://denhung.phutho.gov.vn/>).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về lễ giỗ Tổ Hùng Vương

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình 3, 4, kết hợp thông tin đã tìm hiểu mục 1, để trả lời các thông tin: thời gian tổ chức, địa điểm, các hoạt động trong lễ hội.

Bước 2. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu và trả lời:

– Thời gian tổ chức: mồng Mười tháng Ba âm lịch hàng năm.

– Địa điểm: tổ chức tại khu di tích Đền Hùng.

– Các hoạt động trong lễ hội: phần lễ có lễ rước kiệu, lễ dâng hương. Phần hội có nhiều hoạt động phong phú: diễn xướng hát Xoan, múa rối nước, liên hoan văn nghệ, hội trại văn hoá, hội thi gói bánh, hội thi thể thao,...

Bước 3. GV hướng dẫn HS quan sát hình 5, đọc đoạn thông tin cuối và mục “Em có biết” để HS cảm nhận: lễ hội thể hiện sự ghi nhớ cội nguồn dân tộc, ghi nhớ công ơn của các Vua Hùng trong công cuộc dựng nước và giữ nước ở giai đoạn đầu của lịch sử dân tộc.

Bước 4. GV cung cấp thêm thông tin: hàng năm, ngoài lễ giỗ Tổ tại khu di tích Đền Hùng ở Phú Thọ, nhiều địa phương khác như Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau,... đều tổ chức lễ giỗ Tổ tại địa phương.

b) Một số công trình kiến trúc



Hình 2. Sơ đồ khu di tích Đền Hùng

2. Lễ giỗ Tổ Hùng Vương

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy cho biết:

- Lễ giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức vào thời gian nào và ở đâu.
- Lễ được tổ chức như thế nào.
- Cảm nhận của em về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương là ngày lễ lớn của cả dân tộc, được tổ chức vào ngày mồng Mười tháng Ba âm lịch hàng năm.

GV có thể giới thiệu thêm cho HS tư liệu từ Triều Nguyễn về thời gian tổ chức lễ giỗ Tổ.

Bia “Hùng miếu điển lệ bi” do Hội đồng kỉ niệm tỉnh Phú Thọ lập và dựng tại Đền Thượng – khu di tích Đền Hùng vào mùa Xuân năm 1923 có ghi về thời gian tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương: “Xã Hy Cương, phủ Lâm Thao có miếu lăng phụng thờ Hùng Vương ở núi Hùng, trải qua các năm, cả nước đến tế, thường lấy kì mùa thu, chọn ngày tốt làm lễ, chưa có việc định rõ ngày, mà tục lệ của dân xã đó lấy ngày Mười Một tháng Ba, kết hợp với thờ thổ kì, làm lễ riêng... Nay phụng mệnh theo bộ Lễ, chuẩn định ngày quốc tế tại miếu Tổ Hùng Vương là ngày mồng Mười tháng Ba. Chiều ngày mồng Chín tháng Ba hằng năm, các quan đều phải mặc phẩm phục, tề tựu túc trực tại nhà công quán. Sáng hôm sau, tới miếu kính tế...”

Nghi thức quan trọng nhất của phần lễ là lễ rước kiệu, lễ dâng hương. Phần hội được tổ chức với nhiều hoạt động phong phú: diễn xướng hát Xoan, múa rối nước, liên hoan văn nghệ, hội trại văn hoá, hội thi gói bánh, hội thi thể thao,...



Hình 3. Lễ rước kiệu



Hình 4. Hát Xoan trong lễ giỗ Tổ Hùng Vương

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương là biểu trưng cho truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam từ bao đời nay. Lễ hội thể hiện lòng tự hào dân tộc, nhắc nhở mỗi con người Việt Nam nhớ về công ơn dựng nước và giữ nước của các Vua Hùng.



Em có biết?

Năm 2007, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn ngày lễ giỗ Tổ Hùng Vương (mồng Mười tháng Ba âm lịch) trở thành quốc lễ của Việt Nam.

Năm 2012, UNESCO ghi danh “Tin ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ” là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Hình 5. Bia đá khắc lời căn dặn của Bác Hồ được đặt tại khu di tích Đền Hùng

3. Truyền thuyết về thời kì Hùng Vương

Đọc các thông tin, em hãy:

- Kể tên một số truyền thuyết liên quan đến thời kì Hùng Vương.
- Cho biết các truyền thuyết dưới đây thể hiện nội dung gì.

30

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về truyền thuyết thời kì Hùng Vương

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin để kể tên các truyền thuyết liên quan đến thời kì Hùng Vương và khái quát nội dung của các câu chuyện.

GV hướng dẫn HS đọc, khai thác các đoạn thông tin để kể tên một số truyền thuyết về thời Hùng Vương theo tiến trình lịch sử: *Con Rồng cháu Tiên* (thần thế Vua Hùng); *Sự tích trầu cau* (đời Hùng Vương thứ ba hoặc thứ tư); *Thánh Gióng và Bánh chưng, bánh giầy* (đời Hùng Vương thứ sáu); *Mai An Tiêm* (đời Hùng Vương thứ mười bảy), *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (đời Hùng Vương thứ mười tám);...

GV cũng có thể sưu tầm hình ảnh về các truyền thuyết để HS đoán và phân loại truyền thuyết rồi mới tiến hành kể lại một số truyền thuyết.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời:

Thời kì Hùng Vương gắn liền với buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Những truyền thuyết kể về thời kì này là: Con Rồng cháu Tiên; Sự tích trầu cau; Thánh Gióng; Bánh chưng, bánh giầy; Sơn Tinh, Thủy Tinh;...

Truyền thuyết con Rồng cháu Tiên

Lạc Long Quân giống Rồng và Âu Cơ giống Tiên kết duyên vợ chồng. Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở trăm con. Sau đó, năm mươi người con theo Âu Cơ lên núi, năm mươi người con theo Lạc Long Quân xuống biển, chia nhau trị vì các nơi.

Người con cả theo Âu Cơ lên núi được chọn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Phủ Thọ ngày nay). Các đời vua sau đều gọi là Hùng Vương.

(Theo Nguyễn Đăng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)

Truyền thuyết Thánh Gióng

Đời Vua Hùng thứ sáu, ở làng Phù Đổng (huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay) có một cậu bé tên là Gióng. Cậu bé lên ba tuổi mà vẫn chưa biết nói, biết cười. Lúc bảy giờ, giặc Ân xâm lược nước ta, nhà vua sai sứ giả tìm người tài đánh giặc. Sứ giả đi đến làng Phù Đổng thì kì lạ thay, cậu bé bỗng cất tiếng nói: "Mẹ mời sứ giả vào đây". Cậu bảo sứ giả về tâu với vua sắm một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt để đánh giặc.

Sau hôm đó, cậu bé lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng không no, áo mặc mấy cũng không vừa. Giặc đến, vừa lúc sứ giả mang ngựa sắt, roi sắt và áo giáp sắt đến, cậu bé vươn vai biến thành tráng sĩ đánh tan quân giặc. Đánh giặc xong, tráng sĩ cỡi bò đốm giáp sắt, cưỡi ngựa bay về trời. Vua nhớ công ơn, phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà. Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng.

(Theo Nguyễn Đăng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Sđd)



Luyện tập

Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện các công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng.



Vận dụng

Em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày cảm nghĩ của em về công lao của các Vua Hùng và truyền thống dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

31

– Truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên* kể về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam, cụ thể là câu chuyện về Quốc Tổ Lạc Long Quân và Quốc Mẫu Âu Cơ, thân sinh của Hùng Vương thứ nhất.

– Truyền thuyết *Thánh Gióng* thể hiện lòng yêu nước và cuộc đấu tranh giữ nước của nhân dân ta dưới thời Vua Hùng, thông qua câu chuyện về Thánh Gióng trong đời Hùng Vương thứ sáu.

Bước 4. GV nhận xét.

GV cũng có thể sưu tầm hình ảnh về các truyền thuyết để HS đoán và phân loại truyền thuyết rồi mới tiến hành kể lại một số truyền thuyết.

GV làm rõ cho HS về vai trò của các Vua Hùng: dựng nước (xây dựng đất nước) là việc xây dựng Nhà nước Văn Lang – Nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam; giữ nước (bảo vệ đất nước) thể hiện qua việc lãnh đạo, tổ chức các cuộc đấu tranh của nhân dân chống giặc ngoại xâm.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ bằng các kí hiệu đơn giản hoặc GV cung cấp sơ đồ trống và yêu cầu HS vẽ các công trình vào sơ đồ.

VẬN DỤNG

GV gợi ý cho HS khai thác các thông tin đã tìm hiểu ở mục 2, yêu cầu HS viết một đoạn văn (từ 5 đến 7 dòng) trình bày cảm nghĩ về công lao dựng nước và giữ nước của các Vua Hùng, truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- + Nêu được một số đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất và đời sống.
- + Kể được tên một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,...) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua đọc bản đồ hoặc lược đồ.
- + Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ qua tranh ảnh, video.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên địa phương em đang sinh sống.

Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm cũng như trình bày trước lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ, phát hiện một số vấn đề của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, của địa phương, từ đó đề xuất một số giải pháp đơn giản nhằm bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.

Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về các địa danh và thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Chăm chỉ: chủ động học tập, tìm hiểu về vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Chủ đề 3:

ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Bài 8

THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,...) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Khởi động

Hãy trình bày hiểu biết của em về sông Hồng.



Hình 1. Một đoạn sông Hồng chảy qua thành phố Hà Nội



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 2, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Kể tên các vùng và vịnh biển tiếp giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ do phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.

Phía bắc và phía tây của vùng giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ, phía nam giáp với Duyên hải miền Trung, phía đông là vịnh Bắc Bộ.

32

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong những cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng cách thức khởi động như trong SGK.
- + Cách thứ hai: GV thiết kế trò chơi “Hiểu ý đồng đội” với các từ khóa để HS bốc thăm, đồng thời gợi ý cho các thành viên trong lớp đoán và ghi vào bảng con.
- + Cách thứ ba: GV có thể tìm kiếm một số đoạn clip về vùng Đồng bằng Bắc Bộ, cắt ghép, xử lí nhằm đạt hiệu quả cao, thể hiện một số đặc điểm thiên nhiên của vùng, từ đó đặt câu hỏi: Em có nhận xét gì về thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ? Cảnh nào em nhớ nhất? Vì sao?
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”



Hình 2. Lược đồ địa hình vùng Đông bằng Bắc Bộ

2. Một số đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất, đời sống

a) Địa hình

Quan sát các hình 2, 3, 4, 5 và đọc thông tin, em hãy:

– Xác định trên lược đồ các khu vực địa hình có độ cao: 0 – 50 m, 50 – 200 m và trên 500 m. Khu vực nào có diện tích lớn nhất?

– Cho biết địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và đời sống của người dân vùng Đông bằng Bắc Bộ.



Hình 3. Thu hoạch cà rốt (Hải Dương)



Hình 4. Vùng núi đá vôi (Ninh Bình)

33

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 2 trong SGK, kết hợp với câu hỏi khai thác theo bài.

Bước 2. GV thông báo thể lệ và đọc các câu hỏi ngắn để HS tham gia trò chơi.

- HS đếm số theo nhóm, từ 1 đến 6.
- Gọi lần lượt từng số của các nhóm để tham gia trò chơi.

– GV đọc to câu hỏi, các HS có số mà được GV gọi phải cùng nhau trả lời bằng cách ghi đáp án ra bảng nhỏ, các HS còn lại không được tham gia.

Bước 3. GV mời 1 – 2 HS lên trình bày lại thông tin về vị trí địa lí vùng. GV cũng mời các HS còn lại nhận xét và xung phong nhắc lại nội dung.

Bước 4. GV chốt lại kiến thức và nhấn mạnh vị trí địa lí của vùng. Vị trí địa lí này sẽ ảnh hưởng lớn đến đặc điểm thiên nhiên, đặc biệt là khí hậu.

Bước 5. GV có thể giới thiệu về đảo Cát Bà (Hải Phòng), Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) hoặc một số đặc trưng thú vị về các tỉnh, thành phố ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất, đời sống

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm nhỏ khác nhau, quy mô 6 HS/ nhóm, đếm số thứ tự và phân công nhiệm vụ.

Bước 2. GV hướng dẫn các nhiệm vụ như sau:

- Đóng vai làm chuyên gia địa hình.
- Đóng vai làm chuyên gia khí hậu.
- Đóng vai làm chuyên gia sông ngòi.

Các cá nhân sẽ có nhiệm vụ:

- Đọc thông tin trong SGK.
- Tìm các từ khóa trọng tâm của nội dung đọc và ghi ra giấy note của mình.
- Kết hợp với hình 2, đóng vai làm chuyên gia để mô tả đặc điểm tự nhiên của vùng.

GV giới thiệu tiêu chí đánh giá cho hoạt động chuyên gia của HS.

Bước 3. HS làm việc theo hình thức cá nhân.

Bước 4. HS lần lượt giăng bài cho các thành viên của nhóm. Hai thành viên có cùng nhiệm vụ sẽ bổ sung, đặt câu hỏi cho nhau.

Bước 5. GV mời các chuyên gia lên chia sẻ, sử dụng bản đồ hoặc lược đồ hoặc bảng số liệu để làm rõ các thông tin.

Với nội dung này, GV có thể biến tấu thành Talkshow, mời 3 – 6 chuyên gia lên trò chuyện, tư vấn với người dân về đặc điểm tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ cũng như đề cập đến những thuận lợi và khó khăn đối với hoạt động sản xuất của vùng.

Bước 6. GV chốt kiến thức bằng sơ đồ. Đây cũng là nội dung có thể yêu cầu HS tự hoàn tất, thay cho nội dung luyện tập với câu hỏi số 1.

Ngoài phương án dạy trên, với mục 2 này, GV có thể áp dụng các hình thức khác, ví dụ:

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

KĨ THUẬT MẢNH GHÉP KẾT HỢP TRẠM VÀ PHÒNG TRANH

Vòng chuyên gia

Bước 1. GV chia lớp thành 2 – 3 cụm, mỗi cụm gồm 3 nhóm nhỏ, đếm số từ 1 đến hết.

Bước 2. Giao nhiệm vụ cho từng nhóm. Mỗi nhóm thể hiện một nội dung khác nhau theo câu hỏi định hướng nhằm tóm tắt, mô tả và lí giải kiến thức về địa hình, khí hậu, sông ngòi của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Bước 3. HS làm việc nhóm với bảng phụ, ngoài ra có thể thực hiện trên giấy A3 hoặc A4 tóm tắt thông tin.

Vòng mảnh ghép

Bước 1. GV tạo nhóm mảnh ghép, nhóm có đủ các thành viên của các nhóm với các nội dung tìm hiểu khác nhau. Sản phẩm có thể để trên bàn (nếu lớp không đủ không gian) hoặc dán ở các góc tương ứng (nếu lớp rộng).

Bước 2. GV yêu cầu các chuyên gia chia sẻ nội dung đã tìm hiểu ở bàn hoặc ở các góc theo ma trận.

Bước 3. HS chia sẻ, mỗi lần khoảng 2 phút, sau đó di chuyển. Sản phẩm của chuyên gia nào thì chuyên gia đó chia sẻ. Các thành viên khác hỏi, chuyên gia giải đáp thêm theo cấu trúc 5W1H.

Bước 4. HS về lại nhóm, hoàn thành sơ đồ tư duy về đặc điểm thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Bước 5. GV gọi ngẫu nhiên HS lên trình bày, chia sẻ nội dung đã tìm hiểu.

Bước 6. GV tổ chức trò chơi để tổng kết kiến thức, lồng ghép nội dung luyện tập.

Bước 7. GV chốt kiến thức.

HS chủ động ghi bài theo gợi ý.

GV có thể tổ chức trò chơi với các câu hỏi ngắn nhằm bao quát kiến thức. GV cũng có thể chuẩn bị sẵn một bảng kiểm kiến thức Đúng hoặc Sai thay thế cho phần trò chơi để HS hoàn thành phần tự đánh giá của mình trong nội dung này. Với một số thông tin, GV yêu cầu HS lí giải sự lựa chọn nhằm khắc sâu kiến thức trọng tâm và qua đó phát triển tư duy và kĩ năng cho HS.

Phần lớn vùng Đồng bằng Bắc Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng, thấp dần về phía biển. Độ cao trung bình của vùng dưới 25 m. Trong vùng còn có nhiều ô trũng.

Địa hình vùng đồng bằng thuận lợi cho cư trú, sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,... Một số khu vực núi có cảnh quan đẹp tạo điều kiện để phát triển du lịch.

Tuy nhiên, địa hình có nhiều ô trũng thường bị ngập úng vào mùa mưa, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống.

b) Khí hậu

Đọc bảng số liệu và thông tin, em hãy cho biết:

- Những tháng nào nhiệt độ trung bình dưới 20°C, những tháng nào lượng mưa trung bình trên 100 mm.
- Một số ảnh hưởng của khí hậu đến sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng của thành phố Hà Nội

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	16	17	20	24	27	29	29	28	27	25	21	18
Lượng mưa (mm)	19	26	44	90	189	240	288	318	265	131	43	23

34

Để bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ, cần chú trọng bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên tiết kiệm, cải tạo đất, hướng đến phát triển bền vững.



Hình 7. Vườn quốc gia Cúc Phương (Ninh Bình)

Luyện tập

- Em hãy hoàn thành thông tin về một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, khí hậu và sông ngòi vùng Đồng bằng Bắc Bộ theo bảng gợi ý dưới đây vào vở:

Yếu tố	Thuận lợi	Khó khăn
Địa hình	?	?
Sông ngòi	?	?
Khí hậu	?	?

- Em quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường nào nhất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ? Vì sao?

Vận dụng

Viết một đoạn văn ngắn (không quá 100 chữ) về một vấn đề môi trường đang diễn ra ở địa phương em.

36

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV nêu yêu cầu và nhiệm vụ: HS theo dõi các bức tranh và chia sẻ cảm xúc của bản thân về sự thay đổi, khác biệt của tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Bước 2. GV yêu cầu HS lấy giấy note:

- Nêu nguyên nhân của sự thay đổi.
- Nêu giải pháp cho vấn đề.

Bước 3. GV mời HS chia sẻ thông tin theo hình thức cá nhân, mỗi HS nêu một ý kiến. GV tổng hợp lên bảng. Các HS khác bổ sung vào giấy note hoặc vở của mình.

Bước 4. GV chốt kiến thức, nhấn mạnh việc lựa chọn giải pháp tùy thuộc vào từng địa phương với những đặc điểm tự nhiên khác nhau, tuy nhiên, phải tuân thủ một số nguyên tắc chung, đặc biệt là phát triển bền vững. GV có thể yêu cầu HS liên hệ địa phương HS đang sinh sống nhằm giải quyết câu hỏi trong phần Vận dụng.

GV mở rộng thêm một số thông tin:

- Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng ngập mặn vùng Đồng bằng Bắc Bộ” nhằm phục hồi 330 ha rừng ngập mặn tại các khu vực này, đồng thời hỗ trợ triển khai một số hoạt động phát triển sinh kế cho cộng đồng; tăng cường năng lực cho các cơ quan chức năng để nâng cao hiệu quả quản lý. Đây là một trong những Dự án lớn thuộc lĩnh vực lâm nghiệp được Chính phủ Hàn Quốc tài trợ. Dự án được thực hiện từ năm 2021 đến năm 2024, tổng nguồn vốn trên 100 tỉ đồng, trong đó vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc thông qua Cơ quan Lâm nghiệp Hàn Quốc trên 89 tỉ đồng. Dự án chính thức khởi động sẽ góp phần nâng cao chất lượng rừng của tỉnh Nam Định, Ninh Bình. Đồng thời nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, góp phần nâng cao và ổn định đời sống nhân dân vùng ven biển.
- Nhà máy điện rác Sóc Sơn được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương từ năm 2017 với tổng mức đầu tư khoảng 7 000 tỉ đồng. Nhà máy nằm trong Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Sóc Sơn. Nhà máy được giới thiệu “sử dụng công nghệ đốt rác châu Âu”. Mỗi giờ sẽ tạo ra 75 MW điện, giúp Hà Nội xử lý 4 000 tấn rác khô, tương đương 5 000 – 5 500 tấn rác ướt mỗi ngày. Khi đi vào vận hành, đây sẽ là nhà máy điện rác lớn thứ 2 thế giới, chỉ sau nhà máy điện rác Thâm Quyến – Trung Quốc (công suất đốt 5 000 tấn rác khô mỗi ngày).

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV lồng ghép trong quá trình giảng dạy.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS thực hiện như trong SGK. GV có thể thêm 1 – 2 nhiệm vụ khác có độ khó tương đương để HS lựa chọn một trong các nhiệm vụ phù hợp. GV cũng nêu tiêu chí đánh giá đi kèm.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh. Mùa hè nóng, mưa nhiều, thường có bão. Mùa đông, vùng chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên nhiệt độ hạ thấp, mưa ít.

Khí hậu vùng Đồng bằng Bắc Bộ tạo thuận lợi cho trồng trọt, đặc biệt trồng rau vụ đông. Tuy nhiên, khí hậu nóng ẩm làm cho sâu bệnh phát triển.

c) Sông ngòi

Quan sát các hình 2, 6 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ một số sông của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Cho biết thuận lợi và khó khăn mà sông ngòi mang lại cho sản xuất và đời sống của vùng.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có mạng lưới sông ngòi dày đặc. Các sông lớn của vùng là sông Hồng, sông Thái Bình, sông Đáy,... có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, phát triển giao thông vận tải và nuôi trồng thủy sản.

Tuy nhiên, vào mùa khô mực nước sông hạ thấp nên giao thông đường thủy, sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn.



Hình 6. Sông Hồng mùa cạn (Hà Nội)

3. Bảo vệ thiên nhiên

Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy cho biết:

- Hiện trạng môi trường thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Một số biện pháp bảo vệ môi trường thiên nhiên của vùng.

Thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ đa dạng, nhưng hiện nay môi trường thiên nhiên đang bị suy thoái: đất bị bạc màu, ô nhiễm nguồn nước, tài nguyên sinh vật suy giảm,...

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được một số đặc điểm về dân cư của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- + Kể được tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- + Nêu được tên và mô tả ngắn gọn một số hoạt động sản xuất của vùng.
- + Trình bày được đặc điểm và vai trò của hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm hiểu và giới thiệu về một làng nghề ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm cũng như trình bày trước lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu thập thông tin, thể hiện sự quan tâm, thắc mắc về các vấn đề của vùng Đồng bằng Bắc Bộ từ đó so sánh đến địa phương, đánh giá vấn đề trên quan điểm cá nhân và đưa ra phương án giải quyết nếu có.

Phẩm chất

- Yêu nước: thể hiện tình yêu Tổ quốc qua việc tự hào về các sản vật của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Chăm chỉ: chủ động học tập, tìm hiểu về vùng Đồng bằng Bắc Bộ – vùng đất trù phú, giàu bản sắc.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong các cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng cách thức khởi động như trong SGK.
- + Cách thứ hai: GV thiết kế trò chơi “Lật mảnh ghép” với các câu hỏi liên quan đến các làng nghề hoặc

Bài 9

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư.
- Mô tả được một số hoạt động sản xuất truyền thống (trồng lúa nước, nghề thủ công...) ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Mô tả được một hệ thống đê và nêu được vai trò của đê điều trong trị thủy.



Khởi động

Các hình 1, 2 gợi cho em liên tưởng đến hoạt động sản xuất nào ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ?



Hình 1



Hình 2



Khám phá

1. Dân cư

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Xác định trên lược đồ các khu vực có mật độ dân số dưới 1 000 người/km², từ 1 000 – 2 000 người/km² và trên 2 000 người/km² của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Giải thích vì sao vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dân cư tập trung đông đúc.

sản phẩm thủ công của vùng Đồng bằng Bắc Bộ như tranh, gốm, chiếu, tương, trống,... để mở ra hình ảnh về Hà Nội hoặc một địa danh đặc trưng liên quan đến bài học.

- + Cách thứ ba: GV có thể tìm kiếm một số đoạn clip về dân cư vùng Đồng bằng Bắc Bộ, cắt ghép, xử lý nhằm đạt hiệu quả cao nhất, thể hiện một số đặc điểm dân cư của vùng, từ đó đặt câu hỏi:

- Em có nhận xét gì về số dân của vùng Đồng bằng Bắc Bộ?
- Dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ tập trung đông tại khu vực nào? Vì sao?
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”



Hình 3. Mật độ phân bố dân cư vùng Đồng bằng Bắc Bộ, năm 2020

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Dao, Tày, Thái,... Người Kinh có số lượng lớn nhất.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ là nơi con người sinh sống lâu đời, địa hình khá bằng phẳng và đất đai màu mỡ nên có số dân đông. Năm 2020, vùng có hơn 21 triệu người, mật độ dân số trung bình của vùng lên đến 1 431 người/km², gấp gần 5 lần mật độ trung bình của cả nước.

Dân cư tập trung đông trong các đô thị. Hà Nội, Hải Phòng là hai thành phố đông dân của vùng và của cả nước.

2. Hoạt động sản xuất

a) Trồng lúa nước

Quan sát các hình 4, 5 và đọc thông tin, em hãy mô tả hoạt động sản xuất trồng lúa nước ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ là vùng sản xuất lúa lớn thứ hai của nước ta, sau vùng Nam Bộ. Những tỉnh, thành phố trồng nhiều lúa trong vùng là: Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình,... Trồng lúa gồm nhiều công đoạn như: làm đất, gieo mạ, cấy lúa, chăm sóc lúa, thu hoạch lúa. Với kinh nghiệm lâu đời và kĩ thuật canh tác ngày càng hiện đại, năng suất lúa của vùng cao nhất cả nước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về hoạt động sản xuất của vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm nhỏ khác nhau quy mô 3 HS/ nhóm, đếm số thứ tự và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Bước 2. GV nêu nhiệm vụ:

- Nhóm 1 tìm hiểu về trồng lúa nước.
 - Nhóm 2 tìm hiểu nghề thủ công truyền thống.
- Các nhóm cần thiết kế một sơ đồ kiến thức thể hiện:
- Đặc điểm của sản xuất.
 - Quy trình sản xuất.

GV giới thiệu tiêu chí đánh giá cho hoạt động.

Bước 3. Thành viên các nhóm đọc SGK, tìm các từ khóa trọng tâm của nội dung đọc và thiết kế sơ đồ.

Bước 4. HS sau khi suy nghĩ kĩ, sẽ thiết kế sơ đồ kiến thức ra góc khăn trải bàn của mình trong vòng 3 – 5 phút. Nhóm sẽ thảo luận và thống nhất phương án sơ đồ ra bảng nhóm.

Bước 5. GV mời 2 nhóm lên bảng vẽ lại sơ đồ và chia sẻ nội dung. Các nhóm khác cùng nội dung sẽ góp ý thêm. HS tự hoàn thiện sơ đồ liên quan vào vở của mình.

Bước 6. GV chốt kiến thức bằng sơ đồ. GV cũng mở rộng thêm một số thông tin.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về dân cư của vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 3 trong SGK, đọc thông tin để tham gia trò chơi “Trí nhớ siêu đẳng”.

Bước 2. GV thông báo thể lệ và đọc các câu hỏi để HS tham gia trò chơi.

- HS đọc và quan sát hình trong 3 phút để ghi nhớ thông tin.
- HS gấp sách, dùng bảng con và phấn hoặc bút viết bảng để tham gia trò chơi.
- GV đọc to câu hỏi, các HS ghi nhanh kết quả lên bảng và giơ đáp án.

Một số câu hỏi gợi ý:

- Viết tên các dân tộc của vùng (mỗi dân tộc ghi đúng được 1 điểm).
- Số dân năm 2020 của vùng là bao nhiêu?
- Mật độ dân số trung bình của vùng là bao nhiêu?
- Tỉnh nào có mật độ trung bình dưới 1 000 người/km²? Trên 2 000 người/km²?
- Tại sao vùng có mật độ dân rất đông?...

Bước 3. GV tổng kết điểm thi đua và mời 1 – 2 HS lên bảng, sử dụng hình 3 trong SGK để nêu đặc điểm dân cư của vùng. GV cũng mời các HS khác nhận xét và xung phong nhắc lại nội dung.

Bước 4. GV chốt lại kiến thức và nhấn mạnh về đặc điểm dân cư của vùng.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV nêu yêu cầu và nhiệm vụ: HS theo dõi các bức tranh, kết hợp thông tin từ SGK để tự đặt các câu hỏi về hệ thống đê theo cấu trúc 5W1H trên giấy note hoặc bảng con: Cái gì? Ở đâu? Ai? Khi nào? Tại sao? Như thế nào?

Bước 2. GV yêu cầu HS chia sẻ các câu hỏi với các bạn trong nhóm và trước lớp. GV ghi lại các câu hỏi và yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi do HS tự nêu.

Bước 3. GV cho HS đứng dậy, chia sẻ đáp án của mình với bất kì bạn nào trong lớp, đồng thời tự ghi nhận đáp án và phản biện nếu khác với bản thân.

Bước 4. GV rút thăm gọi ngẫu nhiên HS chia sẻ, nêu thông tin.

Bước 5. GV chốt kiến thức, nhấn mạnh về ý nghĩa của đê sông Hồng. GV có thể mở rộng thêm qua câu chuyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”, những vấn đề về khí hậu gió mùa và thay đổi của đê hiện nay.



Hình 4. Cấy lúa



Hình 5. Thu hoạch lúa

b) Nghề thủ công truyền thống

Đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số làng nghề truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Mô tả hoạt động sản xuất của một nghề thủ công truyền thống.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có hàng trăm làng nghề thủ công truyền thống đã tồn tại lâu đời. Mỗi làng nghề thường làm một sản phẩm đặc trưng như: làng lụa Vạn Phúc (Hà Nội), làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), làng chiếu cói Kim Sơn (Ninh Bình)... Nhiều sản phẩm được xuất khẩu mang lại giá trị kinh tế cao. Để tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh, những người thợ đều phải tiến hành nhiều công đoạn khác nhau rất công phu, tỉ mỉ.

Vạn Phúc (Hà Nội) là làng nghề dệt lụa nổi tiếng cả nước, đã tồn tại hơn một nghìn năm. Nguyên liệu làm lụa chủ yếu từ tơ tằm. Để tạo ra lụa, người dân đã trồng dâu, nuôi tằm. Sau khi tằm nhả tơ, đóng kén, các thợ thủ công chọn ra những chiếc kén già nhất rồi kéo tơ từ từ tằm thành sợi tơ, gourd tơ và mắc cúi, đưa vào máy dệt.

Hiện nay, nhiều nghề thủ công truyền thống đang có nguy cơ bị mai một dần. Vì thế, chúng ta cần bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công.

3. Hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Quan sát hình 6 và đọc thông tin, em hãy mô tả đặc điểm của đê sông Hồng.

Sông Hồng và sông Thái Bình là hệ thống sông lớn với hai mùa nước rõ rệt. Mùa mưa, lũ dâng cao ảnh hưởng cả một vùng rộng lớn. Vì thế, đê được đắp nhằm ngăn lũ, bảo vệ làng xã, ruộng đồng... Trong đó, đê sông Hồng là hệ thống đê tiêu biểu nhất. Trải qua hàng nghìn năm, đê trở thành một hệ thống hoàn chỉnh với chiều dài lên đến hàng nghìn ki-lô-mét.

39

LƯU Ý VỚI GV

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Theo sử sách, đê ở miền Bắc có từ đầu thế kỉ thứ VI, tuy nhiên, ban đầu đê rất thấp và ngắn, nó chỉ là các bờ bao, bờ vùng phục vụ cho việc chắn nước cục bộ trong phạm vi hẹp của một khu vực dân cư. Hiện nay, tổng số chiều dài hệ thống đê sông trong vùng Đồng bằng Bắc Bộ là 2 417 km đê thuộc Bắc Bộ. Trong đó, hệ thống sông Hồng có 1 667 km đê và 750 km đê thuộc hệ thống sông Thái Bình. Các đê sông thường có độ cao không quá 10 m. Chiều cao trung bình của đê sông từ 6 – 8 m, có nơi lên đến 11 m.

2. Dệt lụa từ tơ sen

Dệt lụa từ tơ tằm đã rất phổ biến từ trước đến nay. Tuy nhiên, dệt lụa từ tơ sen còn rất mới mẻ và đòi hỏi lắm công phu. Bà Phan Thị Thuận ở xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, Hà Nội là người tiên phong trong việc khai thác sen để lấy tơ dệt lụa. Cứ khoảng tháng 5 đến 9 hằng năm, mùa sen bắt đầu là gia đình nghệ nhân Phan Thị Thuận bước vào công đoạn khai thác tơ sen.



Hình 6. Đoạn đê sông Hồng đi qua huyện Thanh Trì (Hà Nội)

Đê cao trung bình từ 6 m đến 8 m tùy từng vị trí, có nơi cao hơn 10 m. Chân đê rộng từ 30 m đến 50 m. Mặt đê hiện được cải tạo trở thành các tuyến đường giao thông.

Đê là một biểu tượng về công tác trị thủy ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Luyện tập

1. Em hãy nhận xét sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
2. Tại sao nói đê sông Hồng có ý nghĩa to lớn đối với vùng Đồng Bằng Bắc Bộ?



Vận dụng

Tìm hiểu và giới thiệu một làng nghề truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP:

GV lồng ghép trong quá trình giảng dạy.

VẬN DỤNG:

GV yêu cầu HS thực hiện như trong SGK. GV có thể tìm thêm các làng nghề hoặc cho HS tự tìm và bốc thăm hoặc cho HS lựa chọn chủ đề chia sẻ sao cho thông tin chia sẻ của các HS đa dạng. GV gợi ý HS làm trên giấy A4, trình bày theo kiểu mindmap hoặc sơ đồ với cấu trúc câu hỏi 5W1H nhằm có thông tin phong phú nhất.

Để kéo tơ, người thợ cần sử dụng thân cây sen tươi. Để kéo được 25 kg sợi tơ cần 100 tấn thân sen. Sợi tơ sen mềm mại, rất mảnh và dễ đứt, việc lấy tơ sen kì công và khó hơn nhiều lần so với sợi tơ tằm và đòi hỏi sự chín chu, cầu kì, khéo léo bởi để dệt chiếc khăn dài 1,7 m; rộng 0,25 m cần tới 4 800 cuống sen. Công đoạn chọn cuống sen cần hết sức cẩn thận. Những người có kinh nghiệm chọn cuống sen sẽ cho nhiều tơ hơn và được các công nhân thực hiện dễ dàng hơn. Nhiều lúc bà Thuận phải ra tận đầm quan sát các công nhân và đưa ra góp ý để công nhân hái cuống sen đúng cách cũng như đạt năng suất cao.

Cuống sen sau khi được thu về sẽ phải rửa sạch bùn và gai, cuống càng sạch thì sợi tơ càng trắng đẹp. Để lấy được tơ, nghệ nhân Thuận phải dùng dao khía xung quanh cuống sen, sau đó dùng tay vặn và kéo tơ, đồng thời vẽ cho sợi tơ sen tròn lại. Công đoạn này phải diễn ra khéo léo, không cắt quá sâu nếu không sẽ làm đứt luôn sợi tơ bên trong. Nghệ nhân Phan Thị Thuận cũng cho biết tất cả các cuống sen phải được xử lí trong vòng 24 tiếng đồng hồ, bởi cuống bị khô lại, tơ sẽ hỏng hoàn toàn.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: mô tả được một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sử dụng được các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận về một lễ hội ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: cùng nhau hoàn thành được nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy, cô.

Phẩm chất

- Trách nhiệm.
- Tôn trọng những nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV yêu cầu HS quan sát và miêu tả các hình 1, 2 (số lượng và kiến trúc nhà ở, không gian,...) để thấy rõ sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn ở Hà Nội.

GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh và trả lời: đô thị Hà Nội có nhiều nhà cao tầng san sát nhau, có ít cây cối; còn nông thôn Hà Nội thì nhà thưa thớt, có ruộng đồng, có nhiều cây to che bóng mát như cây đa, cây dừa,...

GV giới thiệu thêm: hình 2 chính là quang cảnh thường thấy ở các làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài ra, ở làng quê nơi đây còn có cổng làng, đình làng, giếng nước,...

Bài 10

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở LÀNG QUÊ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

Mô tả được một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Khởi động

Em hãy chỉ ra những sự khác biệt trong hai bức ảnh dưới đây:



Hình 1. Một góc đô thị Hà Nội



Hình 2. Một góc ngoại thành Hà Nội



Khám phá

1. Đời sống ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, em hãy mô tả phong cảnh làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Người dân ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ sống thành từng làng, theo quan hệ họ hàng, làng xóm. Phong cảnh quen thuộc ở làng quê thường có cổng làng, cây đa, lũy tre, giếng nước, chùa, đình làng,...



Hình 3. Cổng làng cổ Đường Lâm (Hà Nội)

41

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đời sống ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin kết hợp quan sát các hình 3, 4, 5, 6, kể tên và mô tả các cảnh vật thường có ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường có cổng làng, cây đa, lũy tre, giếng nước, đình làng,...

Mỗi làng đều có một ngôi đình thờ Thành hoàng, là nơi hội họp, tổ chức các lễ hội truyền thống của người dân trong làng.



Hình 4. Đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh)



Hình 5. Cây bồ đề ở cổng đình làng Phú Hậu (Vĩnh Phúc)



Hình 6. Giếng nước làng cổ ở Hoa Lư (Ninh Bình)

2. Các lễ hội tiêu biểu ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy:

- Cho biết các lễ hội được tổ chức vào thời gian nào và có ý nghĩa gì.
- Nêu những hoạt động chính trong lễ hội chùa Hương và hội Lim.

Một trong những hoạt động văn hoá đặc sắc của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ là các lễ hội. Lễ hội thường được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu để cầu cho một năm mạnh khoẻ, mùa màng bội thu như lễ hội chùa Hương, hội Lim, lễ hội chùa Keo,...

a) Lễ hội chùa Hương

Lễ hội chùa Hương diễn ra trên địa bàn xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Lễ hội bắt đầu từ ngày 6 tháng Giêng và thường kéo dài đến hết tháng Ba âm lịch hàng năm.



Hình 7. Du khách trên đồng suối Yến dẫn vào chùa Hương

Nó tượng trưng cho sự trường tồn của thời gian, biểu tượng cho lịch sử và niềm tự hào của dân làng.

– Đình làng được xem là một trong các biểu tượng đặc trưng nhất cho nét văn hoá làng quê của người dân nông thôn vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Mỗi làng đều có một ngôi đình thờ Thành hoàng, là người có công với làng, với nước. Đồng thời, đình làng cũng là nơi hội họp, nơi tổ chức các lễ hội truyền thống của người dân trong làng.

+ Bên cạnh đình, chùa, miếu, trong quần thể không gian kiến trúc của làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ, giếng nước hoặc bến nước cũng được xem là chốn tâm linh. Vào ngày cuối tuần hay dịp lễ hội, dân làng thường đến đây đặt lễ cầu may và lấy nước buổi sớm ở giếng đem về thờ cúng.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các lễ hội tiêu biểu ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình 7, 8 để trình bày về các thông tin của lễ hội chùa Hương và hội Lim: thời gian tổ chức, ý nghĩa, hoạt động chính.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 4. GV nhận xét

GV kết hợp hình ảnh và cung cấp thêm thông tin cho HS:

- Cổng làng được xây dựng như là biểu tượng cho lịch sử và văn hoá đặc trưng của mỗi làng. Tên làng và những câu đối trang trí ở cổng thể hiện nguồn gốc lịch sử, nếp sống văn hoá của người dân trong làng.
- Những cây đa thường được trồng ở đầu làng, cuối hoặc giữa làng hay ở bên cạnh các công trình mang tính tâm linh như đình, đền, chùa.

Bước 3. HS trả lời:

GV có thể gợi ý cho HS kẻ hoàn thành thông tin như sau:

Thông tin \ Lễ hội	Lễ hội chùa Hương	Hội Lim
Thời gian	Từ ngày 6 tháng Giêng và thường kéo dài đến hết tháng Ba âm lịch hằng năm.	Từ ngày 12 đến ngày 14 tháng Giêng âm lịch.
Ý nghĩa	– Mang đậm tín ngưỡng văn hoá của người dân Hà Nội nói riêng, vùng Đồng bằng Bắc Bộ nói chung. – Lễ hội chùa Hương là hành trình về với miền đất tâm linh, dịp để mọi người về với cội nguồn văn hoá dân tộc.	– Mang đậm nét văn hoá đặc sắc của tín ngưỡng dân gian vùng Quan họ Bắc Ninh. – Hội Lim là niềm tự hào của nhiều thế hệ người dân Bắc Ninh nói riêng và người dân Việt Nam nói chung.
Hoạt động chính	– Phần lễ: lễ dâng hương, gồm hương, hoa, đèn, nến,... – Phần hội: hát chèo, hát văn,...	– Phần lễ: có các nghi thức rước, tế lễ Thành hoàng các làng, các vị anh hùng của quê hương, dâng hương cúng Phật,... – Phần hội: có nhiều trò chơi dân gian như đấu vật, đấu cờ, đánh đu, thi dệt vải,... Đặc sắc nhất là phần hát Quan họ với những tiết mục biểu diễn trên thuyền rồng.

Mở đầu là lễ dâng hương, gắm hương, hoa, đèn, nến,... Bên cạnh phần lễ, phần hội ở chùa Hương là nơi hội tụ nhiều nét sinh hoạt văn hoá dân tộc độc đáo như hát chèo, hát văn,...

Lễ hội chùa Hương là hoạt động mang đậm nét văn hoá của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

b) Hội Lim

Hội Lim được tổ chức từ ngày 12 đến ngày 14 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Trong đó, ngày 13 là ngày hội chính. Lễ hội được tổ chức tại núi Lim (núi Hồng Vân) và đôi bờ sông Tiểu Tương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Trong phần lễ, người ta thực hiện các nghi thức rước, tế lễ Thành hoàng các làng, các vị anh hùng của quê hương, dâng hương cúng Phật...

Sau phần lễ, hội Lim còn có nhiều trò chơi dân gian như đấu vật, đấu cờ, đánh đu, thi dệt vải,... Đặc sắc nhất là phần hát Quan họ với những tiết mục biểu diễn trên thuyền rồng.



Hình 8. Hát Quan họ trên thuyền hội Lim



Luyện tập

Dựa vào các thông tin đã học, em hãy mô tả một nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em thích.



Vận dụng

Nếu được tham gia một lễ hội ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ, em chọn tham gia lễ hội nào? Vì sao?

43

Bước 4: GV nhận xét.

GV có thể cung cấp thêm các video, hình ảnh về các lễ hội cho HS. Trường hợp không có thiết bị máy chiếu, GV có thể cho HS nghe các bài hát chèo, hát văn hoặc hát quan họ. GV cũng có thể giới thiệu thêm các lễ hội tiêu biểu khác: hội Gióng, lễ hội Đống Đa, lễ hội Cổ Loa, hội chùa Thầy,...

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS chọn một trong các hoạt động: mô tả về quang cảnh làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ, giới thiệu về lễ hội chùa Hương hoặc giới thiệu về hội Lim.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS nêu một lễ hội của làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà HS muốn tham gia và giải thích lí do.

GV cũng có thể cho HS thực hiện hoạt động: Em hãy vẽ một bức tranh về cảnh sinh hoạt văn hoá của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ hoặc ở một vùng nông thôn mà em biết (vẽ theo ảnh hoặc vẽ theo trí tưởng tượng của em).

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Xác định được vị trí sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ.
 - + Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: xác định được trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

Phẩm chất

Trách nhiệm: yêu thiên nhiên và đề ra được những biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV cho HS quan sát lược đồ và kể tên các sông lớn ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS xác định vị trí và tên gọi sông Hồng

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và đọc thông tin trang 45 để xác định vị trí sông Hồng (hoặc GV yêu cầu HS kể tên các tỉnh có sông Hồng chảy qua).

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: sông Hồng bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), chảy qua các tỉnh của Việt Nam như Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Nội, Hưng Yên, Thái Bình và đổ ra vịnh Bắc Bộ (Biển Đông). Phần sông Hồng chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài 556 km.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể kết hợp bản đồ cung cấp thêm thông tin:

- Phụ lưu (các sông đổ vào) của sông Hồng: sông Đà, sông Lô thể hiện trên lược đồ.

Bài 11

SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG

Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ và kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Suy tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích tư liệu,...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.



Khởi động

Em hãy kể tên các sông lớn ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí và các tên gọi của sông Hồng

Quan sát hình 1 và đọc thông tin, em hãy xác định vị trí sông Hồng trên lược đồ và kể một số tên gọi khác của sông Hồng.



Hình 1. Lược đồ sông Hồng chảy qua các tỉnh ở phía bắc Việt Nam

44

Sông Hồng bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), chảy qua Việt Nam và đổ ra Biển Đông. Phần sông Hồng chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài 556 km.

Sông Hồng còn có tên gọi khác như Hồng Hà, sông Cái, sông Thao, Bạch Hạc, Nhị Hà,...

2. Văn minh sông Hồng

a) Những thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng.

Nền văn minh sông Hồng của người Việt cổ hình thành và phát triển ở lưu vực của sông Hồng, sông Mã, sông Cả. Một số thành tựu tiêu biểu là: sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, trồng đồng Đông Sơn,...

Nhà nước: cách ngày nay khoảng 2 700 năm, nhà nước đầu tiên đã ra đời, đó là Nhà nước Văn Lang, với kinh đô Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ ngày nay). Sau đó, vào khoảng 2 300 năm cách ngày nay, Thục Phán An Dương Vương đã thống nhất cư dân Âu Lạc và Lạc Việt lập ra Nhà nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa (Hà Nội ngày nay).

Đứng đầu Nhà nước Văn Lang là Hùng Vương, đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là An Dương Vương. Giúp việc cho vua là Lạc hầu, Lạc tướng.

Trống đồng Đông Sơn: có nhiều loại, đẹp nhất là trống đồng Ngọc Lũ, là nhạc cụ thường được sử dụng trong các lễ hội.



Hình 2. Trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam)



Em có biết?

Trống đồng Ngọc Lũ được phát hiện năm 1893 ở Hà Nam. Hiện nay, trống được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia (Hà Nội). Một phiên bản của trống đồng này được đặt tại vị trí trang trọng ngay cửa chính trụ sở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (Mỹ).

45

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về văn minh sông Hồng

GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 2, kết hợp mục “Em có biết” để trình bày khái quát những thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.

GV hướng dẫn HS đọc thông tin và trả lời: thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng là:

– Sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Âu Lạc: Nhà nước Văn Lang ra đời cách ngày nay khoảng 2 700 năm, đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ ngày nay); Nhà nước Âu Lạc ra đời cách ngày nay 2 300 năm, kinh đô đóng ở Cổ Loa (Hà Nội ngày nay).

(GV có thể lưu ý với HS: Nhà nước Âu Lạc ra đời sau Nhà nước Văn Lang khoảng 400 năm, đó cũng là thời gian trị vì của các Vua Hùng. GV cho HS biết, các em sẽ được học nhiều hơn về Nhà nước Văn Lang và Âu Lạc ở lớp 5 và lớp 6).

– Trống đồng Đông Sơn: có nhiều loại, là một loại nhạc cụ dùng trong các lễ hội. Trống đồng Ngọc Lũ là một trong những chiếc trống đồng Đông Sơn cổ và đẹp nhất còn nguyên vẹn, là đại diện loại hình hiện vật tiêu biểu nhất của nền văn hoá Đông Sơn.

GV khai thác thêm thông tin trong mục “Em có biết” để HS thấy được giá trị của trống đồng Đông Sơn hoặc GV yêu cầu HS đọc phần này và hỏi về giá trị của trống đồng (một phiên bản được đặt tại vị trí trang trọng ngay cửa chính trụ sở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (Mỹ)).

– Chi lưu (các sông thoát nước đi) của sông Hồng: sông Đuống, sông Luộc, sông Đáy,... là các nhánh trên lược đồ nhưng không có tên.

Kể tên các tên gọi khác của sông Hồng:

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin trang 45 để kể tên các tên gọi khác của sông Hồng.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: Hồng Hà, sông Cái, sông Thao, Bạch Hạc, Nhị Hà,... GV có thể trao đổi thêm về tên gọi Nhị Hà, xuất phát từ Nhĩ Hà, Nhĩ là tai, Hà là sông. Tên gọi này dùng để chỉ đoạn sông Hồng chảy qua Hà Nội cong như một cái tai. Dần về sau, người dân gọi là Nhị Hà.

Bước 4. GV nhận xét.

GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 3, để mô tả vài nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

GV hướng dẫn HS quan sát hình và trả lời:

- Đời sống vật chất: người Việt cổ ăn gạo nếp, gạo tẻ (hình 3b: Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*); trang phục có sự khác biệt giữa nam và nữ (nam mình trần, đóng khố; nữ mặc váy, có yếm che ngực); ở nhà sàn (hình 3a); phương tiện di chuyển là thuyền (hình 3c).
- Đời sống tinh thần: họ thờ cúng tổ tiên và các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời,... Trong ngày lễ, họ nhảy múa, thổi kèn, ca hát, đua thuyền,... (hình 3d).

Trong hoạt động này, GV cũng có thể cho HS xác định được điểm tương đồng của các truyền thuyết (trang 31 bài 7 SGK) với hoa văn trên trống đồng (hình 3a. Hình ảnh nhà sàn; hình 3c. Hình ảnh thuyền liên quan đến truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, sự tích *Mai An Tiêm*,...)

b) Đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ

Đọc thông tin và quan sát hình 3 kết hợp với truyền thuyết, em hãy mô tả một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

Đời sống vật chất: cư dân Việt cổ sử dụng gạo nếp, gạo tẻ để làm thức ăn chính. Nam thường đóng khố, mình trần; nữ mặc váy và áo yếm. Họ ở nhà sàn và biết đóng thuyền di chuyển trên sông.

Đời sống tinh thần: cư dân Việt cổ có tục thờ cúng tổ tiên và các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời,... và có tục ăn trầu, nhuộm răng. Trong những ngày lễ hội, họ nhảy múa, thổi kèn, ca hát, đua thuyền,...



a) Hình ảnh nhà sàn



b) Hình ảnh gặt gạo



c) Hình ảnh thuyền



d) Hình ảnh người thổi kèn, nhảy múa

Hình 3. Hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ

Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*

Sau khi dẹp xong giặc Ân, Vua Hùng thứ sáu đã cho gọi các hoàng tử đến và nói rằng sẽ truyền ngôi cho ai tìm được thức ăn ngon để bày cúng tổ tiên.

Trong khi những người con khác mang đến sơn hào hải vị, Hoàng tử Lang Liêu đã làm bánh để dâng vua cha. Ông chọn gạo nếp làm bánh vuông để tượng trưng cho Đất, gọi là bánh chưng. Sau đó, ông già xôi làm bánh tròn, để tượng trưng cho Trời, gọi là bánh giầy. Vua cha nếm thử, thấy bánh ngon, khen có ý nghĩa và truyền ngôi lại cho Lang Liêu.

(Theo Nguyễn Đăng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Sdd)

46

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS khai thác thông tin ở mục 2 để thực hiện yêu cầu liệt kê (hoặc hoàn thành bảng) những thành tựu tiêu biểu, đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

3. Biện pháp giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy nêu một số biện pháp giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

Sông Hồng vừa mang giá trị văn hoá – lịch sử, vừa giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng trở thành vấn đề cấp thiết.

Một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng:

- Không xả rác xuống sông Hồng;
- Trồng nhiều cây xanh ven sông để tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp;
- Tuyên truyền, quảng bá văn hoá – lịch sử của sông Hồng;
- Phát triển các tuyến du lịch trên sông.



Hình 4. Tàu du lịch trên sông Hồng



Luyện tập

Hãy liệt kê những thành tựu tiêu biểu, đặc điểm về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ theo gợi ý:

- Thành tựu tiêu biểu;
- Đời sống vật chất và tinh thần.



Vận dụng

Em hãy viết một thông điệp để quảng bá giá trị của sông Hồng.

47

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về biện pháp giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 4 để nêu một số biện pháp giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: sông Hồng có giá trị văn hoá – lịch sử và kinh tế quan trọng của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, cần có những biện pháp thiết thực để bảo vệ cảnh quan sông Hồng như: cấm xả rác xuống sông, trồng nhiều cây xanh ven sông và phát triển tiềm năng của sông như tuyên truyền, quảng bá văn hoá – lịch sử của sông Hồng, phát triển các tuyến du lịch trên sông (hình 4).

(Ngoài những gợi ý trong SGK, GV khuyến khích HS đưa ra thêm những biện pháp không có trong sách).

Bước 4. GV nhận xét.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS viết một thông điệp để quảng bá giá trị của sông Hồng và nêu thêm những biện pháp thiết thực để bảo vệ hoặc phát huy giá trị đó. (GV có thể tham khảo sách bài tập cũng như gợi ý cho HS về tầm quan trọng của nguồn nước nói chung và sông Hồng nói riêng với đời sống hiện nay)

Thời sáng tạo

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Phân tích được đặc điểm tự nhiên của Thăng Long thể hiện ở *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.
- + Nêu được một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội thông qua các tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về Thăng Long tứ trấn, sự tích Hồ Gươm, Hoàng Diệu chống thực dân Pháp, chuyện Hà Nội đánh Mỹ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Xác định được vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
- + Thể hiện được ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.
- + Sử dụng được đường thời gian để biểu diễn quá trình lịch sử của Thăng Long – Hà Nội.

Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định và làm rõ được thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu về Thăng Long – Hà Nội cho sẵn theo hướng dẫn.

Phẩm chất

Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- GV cho HS chia sẻ những điều mà mình biết về Thủ đô Hà Nội. Sau đó, GV gọi những thông tin về Thủ đô Hà Nội để mở đầu bài học: thuộc vùng Đồng bằng Bắc Bộ, có lịch sử hàng nghìn năm với nhiều phố cổ, có các công trình kiến trúc lâu đời, tập trung nhiều cơ quan chính trị quan trọng của đất nước,...
- GV có thể cung cấp thêm hình ảnh để giới thiệu về một số địa điểm nổi tiếng ở Hà Nội.

Bài 12

THĂNG LONG – HÀ NỘI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được đặc điểm tự nhiên của Thăng Long thể hiện ở *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.
- Nêu được một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội thông qua các tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về Thăng Long tứ trấn, sự tích Hồ Gươm, Hoàng Diệu chống thực dân Pháp, chuyện Hà Nội đánh Mỹ.
- Sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
- Thể hiện được ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.



Khởi động

Em hãy nêu những điều em biết về Thủ đô Hà Nội.



Khám phá

1. Vị trí địa lí

- Quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí của Thăng Long – Hà Nội.
- Dựa vào thông tin trong *Chiếu dời đô*, em hãy:
- + Nêu đặc điểm tự nhiên của vùng đất Đại La.
- + Cho biết tại sao vua Lý Thái Tổ chọn Đại La làm kinh đô.

Thăng Long – Hà Nội nằm ở trung tâm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Năm 1009, Lý Công Uẩn được tôn lên làm vua (sử gọi là Lý Thái Tổ), đặt niên hiệu là Thuận Thiên, lập ra nhà Lý. Năm 1010, vua Lý Thái Tổ cho dời kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) về thành Đại La (Hà Nội ngày nay) và đổi tên Đại La thành Thăng Long, nghĩa là “rồng bay lên”.

48

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí của Thăng Long – Hà Nội trên lược đồ

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 1 để xác định vị trí của Thăng Long – Hà Nội, vị trí của Hà Nội hiện nay và vị trí Hoàng thành Thăng Long.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: thành phố Hà Nội có phía bắc giáp với các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang; phía Nam giáp với tỉnh Hà Nam; phía đông giáp với tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên; phía tây giáp với tỉnh Hoà Bình. Di tích Cố đô: Hoàng thành Thăng Long thuộc quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày nay.



Hình 1. Lược đồ hành chính thành phố Hà Nội, năm 2021



Hình 2. Tượng đài Lý Thái Tổ (Hà Nội)

CHIẾU DỜI ĐÔ

Thành Đại La ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đứng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 241)

49

Bước 4. GV nhận xét.

GV cần làm rõ cho HS: Thăng Long – Hà Nội nằm ở trung tâm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Thuở ban đầu là vùng trung tâm Hoàng thành Thăng Long và các vùng lân cận. Trải qua nhiều thời kì, địa giới của Hà Nội đã có sự mở rộng như hiện nay.

Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của Thăng Long thể hiện ở *Chiếu dời đô*

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc *Chiếu dời đô* và quan sát hình 2 để nêu đặc điểm tự nhiên của vùng đất Đại La và lí giải việc Lý Công Uẩn dời đô về nơi này.

GV gợi ý HS khai thác các từ, cụm từ trong *Chiếu dời đô* như: “ở giữa khu vực trời đất”, “thế rồng cuộn hổ ngồi”, “chính giữa”, “tiện nghi núi sông sau trước”, “mặt đất rộng”, “bằng phẳng”, “thế đất cao”, “sáng sủa”, “dân cư không khổ thấp trũng tối tăm”, “muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh”, “nơi thắng địa”, “chỗ tụ hội quan yếu”, “thượng đô kinh sư mãi muôn đời”.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: đặc điểm tự nhiên của Đại La: ở vị trí đắc địa, có địa hình, địa thế thuận lợi, cảnh vật tươi tốt. Điều này tạo thuận lợi cho việc sinh sống và sản xuất của nhân dân “muôn đời”, nhân dân không còn chịu khổ cảnh “thấp trũng tối tăm” của vùng đất Hoa Lư. Đây chính là lí do khiến Lý Công Uẩn dời đô.

Bước 4. GV nhận xét.

- GV có thể mở rộng kiến thức cho HS: việc dời đô từ Cổ đô Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long (Hà Nội) cho thấy tầm nhìn xa trông rộng (cho đến ngày nay, Hà Nội vẫn là Thủ đô của Việt Nam) và tấm lòng yêu thương dân, chăm lo cho dân của vua Lý Thái Tổ.
- GV lưu ý cho HS: khi *Chiếu dời đô* được ban bố thì bấy giờ Đại La (tên cũ của Hà Nội) vẫn chưa đổi tên thành Thăng Long, nên *Chiếu dời đô* đề cập đến thành Đại La, tức là Thăng Long.
- Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Mùa thu, tháng 7, vua dời kinh đô từ thành Hoa Lư sang kinh đô lớn là Đại La của Kinh phủ. Thuyền tạm đỗ ở dưới thành, có rồng vàng hiện ra ở bến ngự, vì thế đổi gọi là thành Thăng Long. Đổi châu Cổ Pháp làm phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư làm phủ Trường Yên, sông Bắc Giang làm sông Thiên Đức. Xuống chiếu phát tiền kho hai vạn quan thuê thợ làm chùa ở phủ Thiên Đức 8 sở, đều dựng bia ghi công”.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2.

a) Hướng dẫn HS tìm hiểu về các tên gọi khác của Hà Nội

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin để kể các tên gọi khác của Hà Nội.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: Trong quá trình hình thành, Hà Nội có nhiều tên gọi khác nhau như: Đại La, Thăng Long, Đông Đô, Đông Quan, Đông Kinh và Bắc Thành.

Bước 4. GV nhận xét.

b) Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số câu chuyện, sự kiện gắn với lịch sử của Thăng Long – Hà Nội

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc lần lượt các câu chuyện, quan sát hình từ 3 đến 6 để tóm tắt các câu chuyện, rút ra các sự kiện gắn liền với lịch sử Thăng Long – Hà Nội.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: lịch sử Thăng Long – Hà Nội gắn liền với các câu chuyện, sự kiện như:

- Câu chuyện về Thăng Long tứ trấn: năm 1010, sau khi dời đô về Thăng Long, vua Lý Thái Tổ cho xây dựng bốn ngôi đền ở bốn mặt cổng thành.
- Sự tích Hồ Gươm: vào thế kỉ XV, sau khi đánh bại quân Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi, sau đó đã trả gươm thần cho Rùa Vàng ở hồ Tả Vọng (về sau gọi là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm).
- Câu chuyện về Tổng đốc Hoàng Diệu: năm 1882, khi thành Hà Nội thất thủ trước sự tấn công của quân Pháp, Tổng đốc Hoàng Diệu đã tử tiết.
- Câu chuyện về nhân dân Hà Nội đánh Mỹ: năm 1972, khi Mỹ ném bom vào Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, nhân dân Hà Nội đã anh dũng chống trả và giành thắng lợi.

Bước 4. GV nhận xét.

- GV có thể mở rộng bằng cách gợi ý cho HS trả lời các câu hỏi: Lịch sử Hà Nội bắt đầu từ khi nào? Từ năm đó đến nay là bao nhiêu năm? Em có nhận xét gì về quá trình chống ngoại xâm của nhân dân Hà Nội?
- GV có thể cung cấp thêm các sự kiện lịch sử khác. Bên cạnh đó, có thể lập một đường thời gian để HS nắm rõ tiến trình phát triển của Thăng Long – Hà Nội.

2. Lịch sử Thăng Long – Hà Nội

a) Tên gọi

Đọc thông tin, em hãy cho biết Hà Nội còn có những tên gọi nào khác.

Từ khi hình thành đến nay, Hà Nội đã trải qua nhiều tên gọi khác nhau: Đại La, Thăng Long, Đông Đô, Đông Quan, Đông Kinh và Bắc Thành. Năm 1831, vua Minh Mạng thành lập tỉnh Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Hà Nội được chọn làm Thủ đô.

b) Một số câu chuyện, sự kiện về lịch sử Thăng Long – Hà Nội

Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình từ 3 đến 6, em hãy trình bày một số câu chuyện, sự kiện gắn với lịch sử của Thăng Long – Hà Nội.

Thăng Long – Hà Nội có lịch sử lâu đời, gắn với nhiều câu chuyện, sự kiện lịch sử nổi bật.

Thăng Long tứ trấn

Sau khi dời đô về thành Thăng Long năm 1010, vua Lý Thái Tổ cho xây dựng bốn ngôi đền: đền Bạch Mã (trần phía đông), đền Voi Phục (trần phía tây), đền Kim Liên (trần phía nam), đền Quán Thánh (trần phía bắc). Đây là những ngôi đền cổ mang đậm nét văn hoá – lịch sử, gắn liền với sự hình thành và phát triển của kinh thành Thăng Long.

(Theo Đặng Xuân Khanh, Thăng Long cổ tích khảo tình hội đó, Viện Viễn Đông Bắc Cổ, 1956)



Hình 3. Đền Quán Thánh – thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ ở cổng phía bắc

Sự tích Hồ Gươm

Trong cuộc khởi nghĩa chống quân Minh vào thế kỉ XV, Lê Lợi được đức Long Quân cho mượn gươm thần, đánh thắng quân xâm lược. Sau đó, ông lên ngôi vua (sử gọi là Lê Thái Tổ), lập ra nhà Hậu Lê, lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Trong một lần đi thuyền dạo hồ Tả Vọng, vua Lê Thái Tổ đã trả lại gươm cho Rùa Vàng. Từ đó, hồ Tả Vọng được đổi tên thành Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Sđd)



Hình 4. Tháp Rùa ở Hồ Gươm (Hà Nội)

Tổng đốc Hoàng Diệu

Hoàng Diệu là Tổng đốc trấn giữ thành Hà Nội. Năm 1882, quân Pháp tấn công thành Hà Nội, ông đã lãnh đạo quân triều đình anh dũng chiến đấu. Do lực lượng không cân sức, thành Hà Nội thất thủ. Hoàng Diệu đã tuân tiết tại Võ Miếu để bảo toàn khí tiết. Sự hi sinh của ông thể hiện tinh thần bất khuất vì nước quên mình, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chống Pháp xâm lược của nhân dân ta thời bấy giờ.

(Theo Đoàn Thị Minh Châu, Nguyễn Đồng Hải, Tổng đốc thành Hà Nội Hoàng Diệu, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017)



Hình 5. Chân dung Tổng đốc Hoàng Diệu

Nhân dân Hà Nội đánh Mỹ

Năm 1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 ném bom vào Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Nhờ có sự chuẩn bị, quân dân Hà Nội và các địa phương đã chiến đấu với tinh thần chủ động, bình tĩnh, tự tin, đã bắn hạ hơn 30 máy bay của Mỹ, đánh bại cuộc tập kích trên không. Thắng lợi này đã buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri (Paris) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam năm 1973. Với ý nghĩa đó, chiến thắng này còn được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".

(Theo Nguyễn Đình Lê, Lịch sử Việt Nam 1954 – 1975, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010)



Hình 6. Xác máy bay B52 bị bắn rơi tại hồ Hữu Tiệp (quận Ba Đình, Hà Nội)

3. Thủ đô Hà Nội – trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của đất nước

Quan sát các hình từ 7 đến 12, em hãy cho biết Thủ đô Hà Nội có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của đất nước.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị quan trọng, nơi đặt trụ sở của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của quốc gia. Đồng thời, Hà Nội còn là trung tâm kinh tế với sự đa dạng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao,... và tập trung nhiều cơ quan quan trọng về văn hoá, giáo dục của cả nước.

51



Hình 7. Toà nhà Quốc hội Việt Nam



Hình 8. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh



Hình 9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Hình 10. Cổng Đoàn Môn – Hoàng thành Thăng Long



Hình 11. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



Hình 12. Khu đô thị phía tây Hà Nội

Luyện tập

Dựa vào bảng dưới đây, hãy chọn và ghi vào vở các tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội trong lịch sử.

Đại La	Phủ Xuân	Đông Đô
Đông Quan	Gia Định	Đông Kinh

Vận dụng

Quan sát các hình 13, 14, 15, em hãy cho biết các bạn học sinh đã tham gia những hoạt động nào để góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.



Hình 13. Tham quan di tích lịch sử



Hình 14. Tìm hiểu văn hoá truyền thống



Hình 15. Vẽ tranh tuyên truyền

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vai trò của Thủ đô Hà Nội đối với sự phát triển của đất nước

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, khai thác các hình 7, 8, 9, 10, 11, 12 để nhận xét vai trò của Hà Nội đối với sự phát triển của đất nước (về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của cả nước).

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: Hà Nội có vai trò đặc biệt quan trọng về chính trị (nơi đặt trụ sở của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của quốc gia) (hình 7, hình 8); là trung tâm đóng vai trò trọng yếu về kinh tế (hình 9, hình 12), văn hoá (hình 10), giáo dục (hình 11) của cả nước. Thủ đô Hà Nội đã có nhiều đóng góp to lớn đến sự phát triển của đất nước hiện nay.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể sưu tầm hoặc cho HS sưu tầm các hình ảnh về Thủ đô theo các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS sử dụng kết quả của hoạt động tìm hiểu ở mục 2 để hoàn thành bài tập.

VẬN DỤNG

– GV yêu cầu HS quan sát hình 13, 14, 15 và mô tả hoạt động trong mỗi hình.

– GV hướng dẫn HS quan sát hình và trả lời:

+ Hình 13. HS tham quan khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám, là một di tích lịch sử, văn hoá của Thủ đô Hà Nội để thấy được vẻ đẹp của Thủ đô và có ý thức trân trọng, bảo vệ những di tích lịch sử, văn hoá mà Hà Nội đang có.

+ Hình 14. HS chủ động tìm hiểu văn hoá truyền thống của Hà Nội (ví dụ, trong hình là thư pháp) thông qua sự hướng dẫn của người lớn (ông bà, cha mẹ, những người làm trong lĩnh vực liên quan văn hoá,...) nhằm hiểu rõ hơn về văn hoá truyền thống của Hà Nội, từ đó, khơi gợi sự hứng thú học hỏi và biết trân trọng các giá trị văn hoá để ra sức giữ gìn, phát huy các giá trị đó.

+ Hình 15. HS vẽ tranh tuyên truyền: từ việc tìm hiểu thực tế, chủ động học hỏi, HS kêu gọi mọi người xung quanh cùng chung tay giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của Thăng Long – Hà Nội.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về kiến trúc, chức năng của một trong các công trình tiêu biểu trong khu di tích và truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 4, 5 để chọn một công trình: Khuê Văn Các hoặc nhà bia Tiến sĩ để mô tả kiến trúc và chức năng.

GV lưu ý, khi tổ chức cho HS làm sao để đảm bảo cả hai công trình đều được HS trình bày.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời:

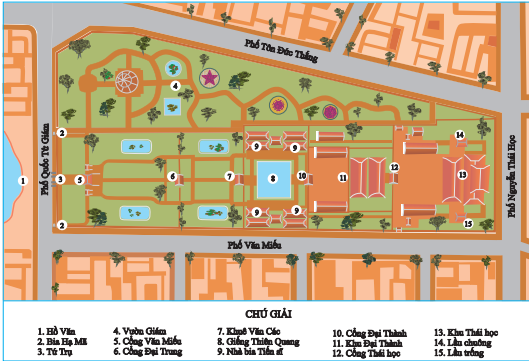
- Khuê Văn Các có kiến trúc gồm 8 mái, 2 tầng và một nóc ở trên. Bốn mặt có các cửa sổ tròn và các câu đối. Khi mới xây dựng, Khuê Văn Các là nơi họp bình những bài văn hay của các sĩ tử đã thi đỗ khoa thi Hội.
- Nhà bia Tiến sĩ được chia thành 2 dãy, gồm 82 tấm bia ghi tên, quê quán của hơn 1 300 tiến sĩ và thông tin của các khoa thi. Nhà bia được lập nhằm tôn vinh nhân tài và khuyến khích việc học trong toàn dân.

Bước 4. GV nhận xét.

GV cung cấp thêm thông tin: năm 2012, tại phiên biểu quyết thông qua Luật Thủ đô chiều ngày 21/11, Quốc hội đã chọn Khuê Văn Các làm biểu tượng chính thức của Thủ đô Hà Nội.

số 1 đến số 11 thuộc khu Văn Miếu và từ số 12 đến số 15 thuộc khu Quốc Tử Giám. Văn Miếu và Quốc Tử Giám bao gồm nhiều công trình bên trong không phải là công trình đơn lẻ.

- GV có thể yêu cầu HS trả lời thêm câu hỏi để HS tìm hiểu về lịch sử và chức năng của Văn Miếu – Quốc Tử Giám: Văn Miếu được xây dựng vào thời nhà nào và để làm gì? Quốc Tử Giám được xây dựng vào triều nào với mục đích gì?
- GV cung cấp thêm cho HS:
 - + Quốc Tử Giám là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam.
 - + Quốc Tử Giám ở Hà Nội và Quốc Tử Giám ở Huế là hai công trình khác nhau.



Hình 3. Sơ đồ khu di tích Văn Miếu (số 1 – 11) – Quốc Tử Giám (số 12 – 15)

2. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Mô tả kiến trúc và chức năng của một công trình tiêu biểu trong khu di tích.
- Phát biểu cảm nghĩ về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.

a) Khuê Văn Các

Khue Văn Các được xây dựng vào năm 1805, có 8 mái, 2 tầng và một nóc ở trên. Các cửa sổ tròn của gác Khuê Văn Các tượng trưng cho bầu trời. Bốn mặt của Khuê Văn Các có các câu đối ca ngợi nền văn hoá dân tộc.



Hình 4. Khuê Văn Các

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu thuộc khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình 1, 2, 3, 4, 5 để xác định một số công trình trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: đi từ phố Quốc Tử Giám, các công trình theo thứ tự lần lượt là khu Văn Miếu gồm hồ Văn, bia Hạ Mã, Tứ Trụ, vườn Giám, cổng Văn Miếu, cổng Đại Trung, Khuê Văn Các, giếng Thiên Quang, nhà bia Tiến sĩ, cổng Đại Thành, khu Đại Thành; khu Quốc Tử Giám gồm cổng Thái học, khu Thái học, lầu chuông, lầu trống.

Bước 4. GV nhận xét.

- GV lưu ý thêm cho HS về sơ đồ khu di tích hình 3, trong đó các công trình từ

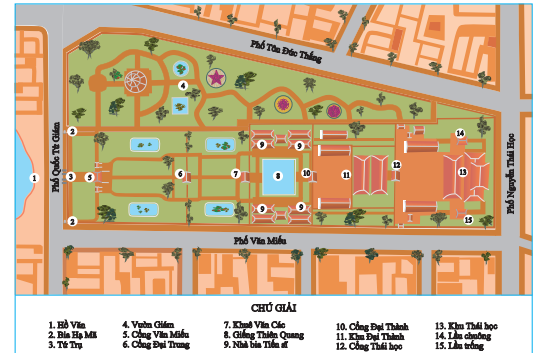
Bước 1. GV yêu cầu HS phát biểu cảm nghĩ về truyền thống hiếu học thông qua những thông tin vừa tìm hiểu.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời: Để được khắc tên trên bia Tiến sĩ, các nho sinh phải học tập thật chăm chỉ và vượt qua 4 kì thi: thi khảo hạch ở cấp địa phương, thi Hương, thi Hội và thi Đình. Số lượng người tham gia các kì thi thường rất đông, trung bình có khoảng 2 000 đến 3 000 người dự thi. Vào năm đông nhất, số lượng thí sinh dự kì thi Hội lên đến 6 000 người. Tuy nhiên, số lượng người đỗ là không nhiều, như khoa thi năm 1478 lấy đỗ nhiều nhất là 62 người, thậm chí có khoa thi chỉ lấy đỗ có 3 người như khoa thi năm 1595 và năm 1667.

Bước 4. GV nhận xét.

- GV gợi ý HS trả lời câu hỏi: Em thấy việc học ngày xưa như thế nào? Việc có nhiều người đỗ Tiến sĩ được ghi tên trên bia đá thể hiện điều gì? Em học được gì từ những tấm gương đó?
- Năm 2010, 82 tấm bia Tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám đã được tổ chức UNESCO ghi danh là Di sản tư liệu thế giới khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Năm 2011, 82 tấm bia Tiến sĩ lại tiếp tục được UNESCO ghi danh là Di sản tư liệu thế giới trên phạm vi toàn cầu.



Hình 3. Sơ đồ khu di tích Văn Miếu (số 1 – 11) – Quốc Tử Giám (số 12 – 15)

2. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Mô tả kiến trúc và chức năng của một công trình tiêu biểu trong khu di tích.
- Phát biểu cảm nghĩ về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.

a) Khuê Văn Các

Khuê Văn Các được xây dựng vào năm 1805, có 8 mái, 2 tầng và một nóc ở trên. Các cửa sổ tròn của gác Khuê Văn tượng trưng cho bầu trời. Bốn mặt của Khuê Văn Các có các câu đối ca ngợi nền văn hoá dân tộc.



Hình 4. Khuê Văn Các

54

Trán bia: có hình khung vòm, mô típ trang trí chủ yếu là rồng chầu nguyệt, phượng chầu nguyệt, hình hoa lá mây trắng,...

Đế bia (hay bệ bia): hình thân rùa được tạo tác trong khung ô-van (oval), biểu tượng cho sự trường tồn và bất diệt.



Thân bia: hình chữ nhật khắc niên đại tổ chức khoa thi, bên dưới là bài kí, quẻ quán của các vị đỗ kì thi đó theo thứ tự từ cao xuống thấp.

Chữ trên bia Tiến sĩ được viết bằng chữ Hán; mỗi triều đại khác nhau thì có những cách viết khác nhau.

b) Nhà bia Tiến sĩ



Hình 5. Nhà bia Tiến sĩ

Nhà bia Tiến sĩ được chia thành 2 dãy, gồm 82 tấm bia tương ứng với 82 khoa thi. Nội dung của các tấm bia thể hiện tên, quê quán của các tiến sĩ qua các kì thi. Nhà bia Tiến sĩ được lập nhằm tôn vinh nhân tài và khuyến khích việc học tập trong toàn dân.

Tấm bia cổ nhất nơi đây được dựng năm 1484 ghi lại khoa thi năm 1442, nội dung bài văn bia do Thân Nhân Trung soạn, trong đó có đoạn: “Hiển tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thể nước yếu, rồi xuống thấp”.

3. Biện pháp giữ gìn di tích lịch sử

Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, 8, em hãy đề xuất một số biện pháp để giữ gìn khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Hiện nay, khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám đang bị xuống cấp theo thời gian và do tác động của môi trường. Để khắc phục hiện trạng này, chúng ta cần thực hiện một số biện pháp như: nâng cao ý thức của khách tham quan, giáo dục ý thức bảo vệ di tích, đầu tư việc trùng tu các công trình trong di tích,...



Hình 6. Học sinh tham quan khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



Hình 7. Học sinh học tập tại khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



Hình 8. Học sinh giới thiệu và đề xuất biện pháp giữ gìn di tích



Luyện tập

Em hãy xác định vị trí của nhà bia Tiến sĩ trên hình 3 và cho biết nhà bia được xây dựng nhằm mục đích gì.



Vận dụng

Em có cảm nghĩ gì sau khi tìm hiểu về Văn Miếu – Quốc Tử Giám?

55

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số biện pháp để giữ gìn các di tích lịch sử

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 6, 7, 8 để đề xuất một số biện pháp giữ gìn di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám nói riêng và các di tích lịch sử nói chung.

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu và trả lời (Lưu ý: HS có thể đưa ra những giải pháp khác, GV khuyến khích các em tự đưa giải pháp và lí giải tại sao chọn giải pháp đó).

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS trả lời.

+ Nâng cao ý thức bảo vệ di tích thông qua việc giáo dục trong các buổi tham quan: việc này phù hợp với đối tượng khách tham quan, ví dụ học sinh (thể hiện trong hình 6, 7, 8) như không xả rác bừa bãi, không phá huỷ, làm hư hại các hiện vật, công trình khi tham quan trong các di tích,...

+ Đầu tư việc trùng tu các công trình trong di tích (biện pháp thuộc các cấp quản lí),...

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS khai thác các thông tin trong hoạt động 1 mục 2 để trả lời: nhà bia Tiến sĩ thuộc khu Văn Miếu, được xây dựng nhằm tôn vinh những người đỗ Tiến sĩ trong các khoa thi, khuyến khích việc học tập trong nhân dân.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS khai thác các thông tin trong hoạt động 2 mục 2 để trả lời.

– GV gợi ý thêm cho HS: em có nhận xét gì về kiến trúc tổng thể, chức năng của Văn Miếu – Quốc Tử Giám? Nếu được tham quan khu di tích, em muốn được tham quan công trình nào? Vì sao?

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: trình bày được một số nét chính về địa hình, khí hậu, sông ngòi của vùng Duyên hải miền Trung trên lược đồ.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: nhận xét được tác động của thiên nhiên đến sinh hoạt và sản xuất của con người và tác động của con người đến thiên nhiên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ.

Năng lực chung

- Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ, giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn của GV.

Phẩm chất

Nhân ái, trách nhiệm: yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.

KHỞ ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
 - + Cách thứ nhất: GV sử dụng hoạt động khởi động của SGK.
 - + Cách thứ hai: GV đọc câu thơ và đưa ra nhiệm vụ “Các câu thơ gợi cho em những điều gì về thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung?”

*Tựa lưng vào Trường Sơn
Miền Trung dài và hẹp
Ôi thiên nhiên tươi đẹp
Luôn hướng về khơi xa.*

- GV giới thiệu cho học sinh về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

Chủ đề 4:

DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Bài 14

THIÊN NHIÊN

VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng,...) của vùng Duyên hải miền Trung.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai.



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung?



Hình 1. Dãy núi Bạch Mã nhìn từ thị trấn Lăng Cô (Thừa Thiên Huế)

56

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí vùng Duyên hải miền Trung

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ.

Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu tên biển, quốc gia và các vùng tiếp giáp với vùng Duyên hải miền Trung.
- Xác định trên lược đồ dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân.



1. Vị trí địa lý

Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu tên biển, quốc gia và các vùng tiếp giáp với vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 2. Lược đồ địa hình vùng Duyên hải miền Trung

57

- Xác định trên lược đồ các dòng sông ở vùng Duyên hải miền Trung.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trong lớp nhận xét, góp ý.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm những HS làm tốt.

- Lưu ý về tổ chức dạy học:

+ GV có thể tổ chức hoạt động cá nhân hoặc làm việc nhóm.

+ Nếu làm việc cá nhân, giáo viên tổ chức bước 1, 2, 3 lần lượt theo từng nhiệm vụ. Ở bước 4, GV có thể nhận xét chung cho tất cả nhiệm vụ.

+ Nếu làm việc nhóm, giáo viên tổ chức cho nhóm giải quyết tất cả nhiệm vụ trên phiếu học tập.

+ GV chú ý nhận xét và rèn kỹ năng khai thác thông tin trên lược đồ cũng như kỹ năng xác định các đối tượng địa lý trên lược đồ (đối tượng đường như dòng sông, dãy núi; đối tượng vùng, đối tượng điểm).

- Lưu ý về nội dung:

+ Quần đảo Hoàng Sa nằm trong vùng biển rộng khoảng 30 000 km². Tổng diện tích phần nổi của tất cả các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa khoảng 10km². Quần đảo Hoàng Sa cách huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) 222 km; cách thành phố Đà Nẵng khoảng 350 km theo hướng đông.

Đặc biệt, trên đảo Hoàng Sa từng có tấm bia chủ quyền của Việt Nam với dòng chữ khắc trên bia: République Française – Royaume d’Annam – Archipel des Paracels – 1816 – Île de Pattle – 1938 (Cộng hoà Pháp – Vương triều An Nam – Quần đảo Hoàng Sa – 1816 – đảo Hoàng Sa – 1938).

+ Quần đảo Trường Sa nằm ở giữa Biển Đông, là một đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Khánh Hoà, cách quần đảo Hoàng Sa gần 200 hải lý về phía nam, bao gồm hàng trăm đảo, bãi đá,...

Quần đảo Trường Sa được chia thành 8 cụm gồm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên. Trong đó, nhóm đảo rộng nhất là nhóm Nam Yết gồm nhiều đảo đá, bãi ngầm, xếp liền nhau thành một vành đai bao quanh vùng biển nông trên dưới 10 m. Song Tử Tây là đảo cao nhất (cao khoảng 4 – 6 m lúc thủy triều xuống); Ba Bình là đảo rộng nhất (rộng 0,6 km²). Ngoài ra, còn có nhiều đảo nhỏ và bãi đá ngầm như Sinh Tồn Đông, Chữ Thập, Châu Viên, Ga Ven, Ken Nan, Đá Lớn, Thuyền Chài,...

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia lớp học thành 4 trạm (mỗi trạm 1 chủ đề). Ngoài ra, ở mỗi trạm có “trạm chờ” để HS chuẩn bị trước khi vào trạm mới. GV thống nhất nội quy làm việc.

Bước 2. HS làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập ở mỗi trạm.

Bước 3. Mỗi nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập ở tất cả các trạm.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết và hệ thống hoá các kiến thức.

– Lưu ý:

+ Chủ đề các trạm như sau:

STT	Chủ đề	Trạm
1	Địa hình vùng Duyên hải miền Trung	1
2	Khí hậu vùng Duyên hải miền Trung	2
3	Sông ngòi vùng Duyên hải miền Trung	3
4	Sinh vật, biển – đảo vùng Duyên hải miền Trung	4

+ Phiếu học tập ở các trạm đa dạng về hình thức nhưng đảm bảo đủ về yêu cầu cần đạt.

Gợi ý:

+ Trạm “Địa hình”: sử dụng lược đồ trống vùng Duyên hải miền Trung để HS ghi tên dãy núi, đồng bằng vào lược đồ.

+ Trạm “Khí hậu”: phiếu học tập là các câu trắc nghiệm khai thác bảng số liệu ở trang 58.

+ Trạm “Sông ngòi”: phiếu học tập là bảng kiểm về đặc điểm sông ngòi vùng Duyên hải miền Trung.

+ Trạm “Sinh vật, biển đảo”: dán hình các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển,... lên lược đồ.

Vùng Duyên hải miền Trung kéo dài theo chiều bắc – nam và hẹp theo chiều đông – tây. Phía đông Duyên hải miền Trung là một vùng biển rộng lớn, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa; phía tây giáp với Lào và vùng Tây Nguyên. Phía bắc của vùng giáp với vùng Đông bằng Bắc Bộ, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; phía nam giáp vùng Nam Bộ.



Em có biết?

Bán đảo Hòn Gốm (Khánh Hoà) có điểm cực Đông (Mũi Đồi) trên đất liền của nước ta. Nơi đây có tiềm năng phát triển du lịch.

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân.
- Nêu tên các đồng bằng ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có địa hình đa dạng. Ở phía tây là miền đồi núi, phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp và không liên tục do bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển. Vùng có các đồng bằng quan trọng như Thanh – Nghệ – Tĩnh, Bình – Trị – Thiên, Nam – Ngãi, Bình – Phú, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận,... Ven biển thường có các cồn cát, bờ biển có nhiều vũng, vịnh, đầm, phá,...

b) Khí hậu

Dựa vào bảng số liệu và thông tin, em hãy:

- Liệt kê các tháng có nhiệt độ trung bình dưới 20°C ở thành phố Vinh. So sánh nhiệt độ trung bình năm của thành phố Vinh và thành phố Nha Trang.
- Nêu đặc điểm khí hậu của vùng Duyên hải miền Trung.

Nhiệt độ trung bình của thành phố Vinh và thành phố Nha Trang

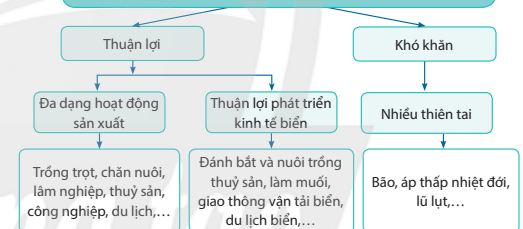
(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Nhiệt độ trung bình năm
Thành phố													
Vinh	18	18	20	24	28	29	30	29	27	24	22	19	24
Nha Trang	24	25	26	28	28	29	29	29	28	27	26	25	27

Vùng Duyên hải miền Trung có khí hậu nóng, mưa nhiều vào mùa thu – đông. Phía bắc dãy Bạch Mã mưa nhiều và mùa mưa đến sớm hơn, mùa đông lạnh và ẩm do chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi gió mùa Đông Bắc qua biển. Phía nam dãy Bạch Mã quanh năm nắng nóng, càng về phía nam mưa ít hơn, mùa mưa ngắn. Vùng Duyên hải miền Trung chịu nhiều ảnh hưởng của bão và gió phơn Tây Nam,...

58

TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT



Hình 5. Một số tác động của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung

Hàng năm, vùng Duyên hải miền Trung xảy ra nhiều thiên tai gây khó khăn đối với sản xuất và đời sống của người dân. Vì vậy, cần có các biện pháp phòng, chống thiên tai như dự báo khả năng xảy ra thiên tai, trồng cây, trồng rừng, sơ tán người dân,... để hạn chế thiệt hại và khắc phục hậu quả của thiên tai.



Hình 6. Sơ tán người dân tránh lụt ở Hội An (Quảng Nam)



Luyện tập

1. Trình bày đặc điểm địa hình ở vùng Duyên hải miền Trung.
2. Nêu một số tác động của khí hậu, sông ngòi ở vùng Duyên hải miền Trung đến đời sống và hoạt động sản xuất.



Vận dụng

Em làm gì để chia sẻ với các bạn học sinh ở vùng Duyên hải miền Trung khi có thiên tai xảy ra?

60

c) Sông ngòi

Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

- Nêu tên và xác định trên lược đồ các dòng sông ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu đặc điểm của sông ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều sông, nhưng ít sông lớn. Sông ngắn và có độ dốc lớn nên thường gây lũ lụt vào mùa mưa. Các sông trong vùng là sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, sông Ba,...

d) Sinh vật, biển - đảo

Quan sát hình 2, em hãy xác định trên lược đồ vị trí của các Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã và Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An.



Hình 3. Vườn quốc gia Bạch Mã (Thừa Thiên Huế và Quảng Nam)



Hình 4. Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An (Quảng Nam)

Sinh vật ở vùng Duyên hải miền Trung rất đa dạng, có nhiều loài quý hiếm đang được bảo tồn trong các khu dự trữ sinh quyển thế giới, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên,...

Duyên hải miền Trung có vùng biển rộng lớn. Tài nguyên sinh vật biển có trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao. Biển là nguồn tài nguyên quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với người dân trong vùng.

3. Tác động của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất

Quan sát các hình 5, 6 và đọc thông tin, em hãy nêu:

- Những tác động của thiên nhiên với đời sống và sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.

59

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác động của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV nêu nhiệm vụ cho cả lớp "Vẽ sơ đồ tư duy về tác động của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất".

Bước 2. HS làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh.

Bước 3. HS cả lớp đi xem "triển lãm" và có ý kiến bình luận hoặc bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết và hệ thống hoá các kiến thức.

Lưu ý:

- GV hướng dẫn HS xây dựng "ý tưởng trung tâm" hay chủ đề chính. Đây là điểm bắt đầu của sơ đồ tư duy. Ý tưởng chính này sẽ được đặt ở vị trí giữa trang.
- Các nhánh chính sẽ xuất phát từ hình ảnh trung tâm, mỗi nhánh chính sẽ khai thác về một mặt quan trọng của chủ đề chính (thuận lợi, khó khăn), từ đó, tiếp tục rẽ ra thành các nhánh con để cụ thể hoá các nội dung của chủ đề.
- Phân chia màu sắc hợp lí và hài hoà cho từng nhánh của sơ đồ tư duy, màu sắc sẽ làm cho sơ đồ tư duy trở nên hấp dẫn và bắt mắt hơn.
- Trang trí sơ đồ tư duy bằng những hình ảnh sinh động để minh hoạ cho chủ đề và từng nhánh để tạo ra một sơ đồ tư duy đẹp sáng tạo.

Lưu ý:

Các yêu cầu đối với bức thư:

- HS trình bày đúng hình thức của một lá thư gồm 3 phần.
- Viết các câu văn gãy gọn, mạch lạc, bám sát yêu cầu của chủ đề.
- Lời thư bày tỏ được tình cảm chân thật.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV đưa các câu hỏi trong phần Luyện tập (trang 60) và hướng dẫn thực hiện.

Bước 2. HS trả lời.

Bước 3. HS khác trong lớp nhận xét.

Bước 4. GV đánh giá, cho điểm.

VẬN DỤNG

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. Giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK (trang 60).

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà bằng hình thức viết thư.

Bước 3. HS có thể nộp sản phẩm cho GV và chia sẻ với các bạn bằng các phương tiện trực tuyến.

Bước 4. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: kể được tên một số bãi biển, cảng biển của vùng Duyên hải miền Trung.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: nêu được một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung (làm muối, đánh bắt cá và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển,...).

Năng lực chung

Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ, giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.

Phẩm chất

Trách nhiệm: thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
 - + Cách thứ nhất: GV sử dụng hoạt động khởi động của SGK.
 - + Cách thứ hai: GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” với các câu hỏi về dân cư và các hoạt động sản xuất nổi bật của vùng Duyên hải miền Trung.
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

Lưu ý:

- Gợi ý câu hỏi chủ đề:
 - + Nơi sản xuất muối biển nổi tiếng ở nước ta?
 - + Tên bãi biển đẹp nổi tiếng ở nước ta?
 - + Tên cảng biển lớn ở nước ta?
 - + Tên loài hải sản được nuôi ở nước ta?
- Hình thức: cá nhân (3 HS) hoặc đại diện cho các nhóm (tùy số lượng HS để chia nhóm).
- Tùy đặc điểm từng lớp, GV có thể tăng/ giảm độ khó của trò chơi bằng cách tăng ô mất lượt/ ô mất điểm hoặc ô điểm thưởng.

Bài 15

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể được tên một số bãi biển, cảng biển của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển,...).



Khởi động

Các hình 1, 2 gợi ý cho em điều gì về hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung?



Hình 1. Kéo lưới



Hình 2. Cảng Quy Nhơn (Bình Định)



Khám phá

1. Dân cư

Đọc thông tin, em hãy:

- Nêu tên một số dân tộc ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Cho biết người dân vùng Duyên hải miền Trung phân bố chủ yếu ở đâu.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Chăm, Thái, Raglai,...

Năm 2020, vùng Duyên hải miền Trung có hơn 20 triệu người. Phần lớn dân cư của vùng phân bố ở đồng bằng và ven biển. Ở miền núi, dân cư thưa thớt.

61

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về dân cư

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ.

Đọc thông tin, em hãy:

- + Nêu tên một số dân tộc ở vùng Duyên hải miền Trung.
- + Cho biết dân cư vùng Duyên hải miền Trung phân bố chủ yếu ở đâu.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trong lớp nhận xét, góp ý.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm những HS làm tốt.

Lưu ý: Chủ đề này giúp HS có thông tin cơ bản về dân cư của 1 vùng kinh tế – xã hội ở nước ta nhưng không có trong yêu cầu cần đạt. Vì vậy, GV không dành nhiều thời gian cho hoạt động này.

2. Một số vật dụng chủ yếu trong đời sống người dân

Quan sát các hình 3, 4, 5, 6 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 3. Thuyền thúng



Hình 4. Lưới đánh cá



Hình 5. Kạp, lu, chum, vại...



Hình 6. Gùi

Người dân ở mỗi vùng miền đều có những vật dụng đặc trưng, phục vụ hữu ích cho đời sống và sản xuất. Những vật dụng gắn liền với người dân miền biển là thuyền thúng, lưới đánh cá,... Trong khi đó, những chiếc gùi, dao phát cỏ,... lại gắn liền với cuộc sống của người dân miền núi.

3. Một số hoạt động kinh tế biển

Vùng Duyên hải miền Trung có đường bờ biển dài và vùng biển rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển.

a) Làm muối

Quan sát hình 7 và đọc thông tin, em hãy:

- Cho biết một số điều kiện thuận lợi để sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể tên một số nơi làm muối nổi tiếng ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều nắng, ít mưa, nước biển mặn và sạch,... tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất muối. Muối của vùng có chất lượng tốt, phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, làm nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, xuất khẩu,... Vùng Duyên hải miền Trung có sản lượng muối biển lớn nhất cả nước. Những nơi sản xuất muối nổi tiếng của vùng là Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Cà Ná (Ninh Thuận), Hòn Khói (Khánh Hòa),...



Hình 7. Thu hoạch muối (Ninh Thuận)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số vật dụng chủ yếu trong đời sống người dân

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức hoạt động dạy học bằng trò chơi trên phần mềm Kahoot!

GV thông báo thể lệ, bắt đầu trò chơi bằng các câu hỏi trắc nghiệm.

Bước 2. HS trả lời câu hỏi theo cặp.

Bước 3. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm.

Lưu ý:

- HS có thể tham gia trả lời câu hỏi bằng thiết bị điện tử thông minh như smartphone, tablet,... Với trường hợp này, tốc độ đường truyền internet phải đảm bảo dung lượng đủ cho số lượng lớn HS tham gia, ổn định.
- Nếu không, HS có thể trả lời câu hỏi trên bảng con.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số hoạt động kinh tế biển

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành 4 nhóm (số lượng HS trong nhóm tùy thuộc vào HS trong lớp). Đánh số thứ tự các thành viên trong mỗi nhóm. Phân công mỗi nhóm 1 chủ đề.

Bước 2. HS làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập. Sau đó, các thành viên sẽ tạo thành nhóm mới theo hướng dẫn của GV (mỗi nhóm mới có đủ thành viên đại diện của nhóm trước đó). Nhóm mới thực hiện nhiệm vụ: vẽ sơ đồ tư duy, hình ảnh và tóm tắt nội dung chính chủ đề của nhóm.

Bước 3. Các nhóm “triển lãm” và giới thiệu sản phẩm của nhóm cho thành viên nhóm khác (theo sự phân công của GV). Các

nhóm đóng vai “khách tham quan” ghi chép thông tin và đặt câu hỏi.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết.

Lưu ý:

- Chủ đề làm việc nhóm bước 1:

STT	Chủ đề	Nhóm
1	Giao thông đường biển vùng Duyên hải miền Trung.	A1
2	Du lịch biển vùng Duyên hải miền Trung.	A2
3	Đánh bắt và nuôi trồng hải sản vùng Duyên hải miền Trung.	A3
4	Làm muối vùng Duyên hải miền Trung.	A4

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3 (tt)

– Chủ đề làm việc nhóm bước 2:

STT	Chủ đề	Nhóm
1	Các hoạt động kinh tế biển của vùng Duyên hải miền Trung.	B1 (Kết hợp thành viên đại diện đủ 4 nhóm A1, A2, A3, A4)
2	Các hoạt động kinh tế biển của vùng Duyên hải miền Trung.	B2 (Kết hợp thành viên đại diện đủ 4 nhóm A1, A2, A3, A4)
3	Các hoạt động kinh tế biển của vùng Duyên hải miền Trung.	B3 (Kết hợp thành viên đại diện đủ 4 nhóm A1, A2, A3, A4)
4	Các hoạt động kinh tế biển của vùng Duyên hải miền Trung.	B4 (Kết hợp thành viên đại diện đủ 4 nhóm A1, A2, A3, A4)

– Phiếu học tập ở bước 2:

Điều kiện thuận lợi	Một số sản phẩm/ nơi sản xuất, phân bố
.....	

– Hướng dẫn vẽ sơ đồ tư duy (xem lại bài 14).

Sơ đồ tư duy thể hiện được ý tưởng trung tâm và cấu trúc thành 4 phần tương ứng với 4 hoạt động kinh tế biển quan trọng của vùng Duyên hải miền Trung.

– Số nhóm ở bước 2 tùy thuộc vào sĩ số của lớp.

– Điều kiện:

+ Số thành viên tối thiểu: 4 HS.

+ Có đại diện đủ 4 nhóm ở bước 1.

b) Đánh bắt và nuôi trồng hải sản

Quan sát các hình 8, 9 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số hải sản nổi tiếng ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 8. Khai thác hải sản (Khánh Hoà)



Hình 9. Nuôi tôm trên cát (Thừa Thiên Huế)

Duyên hải miền Trung là vùng đánh bắt và nuôi trồng hải sản lớn của nước ta. Sản lượng thủy sản của vùng đứng thứ hai cả nước (sau vùng Nam Bộ). Các hải sản nổi tiếng của vùng là cá ngừ đại dương, cá thu, cá bớp, tôm hùm,...



Em có biết?



Hình 10. Tôm hùm bông

Nghề nuôi tôm hùm

Ở Việt Nam, tôm hùm được nuôi chủ yếu từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Hiện nay, tôm hùm bông và tôm hùm xanh đang là hai loại tôm được nuôi nhiều nhất cả nước.

Thông qua hoạt động đánh bắt trên biển, ngư dân vùng Duyên hải miền Trung góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo nước ta.

c) Du lịch biển

Quan sát các hình 11, 12 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số bãi biển ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều bãi biển và vịnh biển đẹp tạo điều kiện cho hoạt động du lịch biển phát triển. Một số bãi biển nổi tiếng của vùng là Sầm Sơn (Thanh Hoá), Cửa Lò (Nghệ An), Cánh Dương và



Hình 11. Bãi biển Mũi Né (Bình Thuận)

63

Đường bờ biển có nhiều vịnh nước sâu và kín gió là điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng biển ở vùng Duyên hải miền Trung. Giao thông vận tải biển là thế mạnh và giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của vùng.

Hầu hết các tỉnh trong vùng đều có cảng biển. Một số cảng biển quan trọng của vùng là: Nghi Sơn (Thanh Hoá), Sơn Dương (Hà Tĩnh), Tiến Sa (Đà Nẵng), Dung Quất (Quảng Ngãi), Cam Ranh (Khánh Hoà),...

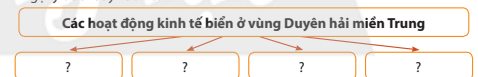


Hình 13. Cảng Tiên Sa (Đà Nẵng)



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ về các hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung theo gợi ý dưới đây vào vở:



2. Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng khai thác cá biển ở một số vùng của Việt Nam, năm 2020
(Đơn vị: nghìn tấn)

Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Nam Bộ
50	200	1 320	1 360

Dựa vào bảng số liệu trên, em hãy:

a) Xếp thứ tự các vùng theo sản lượng khai thác cá biển giảm dần.

b) Tính và cho biết sản lượng cá biển của vùng Duyên hải miền Trung năm 2020 gấp bao nhiêu lần sản lượng cá biển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Vận dụng

Hãy viết một đoạn văn ngắn mô tả một trong các bãi biển ở vùng Duyên hải miền Trung để giới thiệu với các bạn cùng lớp.

65

Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Mỹ Khê (Đà Nẵng), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Nha Trang (Khánh Hoà), Ninh Chữ (Ninh Thuận), Mũi Né (Bình Thuận)... Hằng năm, vùng Duyên hải miền Trung thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng.

d) Giao thông đường biển

Quan sát các hình 12, 13 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số cảng biển ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 12. Luộc đồ phân bố một số cảng biển và bãi biển của vùng Duyên hải miền Trung

Lưu ý về nội dung:

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung:

“Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với đảm bảo quốc phòng – an ninh trên biển, nhất là đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ. Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp lọc hoá dầu, luyện kim, sản xuất, lắp ráp ô tô. Phát triển nhanh, đồng bộ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục hình thành, phát triển hệ thống đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế đông – tây; phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, bão lũ, hạn hán; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chống sa mạc hoá, sạt lở bờ sông, bờ biển.”

(Nguồn: Quyết định số 462/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV đưa các câu hỏi trong phần Luyện tập (trang 65) và hướng dẫn thực hiện.

Bước 2. HS trả lời.

Bước 3. HS khác trong lớp nhận xét.

Bước 4. GV đánh giá, cho điểm.

VẬN DỤNG

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. Giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK (trang 65).

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. HS có thể nộp sản phẩm cho GV và chia sẻ với các bạn bằng các phương tiện trực tuyến.

Bước 4. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được tên các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng Duyên hải miền Trung.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: xác định được các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ.

Năng lực chung

Giao tiếp – hợp tác: bước đầu sử dụng được ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng Duyên hải miền Trung.

Phẩm chất

Yêu nước: yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các di sản của đất nước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV có thể dùng bảng thuật ngữ để giới thiệu các loại di sản và yêu cầu HS kể tên các di sản ở Việt Nam. Sau đó, GV yêu cầu HS nêu các di sản ở vùng Duyên hải miền Trung mà HS biết.

(Lưu ý: đây là hoạt động khởi động, HS không nhất thiết phải trả lời đúng vì các em chưa học).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ hoặc lược đồ

Bước 1. GV hướng dẫn HS xác định vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên hình 3. GV có thể gợi ý HS trao đổi với nhau về tên, vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung và yêu cầu HS sắp xếp các di sản theo các nhóm:

Bài 16

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng Duyên hải miền Trung, có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).



Khởi động

Em hãy kể tên các di sản ở vùng Duyên hải miền Trung mà em biết.



Khám phá

1. Các di sản thế giới

Quan sát hình 3, em hãy xác định vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung được mệnh danh là “Con đường di sản” – nơi hội tụ những giá trị văn hoá, lịch sử và thiên nhiên của Việt Nam, nổi tiếng với nhiều di sản thế giới được UNESCO ghi danh.



Em có biết?

Mộc bản Triều Nguyễn là di sản tư liệu thế giới đầu tiên của Việt Nam, được UNESCO ghi danh vào năm 2009. Đây là các bản khắc chữ trên gỗ cung cấp nhiều tư liệu quý giá, đặc biệt là tư liệu khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là của Việt Nam.



Hình 1. Mộc bản Triều Nguyễn



Hình 2. Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình)

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới. Vườn quốc gia có hơn 300 hang động, các sông ngầm và hệ động thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam.

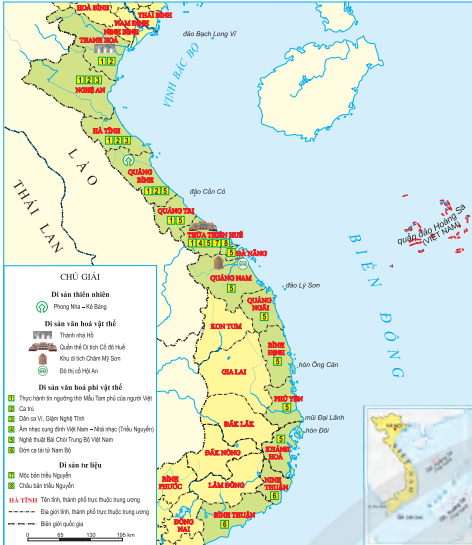
Di sản thiên nhiên, Di sản văn hoá vật thể, Di sản văn hoá phi vật thể, Di sản tư liệu.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét.

– GV có thể giới thiệu thêm: Vùng Duyên hải miền Trung được mệnh danh là “Con đường di sản” – đây là tên một chương trình du lịch do Tổng cục du lịch Việt Nam phát động với mục tiêu kết nối các di sản thế giới tại vùng Duyên hải miền Trung. Bên cạnh đó, GV cho cả lớp quan sát hình 1, hình 2 và giới thiệu nội dung về mộc bản Triều Nguyễn, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng để HS ý thức được chủ quyền quốc gia từ những di sản này và có ý thức giữ gìn những giá trị của các di sản.



Hình 3. Lược đồ các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung, năm 2020

2. Một số điểm nổi bật về văn hoá

a) Ẩm thực

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy kể tên các món ăn tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung và cho biết điểm nổi bật của ẩm thực miền Trung.

Ẩm thực của vùng Duyên hải miền Trung hầu hết đều mang hương vị đặc trưng là cay và đậm đà. Ngoài những món ăn mặn, còn có các loại bánh, chè và thường được chế biến từ mạch nha, đường phèn....

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng Duyên hải miền Trung

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát các hình 4, 5, 6 và cho biết vùng Duyên hải miền Trung có những món ăn tiêu biểu nào? GV cũng có thể hướng dẫn HS lập bảng gồm 2 cột và điền vào tên các món ăn tương ứng với các cột nội dung:

Món ăn mặn	Các loại bánh, chè
?	?

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo và có thể liệt kê thêm các món ăn khác.

Bước 4. GV nhận xét và có thể lí giải về vị cay và sự đậm đà trong các món mặn là do thời tiết của vùng Duyên hải miền Trung khá khắc nghiệt, các tỉnh giáp biển, người dân gần bó biển khơi từ sớm nên vị mặn, cay giúp người dân có sức khoẻ hơn khi đi biển hoặc chống chọi với cái lạnh của mùa mưa lũ.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

– Ngoài ra, GV có thể giới thiệu thêm về các loại món ăn khác ở miền Trung hoặc về một nét ẩm thực đặc biệt khác: *Ẩm thực cung đình Huế*. Đây là các món ăn dâng vua nhà Nguyễn khi định đô ở Huế. Các bộ sử thời kì này đã ghi chép nhiều về các nghi thức và luật lệ khi chế biến các món ăn dành cho hoàng cung.

– *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* ghi chép như sau: “Phàm thứ gạo quý nào dành cho vua phải kính cẩn kiểm tra cho đủ,... Về phần hộ kiểm cá [tức là Ngư hộ], hàng ngày tiến cá tươi; hộ kiểm củi, hàng ngày cung củi đóm; đều chiếu sổ đăng kí cho đủ dâng dùng. Phàm khi nấu món ăn, cốt phải mười phần tinh sạch...”

(Nội các Triều Nguyễn (bản dịch của Viện Sử học),
Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 9

– GV lưu ý: chỉ cần xác định được tên và vị trí trên lược đồ là HS đã đạt được yêu cầu chứ không cần phải học thuộc. GV lưu ý rằng, đây là các di sản thế giới – không phải là các di sản cấp khu vực như một số di sản tư liệu cấp khu vực châu Á – Thái Bình Dương hoặc di sản quốc gia và lược đồ thể hiện sự phân bố của các di sản thế giới, không thể hiện nguồn gốc của các di sản. Ví dụ như Đờn ca tài tử Nam Bộ được phân bố ở 21 tỉnh thành, trong đó có Ninh Thuận và Bình Thuận nên việc thể hiện di sản này ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, 9. Sau đó, yêu cầu HS chọn và mô tả một lễ hội tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung.

GV có thể hướng dẫn HS mô tả các lễ hội theo các nội dung: Tên lễ hội, thời gian tổ chức, hoạt động chính.

Tên lễ hội	Thời gian tổ chức	Hoạt động chính
Lễ hội Lam Kinh	Ngày 22 tháng 8 âm lịch	- Phần lễ được thực hiện theo nghi thức cổ truyền như: màn trống hội, cờ hội, rước kiệu. - Phần hội là các chương trình nghệ thuật tái diễn các sự kiện như Hội thể Lũng Nhai, giải phóng thành Đông Quan, vua Lê Thái Tổ đăng quang, phát huy hào khí Lam Sơn,...
Lễ hội Cầu Ngư	Thường được tổ chức từ 12 tháng Giêng đến tháng 6 âm lịch hằng năm, tùy thuộc mỗi địa phương	- Phần lễ với nghi thức quan trọng nhất là cúng cá Ông (cá voi). - Phần hội chủ yếu là các trò chơi dân gian đặc trưng của cư dân vùng biển như đua thuyền, lắc thúng, bơi lội, đan lưới, kéo co,...
Lễ hội Ka-tê	Tháng 7 hằng năm theo lịch Chăm (tháng 9 hoặc tháng 10 dương lịch)	- Phần lễ gồm các nghi lễ truyền thống: lễ rước y trang, đại lễ cúng mừng Ka-tê tại tháp chính,... - Phần hội với các trò chơi dân gian như thi đi cà kheo, làm bánh gừng, thi giã gạo, đội nước vượt chướng ngại vật,...



Hình 4. Bún bò Huế



Hình 5. Mì Quảng



Hình 6. Kẹo cu đơ Hà Tĩnh

b) Lễ hội

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, 9, em hãy chọn và mô tả một lễ hội tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có rất nhiều lễ hội: lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Lam Kinh, lễ hội Đền vua Mai, lễ hội Vía Bà,...

Lễ hội Lam Kinh

Lễ hội được tổ chức hằng năm vào ngày 22 tháng 8 âm lịch (ngày giỗ của vua Lê Thái Tổ) tại khu vực Lam Kinh thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.



Hình 7. Lễ hội Lam Kinh ở Thanh Hoá năm 2012

Phần lễ được thực hiện theo nghi thức cổ truyền như: màn trống hội, cờ hội, rước kiệu. Sau phần lễ là các chương trình nghệ thuật tái diễn các sự kiện như Hội thể Lũng Nhai, giải phóng thành Đông Quan, vua Lê Thái Tổ đăng quang, phát huy hào khí Lam Sơn,...

Lễ hội Lam Kinh thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên đồng thời góp phần bảo tồn những nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

Lễ hội Cầu Ngư

Lễ hội thường được tổ chức từ 12 tháng Giêng đến tháng 6 âm lịch hằng năm, tùy thuộc mỗi địa phương.

Phần lễ với nghi thức quan trọng nhất là cúng cá Ông (cá voi). Tương truyền, cá voi đã giúp đỡ ngư dân lúc gặp nạn. Phần hội chủ yếu là các trò chơi dân gian đặc trưng của cư dân vùng biển như đua thuyền, lắc thúng, bơi lội, đan lưới, kéo co,...



Hình 8. Lễ hội Cầu Ngư ở Đà Nẵng năm 2019

68

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo (xem bảng bên).

Bước 4. GV nhận xét và trao đổi với HS:

– Lễ hội vùng Duyên hải miền Trung mang sắc màu độc đáo với các hoạt động truyền thống thú vị được lưu giữ trong suốt nhiều năm. Đối với người dân miền Trung, lễ hội là một phần của cuộc sống, trải dài quanh năm và là dịp quan trọng để giữ gìn và phát huy giá trị các di sản văn hoá. Duyên hải miền Trung – vùng đất không chỉ nổi tiếng bởi các di sản văn

Lễ hội Ka-tê

Lễ hội Ka-tê của người Chăm được tổ chức vào tháng 7 hằng năm theo lịch Chăm (tháng 9 hoặc tháng 10 dương lịch). Các nghi lễ truyền thống gồm: lễ rước y trang, đại lễ cúng mừng Ka-tê tại tháp chính,... Lễ hội Ka-tê còn có phần hội với các trò chơi dân gian như thi đi cà kheo, làm bánh gừng, thi giã gạo, đội nước vượt chướng ngại vật,... Lễ hội mang ý nghĩa cầu mưa thuận gió hoà và còn là dịp để những người Chăm đang sinh sống, làm việc ở khắp mọi nơi trở về đoàn tụ với gia đình.



Hình 9. Lễ hội Ka-tê ở Bình Thuận năm 2018

Luyện tập

Em hãy liệt kê những tỉnh, thành phố của vùng Duyên hải miền Trung có di sản văn hoá thế giới. Kể tên những di sản đó.

Vận dụng

Em hãy viết một bức thư cho một người bạn để giới thiệu về một nét văn hoá tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung.

69

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS liệt kê tên những di sản văn hoá thế giới và những tỉnh, thành phố của vùng Duyên hải miền Trung có những di sản đó theo bảng sau:

STT	Tên di sản	Tỉnh, thành phố
1	?	?
2	?	?
3	...	...

VẬN DỤNG

GV có thể cung cấp thêm thông tin hoặc yêu cầu HS chuẩn bị trước về một nét văn hoá đặc trưng của người dân vùng Duyên hải miền Trung: một món ăn, một lễ hội,... để viết một bức thư cho một người bạn. Sau đó trình bày cho cả lớp cùng nghe và nhận xét.

hoá, di tích lịch sử lâu đời mà còn đặc trưng bởi nét ẩm thực độc đáo và các lễ hội đầy màu sắc và mang đậm nét văn hoá của người dân nơi đây.

– GV có thể cung cấp thêm tư liệu lịch sử về vua Lê Thái Tổ:

Vua Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi) đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi và xây dựng đất nước ta hùng mạnh. *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Vua hăng hái đốc nghia binh đánh dẹp giặc Minh. Sau 10 năm thì thiên hạ đại định. Đến khi lên ngôi, đã ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu nhập sách vở, mở mang trường học,...”.

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 239)

– Hoặc GV cũng có thể giới thiệu cho HS về hò Bả Trạo:

+ Hò Bả Trạo là một dạng biểu diễn dân gian, mang tính tổng hợp múa, hát, nói,... Đây cũng là đặc trưng chỉ có ở lễ hội Cầu Ngư của các tỉnh phía nam của vùng Duyên hải miền Trung.

+ GV cho HS xem video hoặc nghe một đoạn hò Bả Trạo qua điện thoại nếu lớp không có máy chiếu.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể lại được một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: mô tả được vẻ đẹp của Cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu như: Kinh thành Huế, chùa Thiên Mụ, các lăng của vua Nguyễn,...
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Xác định được vị trí địa lí của Cố đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ.
 - + Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.

Năng lực chung

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định và làm rõ được thông tin, ý tưởng mới về một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế từ nguồn thông tin trong bài Cố đô Huế.

Phẩm chất

Trách nhiệm: tự giác thực hiện nghiêm túc những quy định tại các khu di tích.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

GV yêu cầu HS chia sẻ những điều mà các em biết về Cố đô Huế. GV có thể gợi ý cho HS kể tên một số danh lam thắng cảnh, địa danh lịch sử, lễ hội, đặc trưng văn hoá, ... ở Cố đô Huế.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của Cố đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ

Bước 1. GV hướng dẫn HS quan sát hình 1 và xác định vị trí địa lí của Quần thể di tích Cố đô Huế. GV có thể yêu cầu xác định được trên lược đồ hình 1:

- + Con sông chảy qua Cố đô Huế tên là gì?
- + Đọc tên các công trình kiến trúc cổ được thể hiện trên lược đồ.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo

Bước 4. GV nhận xét và có thể cho HS quan sát ảnh và bổ sung vào danh sách trên.

Bài 17

Cố đô Huế



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cố đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được vẻ đẹp của Cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu như: Kinh thành Huế, chùa Thiên Mụ, các lăng của vua Nguyễn,...
- Kể lại được một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế.
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.



Khởi động

Em hãy chia sẻ những điều em biết về Cố đô Huế.



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Quần thể di tích Cố đô Huế.



Hình 1. Lược đồ hành chính tỉnh Thừa Thiên-Huế, năm 2021

70

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

- GV giới thiệu thêm:
 - + Cố đô là thủ đô hay kinh đô cũ. Cố đô Huế là kinh đô của nhà Nguyễn, được xây dựng từ đầu thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX và được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới vào năm 1993.
 - + Phía tây Cố đô Huế tựa vào các núi, đồi của dãy Trường Sơn, phía đông hướng ra biển.
 - + Quần thể di tích Cố đô Huế có hơn 29 điểm di tích ở bờ bắc sông Hương và thuộc địa phận thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vẻ đẹp của Cố đô Huế qua hình ảnh và một số công trình tiêu biểu

Bước 1. GV hướng dẫn HS quan sát các hình 2, 3, 4, 5 và đọc thông tin, em hãy mô tả vẻ đẹp của Cố đô Huế qua các danh lam thắng cảnh và một số công trình tiêu biểu.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu theo các nhóm nội dung:

- Nhóm 1: Sông Hương, núi Ngự
- Nhóm 2: Kinh thành Huế
- Nhóm 3: Chùa Thiên Mụ
- Nhóm 4: Các lăng của vua Nguyễn

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV có thể cho HS xem thêm các video, hình ảnh nếu lớp có phương tiện hỗ trợ. GV lưu ý để HS tự rút ra nhận định về vẻ đẹp của Cố đô Huế.

– GV có thể giới thiệu thêm cho HS:

+ Sông Hương – Núi Ngự

Trải dài 30 km, chảy giữa thành phố Huế, dọc theo hai bờ sông Hương, con người đã xây dựng kinh đô, cung điện, chùa chiền, lăng tẩm,... Do có mực nước không cao quá so với mực nước biển nên sông Hương chảy rất chậm, mà cảm giác cất lên thành lời

Cố đô Huế là kinh đô của nhà Nguyễn, xây dựng từ đầu thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX, nay thuộc địa phận thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Cố đô Huế được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới vào năm 1993.

2. Về đẹp của Cố đô Huế

Quan sát các hình 2, 3, 4, 5 và đọc thông tin, em hãy mô tả vẻ đẹp của Cố đô Huế qua các danh lam thắng cảnh và một số công trình tiêu biểu.

a) Sông Hương, núi Ngự



Hình 2. Sông Hương, núi Ngự

Sông Hương và núi Ngự là hai thắng cảnh nổi tiếng của đất Cố đô Huế. Sông Hương bắt nguồn từ dãy Trường Sơn chảy qua thành phố Huế và đổ ra cửa biển Thuận An, dọc theo hai bờ sông có các cung điện, chùa, lăng tẩm,...

Cùng với sông Hương, núi Ngự góp phần tạo nên vẻ sơn thủy hữu tình của Huế. Từ núi Ngự, chúng ta có thể ngắm sông Hương và toàn cảnh kinh thành Huế.

b) Kinh thành Huế

Kinh thành Huế là một công trình đồ sộ, có kiến trúc đặc sắc, với 3 vòng thành, lần lượt là Kinh thành, Hoàng thành và Tử Cấm Thành.

Hoàng thành là nơi vua và các triều thần điều hành việc nước. Tử Cấm Thành là chốn cung cấm dành riêng cho vua và gia đình.



Hình 3. Một phần kinh thành Huế nhìn từ trên cao

71

thơ “Con sông dùng dằng, con sông không chảy”, do đó khi đứng từ vị trí của núi Ngự Bình có thể ngắm được vẻ đẹp mê lòng người của dòng sông Hương xanh biếc và toàn cảnh yên bình, thơ mộng của Huế.

+ Kinh thành Huế

Kinh thành Huế là một công trình đồ sộ, quy mô với kiến trúc đặc sắc. Đây là sự kết hợp độc đáo giữa những kiến trúc truyền thống Việt Nam, kiến trúc Trung Hoa cùng kiến trúc quân sự phương Tây. Bên trong các vòng thành là Hoàng thành và Tử Cấm Thành. Hoàng thành được chia ra thành nhiều khu vực nhỏ với những chức năng khác nhau để vua và các triều thần điều hành việc nước. Quanh mỗi khu vực đều có xây tường gạch cao quá đầu người để ngăn cách. Tử Cấm Thành là chốn cung cấm dành riêng cho vua và gia đình. Tại đây có đến hàng chục cung điện huy hoàng, tráng lệ và lầu son, gác tía phục vụ cho hoàng gia.

+ Chùa Thiên Mụ

Gắn với tên gọi Thiên Mụ, là câu chuyện dân gian khi chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào cai quản xứ Đàng Trong. Trong một lần rong đuổi vó ngựa ngược dòng sông Hương, ông thấy ngọn đồi nhỏ bên dòng sông Hương rất đẹp. Thế đất giống như hình một con rồng đang quay đầu nhìn lại. Tìm hiểu dân tình. Chúa được người dân kể lại rằng, hằng đêm có một bà già mặc quần đỏ, áo lục, xuất hiện trên đỉnh đồi và nói: “Rồi sẽ có vị chân chúa tới, xây dựng ngôi chùa làm yên bờ cõi nước Nam”. Tự nhận mình là vị chân chúa ấy. Chúa đã cho xây dựng ngôi chùa và đặt tên là Thiên Mụ (người đàn bà trời) nhằm tỏ lòng biết ơn người đàn bà.

+ Các lăng vua Nguyễn

GV có thể truy cập trang <https://sdl.thuathienhue.gov.vn/> của Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế – mục Khám phá Huế → Điểm đến → Lăng tẩm để khai thác thêm thông tin và hình ảnh về các lăng của hoàng gia thời Nguyễn tại Huế. GV chọn một số lăng tiêu biểu để cung cấp thông tin thêm cho HS.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế

Bước 1. GV hướng dẫn HS kể lại các câu chuyện “Cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế”, “Vua Bảo Đại thoái vị”.

GV có thể kết hợp đặt câu hỏi để HS nắm được nội dung các câu chuyện:

1. Cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế

- Cuộc phản công ở kinh thành Huế diễn ra khi nào?
- Do ai chỉ huy?
- Cuộc phản công diễn ra như thế nào?
- Vì sao cuộc phản công bị thất bại?
- Sau khi thất bại, Tôn Thất Thuyết đã làm gì?
- Hãy nêu ý nghĩa của câu chuyện trên.

2. Vua Bảo Đại thoái vị

- Sự kiện vua Bảo Đại thoái vị diễn ra khi nào?
- Vua Bảo Đại đã trao lại gì cho đại diện Chính phủ lâm thời?
- Hãy nêu ý nghĩa của câu chuyện trên.

c) Chùa Thiên Mụ

Chùa Thiên Mụ, còn gọi là chùa Linh Mụ, được chúa Nguyễn Hoàng cho xây dựng vào năm 1601. Chùa nằm bên bờ bắc sông Hương với hai công trình kiến trúc chính là tháp Phước Duyên và điện Đại Hùng. Qua nhiều lần trùng tu, ngôi chùa vẫn giữ được vẻ đẹp uy nghiêm, cổ kính góp phần vào vẻ đẹp của Cố đô Huế.



Hình 4. Chùa Thiên Mụ

d) Các lăng của vua Nguyễn



Hình 5. Lăng vua Khải Định

Các lăng của vua Nguyễn được xây dựng ở những khu vực cao, trên đồi lớn.

Với kiến trúc độc đáo, chạm khắc tỉ mỉ, các lăng vua Nguyễn trở thành một bộ phận quan trọng trong tổng thể kiến trúc của Cố đô Huế.

3. Một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế

Đọc thông tin, em hãy chọn và kể lại một câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế.

Cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế

Đêm mồng 4 rạng sáng 5 – 7 – 1885, Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế. Quân Pháp ban đầu bị bất ngờ nhưng sau đó với sức mạnh từ vũ khí và lực lượng, cuộc phản công của Tôn Thất Thuyết bị thất bại, ông phải đưa vua Hàm Nghi ra Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, ông nhận danh vua Hàm Nghi ra “Dụ Cần vương” – kêu gọi người dân đứng lên giúp vua, cứu nước. Đây là sự mở đầu cho phong trào Cần vương, thể hiện rõ ý chí, tinh thần yêu nước, chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

(Theo Trần Viết Ngạc, Góp nhặt – Tìm hiểu lịch sử Việt, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020)

72

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- GV yêu cầu HS chọn và mô tả một danh lam thắng cảnh hoặc một công trình kiến trúc tiêu biểu của Cố đô Huế và cho biết tại sao lại chọn công trình đó.
- Gợi ý nội dung mô tả: tên công trình hoặc danh thắng, vị trí, thời gian được xây dựng, đặc điểm nổi bật, giá trị; ý nghĩa của công trình hoặc danh thắng.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 4

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế

Bước 1. GV hướng dẫn HS quan sát các hình 6, 7 và đọc thông tin. Sau đó, đề xuất một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét.

Ngoài các giải pháp trong sách, GV khuyến khích HS đưa ra những giải pháp khác hoặc góc nhìn của các em về việc thực hiện những biện pháp bảo tồn và giữ gìn giá trị của Cố đô Huế.

Qua Bảo Đại thoái vị

Ngày 20 – 8 – 1945, tại Ngọ Môn (Huế), trước sự chứng kiến của hàng ngàn người dân, vua Bảo Đại đã đọc chiếu thoái vị và trao lại ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời. Sự kiện đã đánh dấu mốc kết thúc của chế độ phong kiến ở Việt Nam.

(Theo Trần Quỳnh Cú, Nguyễn Hữu Đạo, Đỗ Thị Nguyệt Quang, Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945–1975), NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002)

4. Một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế

Quan sát các hình 6, 7 và đọc thông tin, em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.



Hình 6. Mái Phủ Văn Lâu bị sập



Hình 7. Phủ Văn Lâu sau khi được trùng tu

Một số biện pháp bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế:

- Không làm hư hại các di sản văn hoá.
- Tiến hành trùng tu các di tích đã xuống cấp.
- Giữ gìn sạch đẹp môi trường ở khu di tích, danh lam thắng cảnh.
- Giới thiệu những nét đẹp của Cố đô Huế.



Luyện tập

Em hãy mô tả một danh lam thắng cảnh hoặc một công trình kiến trúc tiêu biểu của Cố đô Huế và cho biết tại sao em chọn công trình này.



Vận dụng

Em hãy viết một thông điệp để quảng bá vẻ đẹp của Cố đô Huế.

73

VẬN DỤNG

– GV yêu cầu HS viết một thông điệp để quảng bá vẻ đẹp của Cố đô Huế. Sau đó, trình bày cho cả lớp cùng nghe và nhận xét.

– GV có thể gợi ý một số thông điệp mẫu

“Huế – kinh đô xưa, trải nghiệm mới”:

Bên cạnh những thành quách cung điện xưa cũ, Huế vẫn là một điểm đến mới mẻ, hấp dẫn để khách du lịch trải nghiệm. Đến Huế và khám phá Huế của hiện tại chính là hiểu về quá khứ để hướng đến tương lai. (Theo Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế)

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được tên một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An, có sử dụng tư liệu.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ.
 - + Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định và làm rõ được thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

Phẩm chất

Trách nhiệm: có ý thức bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và xác định hình nào là di sản thế giới thuộc vùng Duyên hải miền Trung.
- Gợi ý: GV có thể cho HS đoán tên các di sản còn lại và cho biết vị trí của di sản đó:
 - + Hình a. Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội)
 - + Hình b. Phố cổ Hội An (Quảng Nam)
 - + Hình c. Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ

Bước 1. GV hướng dẫn HS quan sát hình 2 và xác định vị trí địa lí của phố cổ Hội An.

GV có thể gợi ý để HS xác định được trên lược đồ hình 2: con sông chảy qua phố cổ Hội An tên là gì.

Bài 18

PHỐ CỔ HỘI AN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (ví dụ: Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,...) có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.



Khởi động

Quan sát hình 1, em hãy chọn và gọi tên di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung được UNESCO ghi danh.



a



b



c

Hình 1. Một số di sản của Việt Nam



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của phố cổ Hội An.

Phố cổ Hội An thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Phần lớn phố cổ nằm ở phường Minh An, bên bờ sông Hoài – một nhánh của sông Thu Bồn.



Em có biết?

Tháng 12 năm 1999, phố cổ Hội An đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới.

74

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét.

- GV có thể cho HS quan sát một số hình ảnh về phố cổ Hội An và cho HS biết: Phố cổ Hội An thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Phần lớn phố cổ nằm ở phường Minh An, bên bờ sông Hoài – một nhánh của sông Thu Bồn.
- GV giới thiệu thêm: Tháng 12 – 1999, phố cổ Hội An đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới.

– GV có thể cung cấp thêm các thông tin cho HS:

1. Sự thành lập Hội quán Phúc Kiến

Tương truyền, vào thời xa xưa, khu vực hội quán còn là rừng cây cối rậm rạp, dãy phố phía trước còn là dòng sông, có một tượng Phật dạt trôi đến. Thấy trong tượng có nhiều vàng, dân địa phương lấy số vàng đó thuê người đốn gỗ xây dựng chùa thờ Phật. Qua nhiều năm tháng mưa nắng dãi dầu, chùa hư hỏng dần. Năm 1697, đó là thời kì hưng thịnh của đô thị thương cảng Hội An, thương nhân Phúc Kiến đến Hội An ngày một nhiều nên đã mua lại chùa này xây dựng hội quán làm nơi thờ tiền hiền, thần và làm nơi hội họp đồng hương.

(Theo Ủy ban nhân dân thành phố Hội An,
Các hội quán của người Hoa ở Hội An, 2015)

2. Kiến trúc của Nhà cổ Phùng Hưng

Nhà cổ Phùng Hưng được một thương nhân xây dựng. Toàn bộ khung nhà có kết cấu khá độc đáo với phần gác cao bằng gỗ và các hành lang rộng bao quanh. Đây là công trình dân dụng thể hiện rõ nét sự phát triển về kiến trúc cũng như sự giao lưu giữa các phong cách kiến trúc Á Đông tại Hội An trong các thế kỉ trước đây. Đồng thời, ngôi nhà còn chứa đựng nhiều thông tin về lối sống, nếp sống của tầng lớp thương nhân ở thương cảng Hội An xưa.

(Theo Ủy ban nhân dân thành phố Hội An,
Nhà cổ Hội An, 2015)



Hình 3. Chùa Cầu

Kiến trúc Chùa Cầu

Chùa Cầu dài khoảng 18 m, rộng khoảng 3 m; có kiến trúc pha trộn của Nhật Bản, Trung Hoa và Việt Nam. Tất cả hệ khung của công trình làm bằng gỗ, có ba hệ mái tương ứng với ba phần cầu. Mái công trình lợp ngói âm dương với những chi tiết trang trí tinh xảo. Đặc biệt có những đồ gốm men lam được khảm trên mái.

(Theo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hoá Hội An, Chùa Cầu, NXB Đà Nẵng, 2022)

b) Hội quán Phúc Kiến

Hội quán Phúc Kiến là nơi sinh hoạt cộng đồng của người Hoa cùng quê đến Hội An buôn bán và là nơi để thờ cúng các vị tiền hiền, các vị thần che chở cho cuộc sống của người dân địa phương. Hội quán được xây dựng theo kiểu đền miếu cổ Trung Hoa với mái lợp ngói ống.



Hình 4. Hội quán Phúc Kiến



Hình 5. Bên trong Hội quán Phúc Kiến

c) Nhà cổ Phùng Hưng

Nhà cổ Phùng Hưng có kết cấu hai tầng với dạng nhà ống, hẹp ở chiều ngang và chiều sâu khá dài. Những lớp ngói âm dương đều tẩm tạp được tính toán theo thuật phong thủy ngũ hành tạo nên một sắc thái đặc trưng. Không gian bên trong nhà chính thiết kế rộng rãi, dành cho việc buôn bán và thờ tự.



Hình 6. Nhà cổ Phùng Hưng

3. Một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An

Em hãy đề xuất một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An:

- Có ý thức bảo vệ các công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ;
- Tiến hành trùng tu các công trình đã xuống cấp trong khu phố cổ;
- Tích cực tuyên truyền, quảng bá vẻ đẹp của phố cổ Hội An.

Luyện tập

Em hãy chọn và mô tả một công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An mà em có ấn tượng.

Vận dụng

Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về phố cổ Hội An.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An

- GV yêu cầu HS đọc thông tin. Sau đó, đề xuất một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của phố cổ Hội An.
- Ngoài các giải pháp trong sách, GV khuyến khích HS đưa ra những giải pháp khác hoặc góc nhìn của các em về việc thực hiện những biện pháp bảo tồn và giữ gìn giá trị của phố cổ Hội An.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

- GV yêu cầu HS chọn và mô tả một công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An mà em có ấn tượng.
- Gợi ý nội dung mô tả: tên công trình, vị trí, thời gian được xây dựng, đặc điểm nổi bật, giá trị hoặc ý nghĩa của công trình đó. GV có thể tham khảo bảng bên.

VẬN DỤNG

GV cung cấp thêm thông tin hoặc yêu cầu HS chuẩn bị trước để giới thiệu cho cả lớp nghe dưới vai trò là một hướng dẫn viên du lịch về phố cổ Hội An.

HỒ SƠ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH PHỐ CỔ HỘI AN

Thông tin về điểm đến

(Dán hình của công trình vào đây)

Địa điểm (tên công trình):.....

Thời gian xây dựng:.....

Mục đích xây dựng:.....

Lưu ý khi đến tham quan:.....

Lí do lựa chọn điểm đến đó:.....

Biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của công trình tham quan:

.....

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, đất đai, khí hậu, rừng,...) của vùng Tây Nguyên.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Nêu được nét điển hình của khí hậu thông qua đọc số liệu về lượng mưa, nhiệt độ của một địa điểm ở vùng Tây Nguyên.
- + Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
- + Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở vùng Tây Nguyên.
- + Xác định được vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ hoặc lược đồ.

Năng lực chung

- Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ, giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ được phân công.
- Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn được giao.

Phẩm chất

Nhân ái, trách nhiệm: yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.

Chủ đề 5:

TÂY NGUYÊN

Bài 19

THIÊN NHIÊN VÙNG TÂY NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, đất đai, khí hậu, rừng,...) của vùng Tây Nguyên.
- Nêu được nét điển hình của khí hậu thông qua đọc số liệu về lượng mưa, nhiệt độ của một địa điểm ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.



Khởi động

Nêu hiểu biết của em về thiên nhiên vùng Tây Nguyên.



Hình 1. Đất đỏ badan (Đắk Lắk)



Hình 2. Hồ Tuyền Lâm (Lâm Đồng)



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí của vùng Tây Nguyên.
- Kể tên các quốc gia, vùng tiếp giáp với Tây Nguyên.

Vùng Tây Nguyên tiếp giáp nước Lào, Cam-pu-chia (Cambodia) và vùng Duyên hải miền Trung, vùng Nam Bộ của nước ta. Tây Nguyên là vùng không giáp biển.

78

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng hoạt động khởi động của SGK.
- + Cách thứ hai: GV đọc câu thơ và đưa ra nhiệm vụ “Các câu thơ gợi cho em những điều gì về thiên nhiên vùng Tây Nguyên?”

Những dòng sông chảy ngược

Cao nguyên nắng ngập tràn

Hoa cà phê nở trắng

Hội cồng chiêng rộn vang.

- GV giới thiệu cho học sinh về các mục tiêu bài học tức những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”



Hình 3. Lược đồ địa hình vùng Tây Nguyên

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Dựa vào bảng 1, quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí của các cao nguyên của vùng Tây Nguyên.
- Kể tên các cao nguyên. Cho biết cao nguyên nào cao nhất và cao nguyên nào thấp nhất.

Bảng 1. Độ cao trung bình của các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên

Tên cao nguyên	Độ cao trung bình (m)
Kon Tum	500
Pleiku	800
Đắk Lắk	500
Mơ Nông	800
Lâm Viên	1 500
Di Linh	1 000

79

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lý

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ.

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí của vùng Tây Nguyên.
- Kể tên các quốc gia, vùng tiếp giáp với Tây Nguyên.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trong lớp nhận xét, góp ý.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm những HS làm tốt.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm thiên nhiên vùng Tây Nguyên

a) Địa hình

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức hoạt động dạy học bằng trò chơi trên phần mềm Kahoot!

GV thông báo thể lệ, bắt đầu trò chơi bằng các câu hỏi trắc nghiệm.

Bước 2. HS trả lời câu hỏi theo cặp.

Bước 3. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm.

Lưu ý: HS có thể tham gia trò chơi bằng thiết bị điện tử cá nhân như smartphone hoặc tablet. Nếu không, HS có thể trả lời bằng bảng con.

b) Khí hậu

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành 4 nhóm (số lượng nhóm tùy thuộc vào HS trong lớp). Giao nhiệm vụ mỗi nhóm hoàn thành phiếu học tập về đặc điểm khí hậu vùng Tây Nguyên.

Các tháng mùa mưa và các tháng mùa khô ở Pleiku	
Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất ở Pleiku	
So sánh lượng mưa giữa các tháng mùa mưa và các tháng mùa khô ở Pleiku	
Đặc điểm cơ bản của khí hậu vùng Tây Nguyên	

Bước 2. HS làm việc theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3. Các nhóm báo cáo sản phẩm, nhận xét, góp ý cho nhau.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

c) Đất

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ.

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết loại đất chính của Tây Nguyên. Loại đất đó có vai trò như thế nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ 1.

Bước 3. HS trong lớp nhận xét, góp ý.

Bước 4. GV nhận xét, kết luận các kiến thức, kĩ năng.

d) Rừng

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS trong lớp thành 2 nhóm “chẵn”, “lẻ”. HS “chẵn” thực hiện nhiệm vụ số 2, HS “lẻ” thực hiện nhiệm vụ số 1.

Nhiệm vụ:

Quan sát các hình 3, 4, 5 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số vườn quốc gia, các kiểu rừng chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu vai trò của rừng và một số biện pháp bảo vệ rừng ở vùng Tây Nguyên.

Bước 2. HS “suy nghĩ” về nhiệm vụ được phân công.

Bước 3. HS tìm bất kì một bạn trong lớp cùng nhiệm vụ để tạo thành cặp “chia sẻ” về nhiệm vụ học tập.

Bước 4. Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc nhóm.

Bước 5. GV nhận xét, bổ sung và tổng kết.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV đưa các câu hỏi trong phần Luyện tập (trang 81) và hướng dẫn thực hiện.

Bước 2. HS trả lời.

Bước 3. GV đánh giá, cho điểm.

Lưu ý:

- Hướng dẫn vẽ sơ đồ tư duy xem bài 14.
- Hướng dẫn trả lời câu 2 trên cơ sở vai trò và hiện trạng khai thác rừng ở Tây Nguyên.

Địa hình vùng Tây Nguyên chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng, có độ cao khác nhau, tạo nên các bậc địa hình. Cao nguyên Lâm Viên cao 1 500 m, nơi đây có Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng.

b) Khí hậu

– Dựa vào bảng 2, em hãy:

+ Liệt kê các tháng mùa mưa và các tháng mùa khô ở Pleiku.

+ So sánh lượng mưa giữa các tháng mùa mưa và các tháng mùa khô ở Pleiku.

+ Cho biết chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất ở Pleiku là bao nhiêu.

– Nêu đặc điểm cơ bản của khí hậu vùng Tây Nguyên.

Bảng 2. Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng ở Pleiku (Gia Lai)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	3	7	28	95	226	357	453	493	360	181	57	13
Nhiệt độ (°C)	19	21	23	24	24	23	22	22	22	22	21	19

Mùa khô

Mùa mưa

Khí hậu vùng Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, một số nơi địa hình cao có khí hậu mát mẻ. Lượng mưa lớn, chủ yếu tập trung vào mùa mưa. Mùa khô, nhiều tháng có hiện tượng khô hạn.

c) Đất

Đọc thông tin, em hãy cho biết loại đất chính ở vùng Tây Nguyên.

Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng Tây Nguyên là đất đỏ badan, phân bố tập trung ở các cao nguyên, thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp lâu năm.

d) Rừng

Quan sát các hình 3, 4, 5 và đọc thông tin, em hãy:

– Kể tên một số vườn quốc gia, các kiểu rừng chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.

– Nêu vai trò của rừng và một số biện pháp bảo vệ rừng ở vùng Tây Nguyên.

80

VẬN DỤNG

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK (trang 81).

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. HS có thể nộp sản phẩm cho GV và chia sẻ với các bạn bằng các phương tiện trực tuyến.

Bước 4. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS.

LƯU Ý VỚI GV

Kiến thức bổ trợ cho GV

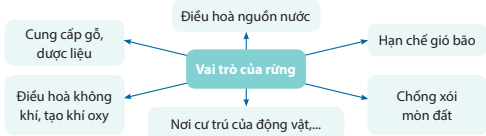
1. Một số loại đất chính ở vùng Tây Nguyên

Đất badan chiếm khoảng 24% diện tích tự nhiên toàn vùng, phân bố trên một lãnh thổ rộng, có mặt ở hầu hết cao nguyên. Đất badan Tây Nguyên khá giàu hữu cơ, tơi xốp,... thích hợp cho sự phát triển của nhiều loại cây trồng, bao gồm cây công nghiệp lâu năm.

Vùng Tây Nguyên có diện tích rừng lớn. Trong rừng có nhiều loại động vật và thực vật quý hiếm. Rừng khộp là kiểu rừng đặc trưng của Tây Nguyên. Vào mùa khô, cây rụng lá do tình trạng nắng nóng và thiếu nước nên dễ xảy ra cháy rừng. Những nơi mưa nhiều phát triển rừng rậm nhiệt đới, cây xanh tốt quanh năm.



Hình 4. Rừng khộp vào mùa khô (Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk)



Hình 5. Một số vai trò của rừng ở vùng Tây Nguyên

Rừng Tây Nguyên có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Những hoạt động phá rừng, khai thác rừng không hợp lý,... gây ra nhiều hậu quả đối với thiên nhiên và con người. Vì vậy, chúng ta cần ngăn chặn phá rừng; phòng, chống cháy rừng; có kế hoạch trồng, tái tạo rừng sau khi khai thác; tuyên truyền bảo vệ rừng...



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm tự nhiên của vùng Tây Nguyên.
2. Vì sao cần phải bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?



Vận dụng

Em hãy vẽ một bức tranh tuyên truyền bảo vệ rừng.

81

LƯU Ý VỚI GV (tt)

Đất xám có thành phần cơ giới nhẹ, hàm lượng sét thấp, tỉ lệ cát khá cao, kết cấu rất kém,... Đất xám phân bố trên địa hình có độ dốc thấp nên hầu hết diện tích đất xám đều được khai thác để sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng các loại cây ngắn ngày như ngô, lạc, bông,...

Nhóm đất phù sa được hình thành trên cơ sở bồi lắng của các sông, suối. Nhìn chung, đất có thành phần phần cơ giới thịt, cấu trúc viên, khá giàu hữu cơ và các dưỡng chất cần thiết khác. Nhóm đất này thích hợp cho việc trồng các loại cây ngắn ngày như: lúa nước, đậu đỗ, rau, ngô, khoai lang, mía,...

2. Ngã ba Đông Dương

Là nơi đường biên giới của 3 nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia cùng gặp nhau ở một điểm chung, có cột mốc 3 biên phân định.

Vị trí cột mốc ngã ba biên giới Đông Dương nằm gần cửa khẩu Bờ Y, ở xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, được xây dựng vào năm 2007 và hoàn thành vào năm 2009 trên đỉnh núi cao 1 086 m so với mặt nước biển. Cột mốc có hình trụ tam giác làm bằng đá hoa cương, quanh 3 mặt là Quốc huy và tên ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia.

Tại đây có Nhà trưng bày được xây dựng với mục tiêu hình thành nơi trưng bày, quảng bá và giới

thiệu về cột mốc biên giới 3 nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia; tạo điểm nhấn để thu hút khách đến thăm quan, đồng thời, tạo không gian dừng chân, tạm nghỉ để nghe giới thiệu về lịch sử, hình ảnh,... của cột mốc cho khách đến tham quan du lịch.

3. Các lĩnh vực trọng tâm để phát triển sinh kế rừng vùng Tây Nguyên

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù về phát triển kinh tế rừng trong thúc đẩy liên kết – phát triển vùng; sớm ban hành quy định, cơ chế liên kết vùng để cùng phát triển; quy hoạch không gian phát triển và xác định các lĩnh vực trọng tâm để đột phá phát triển sinh kế rừng giúp Tây Nguyên khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

Hai là, sớm đầu tư kết nối giao thông vùng Tây Nguyên, làm tiền đề, động lực cho các địa phương phát triển như: triển khai các tuyến đường cao tốc, nâng cấp các cảng hàng không, triển khai nghiên cứu việc xây dựng tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên, tạo điều kiện để Tây Nguyên là khu vực trọng tâm của lâm nghiệp, chế biến gỗ, phát triển bền vững và bảo tồn phát triển văn hoá rừng.

Ba là, nghiên cứu, đầu tư kinh phí để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; có cơ chế, quy định khuyến khích tổ chức, cá nhân, cộng đồng giữ rừng, trồng rừng, sống được nhờ rừng, đảm bảo an ninh nguồn nước bằng việc đầu tư xây dựng các hồ thủy lợi lớn, khắc phục tình trạng thiếu nước sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt trong mùa khô, phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu. Xem xét có cơ chế đối với diện tích đất lâm nghiệp nhưng không có rừng thì được đưa một phần diện tích ra khỏi quy hoạch đất lâm nghiệp và chuyển đổi mục đích sử dụng khác để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương.

Bốn là, trung ương cần quan tâm ưu tiên phân bổ các nguồn lực để các địa phương yên tâm giữ rừng, giải quyết tốt vấn đề sinh kế, giữ gìn và phát huy không gian, bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, góp phần giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh khu vực biên giới phía Tây của Tổ quốc.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện,...).
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.

Năng lực chung

Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

Phẩm chất

Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
 - + Cách thứ nhất: GV sử dụng hoạt động khởi động của SGK.
 - + Cách thứ hai: GV tổ chức trò chơi “Ô chữ” với các câu hỏi về dân cư và các hoạt động sản xuất nổi bật của vùng Tây Nguyên.
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

Bài 20

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TÂY NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện,...).



Khởi động

Hình 1 và hình 2 gợi cho em điều gì về hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên?



Hình 1. Thu hoạch cà phê



Hình 2. Nhà máy thủy điện Đong Nai 3 (Lâm Đồng)



Khám phá

1. Dân cư

Dựa vào bảng số liệu và thông tin, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Cho biết quy mô và mật độ dân số của vùng Tây Nguyên năm 2020.
- So sánh quy mô và mật độ dân số của vùng Tây Nguyên năm 2020 với các vùng khác.

Vùng Tây Nguyên có nhiều dân tộc sinh sống như: Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Mnông, Kinh,... Các dân tộc cùng tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo của vùng Tây Nguyên.

82

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về dân cư vùng Tây Nguyên

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức trò chơi trên phần mềm Kahoot!, thông báo thể lệ, bắt đầu trò chơi bằng các câu hỏi trắc nghiệm về chủ đề dân cư vùng Tây Nguyên.

Bước 2. Nhóm HS trả lời câu hỏi bằng bảng con.

Bước 3. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm.

Gợi ý câu hỏi:

Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

a) Dân tộc nào cư trú lâu đời ở vùng Tây Nguyên?

A. Thái.

B. Nùng.

C. Ê Đê.

D. Khmer.

Quy mô dân số và mật độ dân số các vùng, năm 2020

Vùng	Quy mô dân số (nghìn người)	Mật độ dân số (người/km ²)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	14 063	139
Đồng bằng Bắc Bộ	21 583	1 431
Duyên hải miền Trung	20 343	212
Tây Nguyên	5 932	109
Nam Bộ	35 662	554

Tây Nguyên là vùng thưa dân. So với các vùng khác trong cả nước, Tây Nguyên có quy mô dân số và mật độ dân số thấp nhất.

2. Hoạt động sản xuất

a) Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số cây công nghiệp và vật nuôi chủ yếu ở vùng Tây Nguyên. Cho biết nơi phân bố của chúng.



Hình 3. Lược đồ phân bố một số cây công nghiệp, vật nuôi, nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên

83

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên

a) Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia nhóm (cặp đôi), mỗi nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số cây công nghiệp và vật nuôi chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.
- Dán hình một số cây công nghiệp và vật nuôi chủ yếu lên lược đồ vùng Tây Nguyên.
- Vì sao Tây Nguyên có thể mạnh phát triển những vật nuôi và cây trồng này?

Bước 2. Các nhóm hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3. Lần lượt mỗi nhóm trình bày sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và hệ thống kiến thức.

Lưu ý:

- Nhiệm vụ 1, 2: HS trả lời trong phiếu học tập.
- Nhiệm vụ 2: GV chuẩn bị lược đồ trống vùng Tây Nguyên, hình ảnh, biểu tượng, kí hiệu một số cây công nghiệp và vật nuôi chủ yếu (phù hợp với hình 3 ở trang 83 trong SGK).

b) Phát triển thủy điện ở vùng Tây Nguyên

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia nhóm, số lượng nhóm tùy vào số lượng HS của lớp, mỗi nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên.
- Xác định trên lược đồ hình 3 nơi phân bố của một số nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên.
- Vì sao Tây Nguyên có thể mạnh phát triển thủy điện?

Bước 2. Các nhóm hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3. Lần lượt mỗi nhóm trình bày sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và hệ thống kiến thức.

Lưu ý:

- Nhiệm vụ 1, 2: HS trả lời trong phiếu học tập.
- Nhiệm vụ 2: GV chuẩn bị lược đồ trống vùng Tây Nguyên, biểu tượng nhà máy thủy điện (phù hợp với hình 3 ở trang 83).

b) Năm 2020, so với các vùng trong cả nước, Tây Nguyên có số dân

- A. đông nhất.
- B. ít nhất.
- C. xếp thứ 2, sau vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- D. xếp thứ 2, sau vùng Duyên hải miền Trung.

c) Dân cư ở vùng Tây Nguyên

- A. có nhiều dân tộc sinh sống.
- B. có ít dân tộc sinh sống.
- C. chủ yếu là người Ê Đê.
- D. chủ yếu là người Ba Na.

d) So với các vùng trong cả nước, mật độ dân số vùng Tây Nguyên năm 2020

- A. cao nhất.
- B. thấp nhất.
- C. xếp thứ 2, sau vùng Duyên hải miền Trung.
- D. xếp thứ 2, sau vùng Nam Bộ.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Câu 1:

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng”, thông báo thể lệ và bắt đầu trò chơi.

Bước 2. Các nhóm HS trả lời.

Bước 3. GV nhận xét, ghi điểm cho các nhóm.

Gợi ý các yêu cầu:

1. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

a) Thông tin nào sau đây không phù hợp với dân cư ở vùng Tây Nguyên?

- A. Có nhiều dân tộc sinh sống.
- B. Nơi sinh sống của người Gia Rai.
- C. Dân số ít nhất trong 5 vùng ở nước ta.
- D. Mật độ dân số cao.

b) Tên nhà máy thủy điện trên sông Đồng Nai ở Tây Nguyên là

- A. Ayun Hạ.
- B. Đồng Nai 3.
- C. Sê San 3.
- D. Buôn Kuốp.

c) Điều kiện thuận lợi phát triển cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên là

- A. khí hậu có mùa đông kéo dài.
- B. nhiều đồng cỏ trên các cao nguyên.
- C. sông lớn, nhiều nước, chảy xiết.
- D. đất đỏ badan trên các cao nguyên.

2. Em hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống (.....) để hoàn chỉnh đoạn thông tin dưới đây.

Tây Nguyên là vùng có thể mạnh phát triển cây có giá trị cao như: cà phê, hồ tiêu, cao su. Hiện nay, các loại cây trồng này vẫn là cây chủ lực, tạo mặt hàng xuất khẩu quan trọng cho cả nước nói chung và Tây Nguyên nói riêng.

Câu 2:

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV đưa các nhiệm vụ như trong phần Luyện tập ở trang 84.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. GV nhận xét, đánh giá, cho điểm.

Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, vùng Tây Nguyên có thể mạnh phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn. Đây là vùng trồng cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu là cà phê, hồ tiêu, cao su, chè,... Tây Nguyên có đàn gia súc lớn. Nhiều trang trại nuôi bò lấy thịt, trang trại bò sữa phát triển ở Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk,...

b) Phát triển thủy điện

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên. Cho biết các nhà máy đó được xây dựng trên những sông nào.

Tây Nguyên là vùng sản xuất thủy điện quan trọng của nước ta. Trên các hệ thống sông Đồng Nai, sông Srêpôk, sông Sê San,... nhiều nhà máy thủy điện đã và đang được xây dựng. laly là nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Tây Nguyên. Sản xuất thủy điện không chỉ phục vụ cho vùng Tây Nguyên mà còn cung cấp nguồn năng lượng quan trọng cho các vùng khác.



Em có biết?

Sông Sê San được hợp lưu bởi sông Krông Pô và Đăk Bla.

Sông Srêpôk được hợp lưu bởi các sông: Krông Ana, Krông Nô, Ea H'leo,...

Hệ thống sông Srêpôk và sông Sê San có vai trò rất quan trọng ở vùng Tây Nguyên.



Luyện tập

- Dựa vào hình 3, em hãy xác định trên lược đồ nơi trồng cây cà phê, cao su, chè và nuôi bò ở vùng Tây Nguyên.
- Căn cứ vào hình 3, em hãy hoàn thành sơ đồ theo mẫu sau và ghi vào vở:



Vận dụng

Em hãy sưu tầm thông tin về một sản phẩm nông nghiệp của vùng Tây Nguyên và giới thiệu với các bạn cùng lớp.

84

VẬN DỤNG

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. Giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK (trang 84).

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS có thể nộp sản phẩm cho GV và chia sẻ với các bạn bằng các phương tiện trực tuyến.

Bước 4. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS.

Lưu ý:

- Tổ chức hoạt động để HS thực hiện ở nhà.
- GV lưu ý HS các sản phẩm có thể không có trong bài.
- Sưu tầm thông tin từ sách, báo, tạp chí, internet,...
- Thông tin đảm bảo tính thực quan, sinh động, bao gồm: hình ảnh, âm thanh, video, văn bản,...

LƯU Ý VỚI GV

Kiến thức bổ trợ cho GV

Tiềm năng thủy điện trên các lưu vực sông ở vùng Tây Nguyên

- Sông Đồng Nai có chiều dài ước khoảng 586 km, diện tích lưu vực cho đến ngã ba Lòng Tàu là 29 520 km². Sông Đồng Nai bắt nguồn từ vùng núi phía bắc thuộc cao nguyên Lang Biang ở độ cao 1 770 m. Hướng chảy chính của sông là đông bắc – tây nam và bắc – nam. Sau khi hợp hai nhánh Đa Nhim và Đa Dung, sông Đồng Nai vòng bao lưu vực sông La Ngà, chảy qua nhiều thác ghềnh. Thác Trị An cách Biên Hoà 30 km là thác cuối cùng. Qua Trị An, sông Đồng Nai chảy vào đồng bằng. Do hệ thống sông Đồng Nai có độ dốc lớn nên tiềm năng thủy điện của sông Đồng Nai rất lớn, chỉ đứng sau sông Đà với công suất lên đến 2 800 MW và lượng điện bình quân khoảng 1,5 tỉ kWh/năm. Hiện nay, trên hệ thống sông Đồng Nai có 20 công trình thủy điện đã và đang được xây dựng. Trong đó, nhánh sông Bé có 6 công trình, sông La Ngà 5 công trình và trên dòng chính sông Đồng Nai có 9 công trình. Nhiều công trình đã đi vào hoạt động, một số công trình hiện đang được xây dựng.
- Sông Sê San do 2 nhánh sông chính là Krông Pô Kô (phía hữu ngạn) và Đắk Bla (tả ngạn) hợp thành, rồi chảy theo hướng đông bắc sang tây nam dãy Trường Sơn. Với tổng chiều dài gần 300 km, diện tích lưu vực 11 450 km², Sê San là con sông có tiềm năng thủy điện lớn thứ 3 trong cả nước, sau sông Đà và sông Đồng Nai. Với lợi thế và tiềm năng thủy điện phong phú, đến nay, lưu vực sông Sê San đã được Chính phủ phê duyệt xây dựng 7 công trình thủy điện (gồm thủy điện Plei Krông, laly, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Sê San 4A và thủy điện thượng Kon Tum, với tổng công suất 1 831 MW). Hằng năm, các nhà máy thủy điện trên sông Sê San cung cấp hàng tỉ kWh điện. Nguồn điện trên dòng Sê San đóng góp không nhỏ vào hệ thống điện lưới quốc gia, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ quá trình phát triển kinh tế – xã hội, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trong vùng và cả nước.
- Sông Srêpôk có chiều dài lên đến 406 km, có nhiều ghềnh, thác. Dòng sông được hợp lưu bởi: sông Krông Nô và sông Krông Ana. Sông Srêpôk có tiềm năng thủy điện khá lớn, đã và đang được khai thác bởi nhiều công trình thủy điện lớn, nhỏ. Lưu vực sông Srêpôk có 3 công trình thủy điện lớn là Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp và Srêpôk 3 và nhiều công trình thủy điện nhỏ. Các nhà máy thủy điện lớn có tổng công suất 586 MW. Riêng nhà máy thủy điện Buôn Kuốp có công suất 280 MW, dung tích hồ chứa 14,7 triệu m³, vận hành điều tiết theo ngày.
- Sông Ba chảy qua 4 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Phú Yên với diện tích lưu vực 13 900 km². Dòng chính sông Ba bắt nguồn từ đỉnh Ngọc Rô ở độ cao 1 549 m, đổ nước ra Biển Đông tại Tuy Hoà, với chiều dài 374 km. Các sông, suối thuộc lưu vực sông Ba đều hẹp, sâu, độ dốc lớn nên có tiềm năng lớn về thủy điện. Sông Ba được xếp thứ 6 trên 9 hệ thống sông chính của cả nước về tiềm năng phát triển thủy điện. Một số công trình thủy điện: An Khê-Ka Nak (173 MW), Sông Ba Hạ (220 MW), Đắk Srông 2, Đắk Srông 2A, Đắk Srông 3A, Đắk Srông 3B (tổng công suất 71,5 MW),...

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: mô tả được một số nét chính về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: từ nguồn tư liệu, tranh ảnh, trình bày được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: sử dụng tư liệu, tranh ảnh, nhận xét được truyền thống yêu nước của đồng bào Tây Nguyên.

Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: xác định được trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

Phẩm chất

Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV yêu cầu HS quan sát hình ở phần Khởi động và xác định bạn HS nào đang mặc trang phục của đồng bào Tây Nguyên.

Gợi ý: GV có thể cho HS xác định trang phục của các hình còn lại.

Bài 21

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ LỊCH SỬ CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN



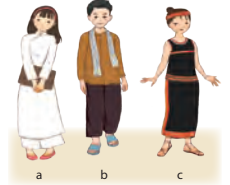
Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét chính về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về anh hùng Núp, anh hùng N Trạng Lùng....



Khởi động

Em hãy cho biết bạn học sinh nào ở hình bên đang mặc trang phục của đồng bào Tây Nguyên.



Khám phá

1. Một số nét về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên

a) Nhà Rông

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy mô tả nhà Rông ở Tây Nguyên.



Hình 1. Nhà Rông



Hình 2. Một phần nghi lễ cầu mưa diễn ra bên trong nhà Rông

Một trong những nét văn hoá nổi bật của các dân tộc ở vùng Tây Nguyên là nhà Rông. Đây là nơi lưu giữ những nét đẹp truyền thống của các dân tộc ở Tây Nguyên.

85

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số nét về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên

Tìm hiểu về nhà Rông

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 để mô tả nhà Rông ở Tây Nguyên thông qua các câu hỏi gợi ý:

- Nhà Rông thường được xây dựng ở những vị trí như thế nào?
- Vai trò chính của nhà Rông là gì?
- Vật liệu để xây dựng nhà Rông là gì?
- Giá trị tinh thần của nhà Rông trong đời sống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên là gì?

Nhà Rông được xây dựng ở vị trí trung tâm, cao ráo, có mặt bằng rộng, thuận lợi cho sinh hoạt cộng đồng. Nhà Rông có vai trò chính là nơi để hội họp, tiếp khách,... Khi làm nhà Rông, người dân chủ yếu sử dụng các vật liệu như gỗ, mây, tre, nứa, lá. Nhà Rông càng to đẹp chứng tỏ buôn làng càng giàu có, thịnh vượng.

b) Trang phục

Quan sát các hình 3, 4 và đọc thông tin, em hãy cho biết người dân Tây Nguyên thường mặc trang phục bằng chất liệu gì, màu sắc chủ đạo là những màu nào.



Hình 3. Trang phục một số dân tộc

Trang phục truyền thống của đồng bào các dân tộc ở vùng Tây Nguyên được may bằng chất liệu thổ cẩm – loại vải dệt thủ công. Màu sắc chủ đạo là màu đỏ và đen. Nam thường đóng khố, nữ thường mặc áo và váy kết hợp với trang sức như vòng cổ hay vòng tay.



Hình 4. Dệt thổ cẩm

c) Lễ hội

Quan sát các hình 5, 6 và đọc thông tin, em hãy nêu một số nét chính về lễ hội Đua voi và lễ Mừng lúa mới ở Tây Nguyên.

Vào mùa xuân hoặc sau mỗi vụ thu hoạch, người dân vùng Tây Nguyên thường tổ chức các lễ hội như lễ hội Đua voi, lễ hội Cồng chiêng, lễ Mừng lúa mới, lễ Tạ ơn cha mẹ,...

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV kết luận nội dung trong SGK.

Tìm hiểu về trang phục

Bước 1. GV hướng dẫn HS quan sát các hình 3, 4 và đọc thông tin. Sau đó, cho biết người dân Tây Nguyên thường mặc trang phục bằng chất liệu gì. Màu sắc chủ đạo trong trang phục là những màu nào?

GV có thể chiếu đoạn phim ngắn giới thiệu về hoạt động dệt thổ cẩm của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên để HS hình dung rõ hơn.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét.

Tìm hiểu về lễ hội

Bước 1. GV hướng dẫn HS quan sát các hình 5, 6 và đọc thông tin để nêu một số nét chính về lễ hội Đua voi và lễ Mừng lúa mới ở Tây Nguyên. Gợi ý nội dung mô tả một số nét chính: tên lễ hội, thời gian tổ chức, hoạt động chính, ý nghĩa của lễ hội trong đời sống của người dân đồng bào Tây Nguyên.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét.

Tên lễ hội	Thời gian tổ chức	Hoạt động chính	Ý nghĩa
Lễ hội Đua voi	Tổ chức 2 năm một lần, vào tháng 3 âm lịch.	- Phần lễ thường sẽ có lễ Cúng bến nước, lễ Cúng sức khoẻ cho voi,... - Phần hội được diễn ra với các phần thi voi chạy tốc độ trên cạn và chạy dưới nước.	Lễ hội Đua voi phản ánh những nét văn hoá đặc sắc của người dân tộc Tây Nguyên.
Lễ Mừng lúa mới	Vào khoảng tháng 11, 12 dương lịch.	Phần lễ chung được tổ chức để cúng thần lúa. Bà con trong thôn bản cùng nhau ăn uống, nhảy múa theo tiếng cồng chiêng vang vọng.	Thể hiện bản sắc văn hoá độc đáo của đồng bào Tây Nguyên cầu cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu và gia đình sung túc, cuộc sống ấm no ở các buôn làng.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và cho biết:

- Tên các anh hùng tiêu biểu của vùng đất Tây Nguyên.
- Khái quát sơ lược tiểu sử của các anh hùng đó.
- Cho biết những hoạt động nào của anh hùng N'Trang Lơng, anh hùng Núp thể hiện tinh thần yêu nước của đồng bào Tây Nguyên.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét và trao đổi thêm: Khi nói tới lịch sử phát triển ở Tây Nguyên là nhắc tới những đồng bào dân tộc có truyền thống kiên cường chống giặc ngoại xâm, tập hợp và đoàn kết thành một khối thống nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Trong đó, nổi bật lên những tấm gương anh hùng bất khuất như anh hùng N'Trang Lơng, anh hùng Núp,... đã tô đậm thêm truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng đầy hào hùng của đồng bào nơi đây.

GV có thể giới thiệu thêm:

Anh hùng Kpă Ó

Bà là người dân tộc Gia Rai ở làng Bạc 1, huyện Chư Prông (Gia Lai). Sau khi tận mắt chứng kiến cảnh tượng người thân, bà con mình bị bắn giết, Kpă Ó căm hận đế quốc Mỹ và Việt Nam Cộng hòa đến tận cùng nên đã xin vào đội nữ du kích làng Bạc để đánh giặc. Khi đó, Kpă Ó nhỏ tuổi nhất đội.

Bằng sự mưu trí và dũng cảm, Kpă Ó đã bắn rơi máy bay trực thăng và diệt xe tăng địch. Bà kể: “Mình đào đất, lấp mìn, lấy phân trâu bò để lên trên cho chúng khỏi nghi ngờ, sau đó dẫn dụ chúng đi vào. Xe tăng địch trúng mìn thì nổ tung”. Cùng với các nữ du kích làng Bạc, Kpă Ó đã trực tiếp tham gia nhiều trận chống càn, phá ấp.

Đến năm 1978, bà Kpă Ó vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Bà là người phụ nữ Gia Rai duy nhất của tỉnh Gia Lai được phong tặng danh hiệu cao quý này.

Lễ hội Đua voi

Lễ hội Đua voi ở Tây Nguyên được tổ chức hai năm một lần, vào tháng Ba âm lịch. Phần lễ thường sẽ có lễ cúng bên nước, lễ cúng sức khỏe cho voi,... Phần hội được diễn ra với các phần thi voi chạy tốc độ trên cạn và chạy dưới nước. Lễ hội Đua voi phản ánh những nét văn hoá đặc sắc của các dân tộc ở Tây Nguyên.



Hình 5. Lễ hội Đua voi

Lễ Mừng lúa mới



Hình 6. Lễ Mừng lúa mới

Tây Nguyên, cầu cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu và gia đình sung túc, cuộc sống ấm no ở các buôn làng.

Lễ Mừng lúa mới là phong tục lâu đời của các dân tộc sinh sống ở Tây Nguyên, thường được tổ chức vào khoảng tháng 11, 12 dương lịch hàng năm, sau khi thu hoạch lúa. Phần lễ chung được tổ chức để cúng thần lúa. Bà con trong thôn bản cùng nhau ăn uống, nhảy múa theo tiếng trống chiêng vang vọng. Lễ Mừng lúa mới là bản sắc văn hoá độc đáo của đồng bào

2. Truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên

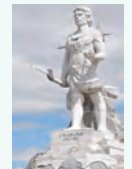
Quan sát các hình 7, 8 và đọc thông tin, em hãy cho biết những hoạt động nào của anh hùng N'Trang Lơng, anh hùng Núp thể hiện tinh thần yêu nước của đồng bào Tây Nguyên.

Đồng bào Tây Nguyên có truyền thống kiên cường chống giặc ngoại xâm, với các nhân vật tiêu biểu như anh hùng Núp, anh hùng N'Trang Lơng,...

Tà trưởng N'Trang Lơng

N'Trang Lơng (1870 – 1935) là tù trưởng dân tộc Mông. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước ở buôn làng thuộc tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc tỉnh Đắk Nông). Căm thù giặc Pháp xâm lược, ông lãnh đạo các dân tộc ở Tây Nguyên như Mông, Xiêng Mạ,... đứng lên chống thực dân Pháp. Từ năm 1912 đến năm 1935, ông tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa, tiêu diệt quân địch, trong đó, nổi tiếng là trận nghị binh tiêu diệt địch và viên chỉ huy Pháp Hen-ri Mai-tre (Henri Maitre).

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006)



Hình 7. Tượng đài anh hùng N'Trang Lơng tại tỉnh Đắk Nông

Anh hùng Y Buông

Bà sinh năm 1945 tại làng Đăk Re, xã Đăk Na, huyện Đăk Tô (tỉnh Kon Tum). Năm 13 tuổi, Y Buông đã làm liên lạc cho cán bộ vào vùng tạm chiếm. Sau 3 năm làm giao liên Trường Sơn, bà thuộc từng ngóc ngách nơi rừng sâu núi thẳm, dẫn đường cho cán bộ đến vị trí an toàn.

Năm 1965, bà được điều về nuôi quân ở Đại đội 1, Tiểu đoàn 304 (Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum). Y Buông luôn bám sát đơn vị. Một mình bà đào bếp, kiếm củi, nấu cơm, gửi cơm từ dưới suối vượt qua nhiều con dốc từ 3 đến 4 km lên chốt phục vụ 80 người chiến đấu.

Ngoài việc nuôi quân, bà còn tham gia chiến đấu cùng với anh em trong đơn vị. Năm 1967, trong lúc anh em đi tải gạo, ở lán chỉ còn 3 thương binh, bà và 1 chiến sĩ khác do Đại đội trưởng Hoà phụ trách.

Anh hùng Núp

Anh hùng Núp (1914 – 1999) tên là Đinh Núp, người dân tộc Ba Na, sinh ra tại một buôn làng ở tỉnh Gia Lai.

Năm 1935, trong một lần quân Pháp về làng bắt phu, dân làng lánh hết vào rừng, một mình Núp ở lại, dùng nỏ bắn lính Pháp chảy máu để chứng minh với dân làng rằng lính Pháp cũng là người, có thể chống lại được. Sau đó, ông vận động đồng bào dân tộc tham gia các tổ du kích, xây làng chiến đấu chống các cuộc tàn sát của quân Pháp, tiêu hao nhiều đơn vị địch, đem lại chiến thắng tại địa phương.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) năm 1954, ông cùng đơn vị tập kết ra miền Bắc một thời gian, sau đó trở về tham gia đánh đế quốc Mỹ ở Tây Nguyên.

(Theo Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Ánh Dương, Nguyễn Thu Hậu, Anh hùng Núp người con ưu tú của núi rừng Tây Nguyên, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009)



Hình 8. Tượng đài anh hùng Núp tại tỉnh Gia Lai

Luyện tập

Em hãy tìm các từ khoá phù hợp với mô tả dưới đây và ghi vào vở.

a) Ngôi nhà chung lớn nhất của buôn làng ở Tây Nguyên.	?
b) Người dân tộc ở vùng Tây Nguyên thường tổ chức lễ hội vào mùa này.	?
c) Loại vải người Tây Nguyên thường dùng để may trang phục truyền thống.	?
d) Người anh hùng đã lãnh đạo các bộ tộc Mnông, Xtiêng nổi dậy chống thực dân Pháp.	?
e) Người anh hùng của Tây Nguyên đã tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.	?

Vận dụng

Em hãy tìm hiểu và giới thiệu một trang phục dân tộc ở vùng Tây Nguyên mà em ấn tượng.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS tìm các từ khoá phù hợp với mô tả trong bảng và ghi vào vở.

Gợi ý:

a) Ngôi nhà chung lớn nhất của buôn làng ở Tây Nguyên.	Nhà Rông
b) Người dân tộc ở vùng Tây Nguyên thường tổ chức lễ hội vào mùa này.	Mùa xuân
c) Loại vải người Tây Nguyên thường dùng để may trang phục truyền thống.	Thổ cẩm
d) Người anh hùng đã lãnh đạo các bộ tộc Mnông, Xtiêng nổi dậy chống thực dân Pháp.	Anh hùng N' Trang Lơng
e) Người anh hùng của Tây Nguyên đã tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.	Anh hùng Núp

VẬN DỤNG

GV cung cấp thêm thông tin hoặc yêu cầu HS chuẩn bị trước để giới thiệu cho cả lớp nghe về một trang phục dân tộc của vùng Tây Nguyên mà HS ấn tượng.

Lúc đó, hơn 10 tên địch tập kích bất ngờ, Y Buông đã kịp thời giấu nổi cơm, dụng cụ cấp dưỡng và ba lô của anh em vào vị trí bí mật, sau đó cùng Đại đội trưởng Hoà chiến đấu với địch. Riêng quả lựu đạn từ tay bà ném ra đã tiêu diệt 3 tên địch. Những tên còn lại tìm đường bỏ chạy, bị Y Buông bắn đuổi theo và tiêu diệt 1 tên. Chuyện của nữ chiến sĩ nuôi quân tiêu diệt 4 tên địch đã lan toả khắp các đơn vị chiến trường Đắk Tô – Tân Cảnh ngày ấy, làm nức lòng quân và dân Bắc Tây Nguyên.

Ngày 20 – 12 – 1973, Y Buông đã vinh dự được trao tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân”. Bà cũng là người dân tộc Xơ Đăng đầu tiên ở Kon Tum được tặng thưởng danh hiệu cao quý này.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 1 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.
- + Nêu được vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: đề xuất được những biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên phù hợp với lứa tuổi.

Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu nhận được thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản.

Phẩm chất

Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt về văn hoá của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV yêu cầu HS quan sát các hình 1, 2, 3 và cho biết đâu là nhạc cụ truyền thống của đồng bào Tây Nguyên.

Gợi ý: Hình 1. Cồng chiêng và hình 3. Đàn đá.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5 và cho biết:

- Chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên là những dân tộc nào.
- Vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét và giới thiệu cho HS biết về cồng và chiêng và cách phân biệt theo hình bên.

Gợi ý nội dung: Cồng chiêng là nhạc khí bằng hợp kim đồng, có khi pha vàng, bạc hoặc đồng đen.

Bài 22

LỄ HỘI CỒNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.



Khởi động

Quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy cho biết đâu là nhạc cụ truyền thống của đồng bào Tây Nguyên.



Hình 1. Cồng chiêng



Hình 2. Đàn pi-a-nô (piano)



Hình 3. Đàn đá



Khám phá

1. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy cho biết:

- Chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên là những dân tộc nào.
- Vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên.

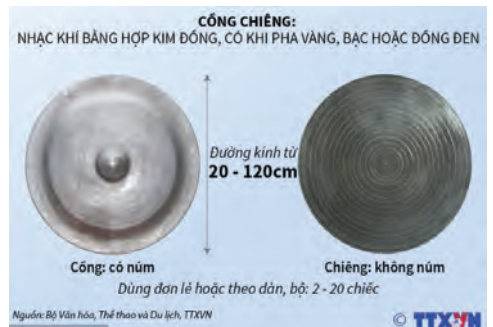
Không gian văn hoá Cồng chiêng trải dài ở 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Chủ nhân của Không gian văn hoá này là các dân tộc: Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Mạ,...

89

Cồng có núm ở giữa còn chiêng thì không có núm. Đường kính của mỗi chiếc cồng chiêng thường từ 20 – 120 cm. Có thể sử dụng đơn lẻ cồng chiêng hoặc theo dàn, bộ từ 2 – 20 chiếc.

Để minh hoạ cụ thể, GV có thể chiếu các đoạn phim ngắn các tiết học về cồng chiêng của các em HS.

GV giới thiệu thêm: Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.



Nguồn: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, TTXVN

TTXVN

Cồng chiêng là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Tây Nguyên. Cồng chiêng thường được sử dụng trong các buổi lễ quan trọng như: lễ Thối tai cho trẻ sơ sinh, lễ Cúng sức khoẻ cho voi, lễ Mừng lúa mới,... Cồng chiêng là phương tiện để kết nối cộng đồng và thể hiện bản sắc văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.



Hình 4. Dân tộc Mông ở tỉnh Đắk Lắk đánh cồng chiêng trong lễ Cúng sức khoẻ cho voi



Hình 5. Tiết học về cồng chiêng của học sinh ở tỉnh Đắk Nông

Em có biết?
Vào năm 2005, Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.

2. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy mô tả những nét chính của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

90

Lễ hội Cồng chiêng được tổ chức hằng năm ở các tỉnh thuộc Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên. Lễ hội Cồng chiêng tái hiện nghi lễ truyền thống của các dân tộc ở Tây Nguyên như lễ Mừng lúa mới, lễ Cúng con mưa đầu mùa,... Lễ hội góp phần thúc đẩy sự giao lưu văn hoá, tăng thêm sự đoàn kết giữa các dân tộc ở Tây Nguyên.



Hình 6. Biểu diễn cồng chiêng của dân tộc Gia Rai



Luyện tập

Vì sao nói cồng chiêng là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Tây Nguyên?



Vận dụng

Qua những kiến thức đã học, em hãy nêu cảm nghĩ của bản thân về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

91

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 6 để mô tả những nét chính của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

GV có thể cho HS xem các đoạn phim ngắn về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét và có thể tổ chức một không gian lễ hội trong lớp để HS tham gia trên nền nhạc truyền thống của cồng chiêng.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vì sao nói cồng chiêng là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Tây Nguyên?

Gợi ý hoạt động: GV có thể tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” và chia lớp thành 2 nhóm. Sau đó, cho đại diện các nhóm lần lượt lên viết các ý kiến trong thời gian 10 phút. Hết thời gian quy định, GV và cả lớp cùng nhận xét và chọn ra nhóm có nhiều ý hợp lí nhất.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS nêu cảm nghĩ của bản thân về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên bằng cách viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 – 7 câu, sau đó trình bày cho cả lớp cùng nghe và nhận xét.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí vùng Nam Bộ.
- + Nêu được đặc điểm thiên nhiên vùng Nam Bộ.
- + Trình bày được một số ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt ở vùng Nam Bộ.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí:
- + Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Quan sát trên bản đồ hoặc lược đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất và sông ngòi,...) ở vùng Nam Bộ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ và liên hệ đến địa phương HS đang sinh sống.

Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm cũng như trình bày trước lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ, phát hiện được một số vấn đề của vùng Nam Bộ, của địa phương, từ đó, đề xuất một số giải pháp đơn giản nhằm bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.

Phẩm chất

- Yêu nước: tự hào về các địa danh và thiên nhiên của vùng Nam Bộ.
- Chăm chỉ: chủ động học tập, tìm hiểu về vùng Nam Bộ, vùng đất trù phú, giàu có.

nêu cảm nghĩ về thông tin bài hát,... Một số bài như “Về miền Tây”, “Bài ca đất phương Nam”,... đều có thể khai thác được.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

Chủ đề 6:

NAM BỘ

Bài 23

THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát trên bản đồ hoặc lược đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất và sông ngòi,...) ở vùng Nam Bộ.
- Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.



Khởi động

Các hình 1, 2, 3 gợi cho em điều gì về thiên nhiên vùng Nam Bộ?



Hình 1. Rừng cao su vào mùa khô (Bình Dương)



Hình 2. Sông Cửa Lớn (Cà Mau)



Hình 3. Biển, đảo Phú Quốc (Kiên Giang)



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 4, em hãy xác định vị trí vùng Nam Bộ (tên quốc gia, biển, vịnh và các vùng tiếp giáp) trên lược đồ.

92

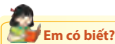
KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong các cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng cách thức khởi động như trong SGK.
- + Cách thứ hai: GV thiết kế trò chơi “Ai nhanh hơn” với các câu hỏi ngắn thi tìm hiểu về vùng Nam Bộ hoặc sắp xếp các chữ cái để tạo thành địa danh như: Phú Quốc, Bến Tre, Cửu Long, Bà Đen, vịnh Thái Lan,...
- + Cách thứ ba: GV mở một ca khúc đặc trưng về vùng Nam Bộ, yêu cầu HS lắng nghe và ghi lại các địa danh, danh từ và



Hình 4. Lược đồ địa hình vùng Nam Bộ

Vùng Nam Bộ nằm ở phía nam của Tổ quốc, tiếp giáp với Campuchia, vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung. Nơi đây có vùng biển rộng lớn.



Em có biết?

Mũi Cà Mau (huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau) thuộc vùng đất cực Nam của Tổ quốc trên đất liền. Đây cũng là một địa điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Quan sát hình 4 và đọc thông tin, em hãy xác định trên lược đồ các khu vực địa hình có độ cao: 0 – 50 m, 50 – 200 m, 200 – 500 m của vùng Nam Bộ. Khu vực địa hình nào có diện tích lớn nhất?

Phần lớn Nam Bộ có địa hình thấp, có sự khác nhau giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

93

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của vùng Nam Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 2 trong SGK kết hợp với câu hỏi khai thác theo bài.

Bước 2. GV thông báo thể lệ và đọc các câu hỏi để HS tham gia trò chơi.

- HS đếm số theo nhóm, từ 1 đến 6.
- Gọi lần lượt từng số của các nhóm để tham gia trò chơi.
- GV đọc to câu hỏi, các HS được GV gọi số phải cùng nhau trả lời bằng cách ghi đáp án ra bảng nhỏ, các HS còn lại không được tham gia.

Một số câu hỏi gợi ý:

- + Vùng Nam Bộ nằm ở đâu của nước ta? Tiếp giáp với quốc gia nào?
- + Hòn đảo nào lớn nhất ở vùng Nam Bộ?
- + Biển Đông nằm ở phía nào của vùng Nam Bộ?...

Bước 3. GV mời 1 – 2 HS lên trình bày lại thông tin về vị trí địa lí của vùng.

Bước 4. GV chốt lại kiến thức và nhấn mạnh vị trí địa lí của vùng. Vị trí này sẽ ảnh hưởng lớn đến đặc điểm thiên nhiên của vùng, nhất là khí hậu.

Bước 5. GV giới thiệu về đảo Phú Quốc, Hòn Khoai hoặc một số địa danh đảo hấp dẫn khác của vùng Nam Bộ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về một số đặc điểm thiên nhiên

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm nhỏ khác nhau quy mô 4 HS/ nhóm, đếm số thứ tự và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Bước 2. GV cho HS tự phân công và hướng dẫn các nhiệm vụ như sau:

- Đóng vai làm chuyên gia địa hình.
- Đóng vai làm chuyên gia khí hậu.
- Đóng vai làm chuyên gia đất.
- Đóng vai làm chuyên gia sông ngòi.

Các cá nhân sẽ có nhiệm vụ:

- Đọc thông tin trong SGK.
- Tìm các từ khóa trọng tâm.
- Kết hợp với hình 4, đóng vai làm chuyên gia để mô tả đặc điểm tự nhiên của vùng cũng như đánh giá những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên tác động đến sản xuất và đời sống.

GV giới thiệu tiêu chí đánh giá cho hoạt động chuyên gia của HS.

Bước 3. HS làm việc theo hình thức cá nhân.

Bước 4. HS lần lượt giảng bài cho các thành viên của nhóm.

Bước 5. GV mời các chuyên gia lên chia sẻ, sử dụng bản đồ hoặc lược đồ hoặc bảng số liệu để làm rõ các thông tin.

Với nội dung này, GV có thể biến tấu thành Talkshow, mời 4 chuyên gia lên trò chuyện, phân tích những đặc điểm tự nhiên (có thể lí giải đơn giản về đặc điểm).

Bước 6. GV chốt kiến thức và mở rộng thêm một số thông tin về những điểm đặc sắc trong thiên nhiên của vùng.

Với mục 2 này, GV cũng có thể dùng kĩ thuật mảnh ghép kết hợp trạm và phòng tranh.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

Ngoài phương án dạy trên, với mục 2 này, GV có thể áp dụng các hình thức khác, ví dụ:

KĨ THUẬT MẢNH GHÉP KẾT HỢP TRẠM VÀ PHÒNG TRANH

Vòng chuyên gia

Bước 1. GV chia lớp thành 2 – 3 cụm, mỗi cụm gồm 3 nhóm nhỏ, đếm số từ 1 đến hết.

Bước 2. Giao nhiệm vụ cho từng nhóm.

Bước 3. HS làm việc nhóm với bảng phụ ngoài ra có thể thực hiện trên giấy A3 hoặc A4 tóm tắt thông tin.

Vòng mảnh ghép

Bước 1. GV tạo nhóm mảnh ghép, nhóm có đủ các thành viên của các nhóm với các nội dung tìm hiểu khác nhau. Sản phẩm có thể để trên bàn (nếu lớp chật) hoặc dán ở các góc tương ứng (nếu lớp rộng).

Bước 2. GV yêu cầu các chuyên gia chia sẻ nội dung đã tìm hiểu ở bàn hoặc ở các góc theo ma trận.

Bước 3. HS chia sẻ, mỗi lần khoảng 2 phút, sau đó di chuyển. Sản phẩm của chuyên gia nào thì chuyên gia đó chia sẻ. Các thành viên khác hỏi, chuyên gia giải đáp thêm theo cấu trúc 5W1H.

Bước 4. HS về nhóm, hoàn thành sơ đồ tư duy về đặc điểm thiên nhiên của vùng Nam Bộ.

Bước 5. GV gọi ngẫu nhiên HS lên trình bày, chia sẻ nội dung đã tìm hiểu.

Bước 6. GV tổ chức trò chơi tổng kết kiến thức, lồng ghép nội dung luyện tập.

Bước 7. GV chốt kiến thức, nhấn mạnh một số thông tin tiêu biểu và mở rộng nếu có.

HS chủ động ghi bài theo gợi ý, có thể tự vẽ lại sơ đồ vào trong vở của mình hoặc kẻ bảng tóm tắt kiến thức trọng tâm.

GV có thể tổ chức trò chơi với các câu hỏi ngắn nhằm bao quát kiến thức. Một số câu hỏi gợi ý:

- Nam Bộ gồm mấy bộ phận?
- Địa hình chủ yếu của vùng Nam Bộ là gì?
- Nhiệt độ trung bình năm của Nam Bộ khoảng bao nhiêu?
- Kể tên ngọn núi cao nhất và cao thứ hai của vùng.
- Kể tên 2 con sông lớn,...

GV cũng có thể chuẩn bị sẵn một bảng kiểm kiến thức Đúng/ Sai thay thế cho phần trò chơi để HS hoàn thành phần tự đánh giá của mình trong nội dung này.

Với một số thông tin, GV yêu cầu HS lí giải sự lựa chọn nhằm khắc sâu kiến thức trọng tâm và qua đó phát triển tư duy và kĩ năng cho HS.

Địa hình ở Đồng Nam Bộ có dạng đồi lượn sóng, mang tính chất chuyển tiếp giữa đồng bằng với cao nguyên.

Tây Nam Bộ (còn gọi là Đồng bằng sông Cửu Long) là đồng bằng được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa của sông Tiền và sông Hậu, có địa hình khá bằng phẳng.

b) Khí hậu

Đọc thông tin, em hãy cho biết đặc điểm khí hậu vùng Nam Bộ.

Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm cao, trên 27°C; lượng mưa lớn, trung bình khoảng 2 000 mm mỗi năm.

Khí hậu được chia thành hai mùa rõ rệt. Mùa mưa có khí hậu ẩm ướt. Mùa khô có lượng mưa ít, nắng nóng.

c) Đất

Quan sát hình 5 và đọc thông tin, em hãy:

– Nêu tên các loại đất chính của vùng Nam Bộ.

– Cho biết loại đất nào có diện tích lớn nhất và phân bố ở đâu.



Hình 5. Lược đồ các loại đất chính ở vùng Nam Bộ

Vùng Nam Bộ có nhiều loại đất. Đồng Nam Bộ chủ yếu là đất xám và đất đỏ badan, thích hợp cho trồng cây công nghiệp như cao su, cà phê, điều, hồ tiêu,... Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là đất phù sa, thích hợp cho trồng lúa và cây ăn quả.

d) Sông ngòi

Quan sát hình 4 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí các sông của vùng Nam Bộ.
- Cho biết đặc điểm sông ngòi của vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có mạng lưới sông ngòi dày đặc. Các sông lớn của vùng là sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu có nguồn nước dồi dào. Các sông thường có mùa lũ và mùa cạn.



Em có biết?

Sông Mê Công là một trong những dòng sông dài nhất trên thế giới, bắt nguồn từ Trung Quốc và chảy qua 5 quốc gia. Sông có phần hạ lưu chảy qua nước ta với hai nhánh chính là sông Tiền và sông Hậu. Trước kia, sông đổ ra biển bằng 9 cửa nên còn có tên khác là sông Cửu Long (chín con rồng). Hiện nay, cửa Bát Xắc đã không còn do phù sa bồi đắp.



Hình 6. Sông Hậu đoạn chảy qua thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long

3. Ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt

Quan sát các hình 7, 8, 9, 10 kết hợp hiểu biết của bản thân, em hãy nêu một số ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.

Thiên nhiên Nam Bộ có nhiều thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trong vùng. Địa hình khá bằng phẳng, khí hậu nóng ẩm và đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc và đường bờ biển dài tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành thủy sản và giao thông đường thủy.

Tuy nhiên, vào mùa khô ở vùng Nam Bộ thường xảy ra tình trạng thiếu nước ngọt và đất nhiễm mặn. Tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển gây ra nhiều thiệt hại cho người dân.

95

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt.

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV nêu yêu cầu và nhiệm vụ: HS theo dõi các bức tranh, đọc SGK để viết ra các thuận lợi và khó khăn chính của vùng.

Bước 2. GV yêu cầu HS lấy giấy note: lựa chọn một khó khăn hoặc một thuận lợi mà em quan tâm nhất để viết một bản tin, phân tích, đánh giá chi tiết, có độ dài không quá 50 chữ.

Bước 3. GV cho HS chuyển bài viết theo ma trận để HS có thể đọc bài của nhau.

Bước 4. GV mời HS chia sẻ bài viết tâm đắc của mình hoặc của bạn.

Bước 5. GV chốt kiến thức. GV có thể yêu cầu HS liên hệ địa phương HS đang sinh sống để nêu lên những thuận lợi và khó khăn của địa phương mình, tìm ra điểm tương đồng hoặc khác biệt về thiên nhiên giữa các vùng, miền.



Hình 7. Chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ)



Hình 8. Kênh rạch cạn nước (Bến Tre)



Hình 9. Bắt cá mùa nước nổi (Long An)



Hình 10. Sạt lở bờ sông (Tiền Giang)



Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm thiên nhiên vùng Nam Bộ.



Vận dụng

Em hãy sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một địa danh ở vùng Nam Bộ và chia sẻ với các bạn trong nhóm của mình.

96

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV lồng ghép trong quá trình giảng dạy.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS thực hiện như trong SGK. GV có thể thêm 1 – 2 nhiệm vụ khác có độ khó tương đương để HS lựa chọn một trong các nhiệm vụ phù hợp. GV cũng nêu tiêu chí đánh giá đi kèm.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ (ví dụ: sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,...).
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.

Năng lực chung

Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

Phẩm chất

Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình.

KHOẢNG ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
 - + Cách thứ nhất: GV sử dụng hoạt động khởi động của SGK.
 - + Cách thứ hai: GV tổ chức trò chơi “Ô chữ” với các câu hỏi về dân cư và các hoạt động sản xuất nổi bật của vùng Nam Bộ.

Lưu ý: GV có thể tham khảo câu hỏi của trò chơi “Ô chữ” trong *Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4* – bộ sách *Chân trời sáng tạo*.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “Sau khi học xong bài học này, em sẽ:”

Bài 24

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG NAM BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.
- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.
- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ (ví dụ: sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,...).



Khởi động

Hình 1 và hình 2 gợi ý cho em điều gì về hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ?



Hình 1. Làng nhà bè nuôi cá ba sa trên sông Hậu (An Giang)



Hình 2. Sản xuất cơ khí tại Khu công nghiệp An Hạ (Thành phố Hồ Chí Minh)



Khám phá

1. Dân cư

Đọc thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.

Nam Bộ là vùng có số dân đông nhất cả nước. Một số thành phố lớn trong vùng là Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Biên Hòa,...

Vùng Nam Bộ có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Khơ-me, Hoa, Chăm,...

97

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về dân cư vùng Nam Bộ

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV đưa ra nhiệm vụ.

Đọc thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.
- Kể tên một số thành phố lớn ở vùng Nam Bộ.

Bước 2. HS trả lời câu hỏi.

Bước 3. GV nhận xét, bổ sung và ghi điểm.

2. Hoạt động sản xuất

a) Công nghiệp

Quan sát hình 3, em hãy:

- Kể tên các ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ.
- Xác định trên lược đồ các trung tâm công nghiệp của vùng.



Hình 3. Lược đồ công nghiệp vùng Nam Bộ

Nam Bộ là vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta. Các trung tâm công nghiệp lớn của vùng là Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Vũng Tàu, Cần Thơ,... Hoạt động công nghiệp phát triển chủ yếu ở Đồng Nam Bộ.

b) Nông nghiệp

Quan sát hình 4, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số cây trồng, vật nuôi chính ở vùng Nam Bộ.

Sản xuất nông nghiệp của vùng Nam Bộ rất đa dạng và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nam Bộ là vùng sản xuất lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp quan trọng của nước ta. Sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng của vùng là lúa gạo, sầu riêng, chôm chôm, bưởi, cao su, hồ tiêu, cá ba sa, tôm,...

Bước 3. Các nhóm trình bày sản phẩm, các nhóm khác nhận xét, góp ý.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và hệ thống kiến thức.

b) Nông nghiệp

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia lớp học thành 3 trạm (mỗi trạm 1 chủ đề). Ngoài ra, ở mỗi trạm có “trạm chờ” để HS chuẩn bị trước khi vào trạm mới. GV thống nhất nội quy làm việc theo trạm với HS.

Bước 2. HS làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập ở mỗi trạm.

Bước 3. HS tiến hành các nhiệm vụ học tập trong từng trạm.

Bước 4. Các nhóm nhận xét, góp ý cho nhau.

Bước 5. GV nhận xét, tổng kết và hệ thống hoá các kiến thức.

Lưu ý:

– Chủ đề các trạm:

STT	Chủ đề	Trạm
1	Khái quát hoạt động nông nghiệp vùng Nam Bộ.	1
2	Hoạt động sản xuất lúa vùng Nam Bộ.	2
3	Hoạt động nuôi trồng thủy sản vùng Nam Bộ.	3

– Phiếu học tập

+ Trạm 1

Điều kiện thuận lợi phát triển ngành trồng lúa ở Nam Bộ	
Vai trò của hoạt động sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ	
Vai trò của hoạt động nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ	

+ Trạm 2: Lược đồ trồng vùng Nam Bộ + hình ảnh hoặc biểu tượng hoặc kí hiệu một số cây trồng chính ở vùng Nam Bộ (lưu ý thống nhất với nội dung của sách).

+ Trạm 3: Lược đồ trồng vùng Nam Bộ + hình ảnh hoặc biểu tượng hoặc kí hiệu một số vật nuôi chính ở vùng Nam Bộ (lưu ý thống nhất với nội dung của sách).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ

a) Công nghiệp

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia lớp thành 4 nhóm (số lượng nhóm tùy thuộc vào số lượng HS), mỗi nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:

Quan sát hình 3, em hãy:

- Kể tên các ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ.
- Các trung tâm công nghiệp của vùng thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương nào?
- Phần lớn các trung tâm công nghiệp phân bố ở đâu?
- Tại sao các nhà máy thủy điện phân bố ở tỉnh Bình Phước, Đồng Nai?

Bước 2. HS hoàn thành nhiệm vụ vào phiếu học tập.

LƯU Ý VỚI GV

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quyết định số 44/1998/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu. Năm 2003, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mở rộng ranh giới, bổ sung 3 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Long An. Hiện nay, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước, Long An và Tiền Giang.

Định hướng của Chính phủ xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành một trong những vùng phát triển kinh tế năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, là vùng kinh tế động lực của cả nước, giữ vai trò quyết định đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước. Vùng dẫn đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của cả nước và trong một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc tế.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; diện tích trên 30,5 ngàn km² (9,2% diện tích của cả nước); số dân khoảng 21,9 triệu người (22% số dân cả nước); GRDP chiếm hơn 35% cả nước; đóng góp trên 40% tổng thu ngân sách; thu nhập bình quân đầu người cao gấp 1,58 lần, đô thị hoá gấp 1,8 lần trung bình cả nước. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giữ vững vai trò đầu tàu về kinh tế – xã hội, khoa học – công nghệ; là trung tâm tài chính, logistics, đầu mối giao lưu quốc tế lớn nhất cả nước.

2. Định hướng phát triển kinh tế vùng Nam Bộ

a) Định hướng phát triển ngành công nghiệp

Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh một số ngành công nghiệp: cơ khí chế tạo, hoá dầu, sản phẩm hạ nguồn của ngành công nghiệp hoá dầu, chế biến sản phẩm từ dầu, hoá chất.

Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: điện tử – viễn thông, công nghiệp sản xuất rô-bốt, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin, công nghiệp hoá phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất thuốc, vaccine, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp môi trường và các ngành công nghiệp hỗ trợ.



Hình 4. Lược đồ nông nghiệp vùng Nam Bộ

– Sản xuất lúa

Quan sát các hình 4, 5 và đọc thông tin, em hãy:

– Kể tên các tỉnh trồng lúa chính ở vùng Nam Bộ.

– Nêu vai trò của hoạt động sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có đồng bằng rộng lớn, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước và khí hậu thuận lợi cho việc phát triển trồng lúa. Đây là vùng sản xuất lúa lớn nhất nước ta. Lúa được trồng nhiều ở Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang,...



Hình 5. Cảnh đồng lúa ở tỉnh An Giang

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Câu 1:

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV thông báo thể lệ và bắt đầu trò chơi bằng các câu hỏi trắc nghiệm.

Bước 2. Nhóm HS trả lời.

Bước 3. GV nhận xét, ghi điểm cho các nhóm.

Câu hỏi trắc nghiệm có thể tham khảo sách bài tập.

Câu 2:

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV đưa các nhiệm vụ như trong phần Luyện tập ở trang 100 SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. GV đánh giá, cho điểm.

VẬN DỤNG

Gợi ý các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK (trang 100).

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3. HS có thể nộp sản phẩm cho GV và chia sẻ với các bạn bằng các phương tiện trực tuyến.

Bước 4. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS.

Hiện nay, nhờ ứng dụng khoa học – kĩ thuật hiện đại nên lúa đạt năng suất và chất lượng cao. Sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ đảm bảo nhu cầu lương thực trong nước, đồng thời là nơi xuất khẩu gạo lớn nhất cả nước.

– Nuôi trồng thủy sản

Quan sát các hình 4, 6 và đọc thông tin, em hãy:

– Kể tên một số tỉnh nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.

– Cho biết vai trò của hoạt động nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.

Nam Bộ là vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước. Thủy sản được nuôi trồng chủ yếu ở Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau, Kiên Giang... Hình thức nuôi trồng thủy sản đa dạng và ngày càng được cải tiến. Các sản phẩm từ cá ba sa, tôm,... không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.



Hình 6. Thu hoạch tôm (Cà Mau)



Luyện tập

1. Dựa vào hình 3, em hãy xác định trên lược đồ vị trí các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện gió của vùng Nam Bộ.
2. Kể tên một số ngành công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.
3. Vì sao Nam Bộ là vùng sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước?



Vận dụng

Em thích những sản phẩm nông nghiệp nào của vùng Nam Bộ? Hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về một trong những sản phẩm đó.

b) Định hướng phát triển ngành dịch vụ

Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế. Phát triển dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; công nghệ thông tin – viễn thông; khoa học – công nghệ; du lịch; logistics;... Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics cấp quốc gia, quốc tế gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, các trục hành lang kinh tế trọng điểm và tuyến thương mại liên vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai), thị xã Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), tỉnh Tây Ninh.

c) Định hướng phát triển ngành nông nghiệp

Phát triển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, sinh thái, bền vững với các sản phẩm trọng tâm là thủy sản, trái cây và lúa gạo gắn với các cụm ngành nông, lâm, thủy sản, các trung tâm đầu mối; phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp dựa vào nguồn nước gồm vùng sinh thái nước ngọt, vùng sinh thái mặn – lợ, vùng chuyển tiếp ngọt – lợ, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với xây dựng nông thôn mới và tăng cường liên kết đô thị – nông thôn.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 2 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:
- + Mô tả được sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu (ví dụ: nhà ở, chợ nổi, vận tải đường sông,...).
- + Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ, như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định,...
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: nhận xét về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

Năng lực chung

Tự chủ và tự học: nhận biết và bày tỏ được cảm xúc của bản thân sau khi tìm hiểu về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

Phẩm chất

- Trách nhiệm: có ý thức bảo vệ môi trường, chung sống hài hoà với thiên nhiên.
- Yêu nước: biết ơn các anh hùng đã hi sinh vì đất nước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- GV yêu cầu HS nêu một số nét văn hoá truyền thống của vùng Nam Bộ mà các em biết.
- Gợi ý: nhà cửa (nhà lá, nhà sàn, nhà gạch, nhà bè,...), trang phục (áo bà ba, khăn rằn,...), ẩm thực (hủ tiếu, lẩu mắm, bánh pía,...), âm nhạc (Đờn ca tài tử, dân ca Nam Bộ, lí Nam Bộ,...), các làng nghề truyền thống,...
- GV có thể cho HS trả lời nhanh theo nhóm. Từ đó dẫn nhập vào mục 1.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3 và trả lời các câu hỏi:

- Kể tên các dạng nhà ở của vùng Nam Bộ.
- Tác dụng của các dạng nhà ở này là gì?

Bài 25

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG Ở VÙNG NAM BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu (ví dụ: nhà ở, chợ nổi, vận tải đường sông,...).
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ, như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định,...



Khởi động

Em hãy nêu một số nét văn hoá truyền thống của vùng Nam Bộ mà em biết.



Khám phá

1. Một số nét văn hoá tiêu biểu của người dân Nam Bộ

Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy cho biết người dân Nam Bộ đã làm gì để chung sống hài hoà với thiên nhiên.

a) Nhà ở

Vùng Nam Bộ có nhiều sông ngòi, kênh rạch nên nhà ở của người dân rất đa dạng. Bên cạnh những ngôi nhà xây bằng gạch, người dân vùng Nam Bộ còn dựng những ngôi nhà lá, nhà sàn, nhà bè. Nhà lá thường được lợp bằng lá dừa nước – loại cây có nhiều ở miền Nam Bộ. Nhà sàn và nhà bè được dựng ở những vùng nước nổi.



Hình 1. Nhà lá



Hình 2. Nhà bè

101

- Kể tên các dạng phương tiện vận tải ở vùng sông nước Nam Bộ.
- Kể tên các chợ nổi đặc trưng của Nam Bộ.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV nhận xét.

GV lưu ý HS: Vì thời tiết tương đối ôn hoà, ít có gió bão lớn nên người dân Nam Bộ thường làm nhà rất đơn giản: vách và mái nhà làm bằng lá cây dừa nước vì loại cây này rất dai và không thấm nước (dừa nước là loại cây mọc ở các vùng trũng có nước hoặc ven các sông ngòi, kênh rạch). Trước đây, đường giao thông trên bộ chưa phát triển, ghe, thuyền, xuống,... là phương tiện đi lại chủ yếu của người dân. Do đó mà người dân thường làm nhà ven sông để thuận tiện đi lại và sinh hoạt.

GV cũng cho HS xem một số hình ảnh về các ngôi nhà kiểu mới hiện nay được xây bằng gạch, xi măng, mái bằng hoặc lợp ngói để thấy sự thay đổi trong việc xây dựng

b) Chợ nổi và vận tải đường sông

Do đặc trưng sông nước, chợ nổi và vận tải đường sông bằng ghe, thuyền, xuồng,... là một trong những nét văn hóa tiêu biểu của người dân Nam Bộ.



Hình 3. Chợ nổi ở Sóc Trăng



Em có biết?

Chợ nổi thường nhộn nhịp nhất vào buổi sáng. Trên thuyền chất đầy hàng hoá, phổ biến là các loại nông sản. Một số chợ nổi đặc trưng của Nam Bộ là Cái Răng (Cần Thơ), Phụng Hiệp (Hậu Giang), Ngã Năm (Sóc Trăng),...

2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ

Dựa vào các thông tin dưới đây, em hãy:

- Kể tên các nhân vật anh hùng của vùng đất Nam Bộ.
- Cho biết hoạt động nào trong các câu chuyện về các anh hùng thể hiện tinh thần yêu nước của đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ có truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm. Trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, đã xuất hiện nhiều nhân vật lịch sử tiêu biểu như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định...

Bình Tây đại nguyên soái Trương Định

Trương Định (1820 – 1864) quê ở Quảng Ngãi. Năm 1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định, ông đã tổ chức nghĩa quân chống giặc ở Gò Công, Tân An. Năm 1862, triều đình ra lệnh bãi binh nhưng Trương Định vẫn kiên quyết kháng Pháp đến cùng và được nhân dân suy tôn làm Bình Tây đại nguyên soái. Ngày 20 – 8 – 1864, Trương Định bị thương nặng và hi sinh.



Hình 4. Nhân dân Gò Công suy tôn Trương Định làm "Bình Tây đại nguyên soái"

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)

102

Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu Pháp

Nguyễn Trung Trực (1838 – 1868) quê ở Bình Định. Năm 1861, ông đã lãnh đạo nghĩa quân nổi dậy ở Tân An, đặc biệt đã chỉ huy nghĩa quân đốt cháy tàu Hi Vong của giặc Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông. Sau đó, ông cho lập căn cứ kiên trì chống giặc khắp vùng Rạch Giá, Hà Tiên và đảo Phú Quốc. Năm 1868, Nguyễn Trung Trực bị bắt và đưa đi hành hình, ông đã đóng đặc hồ lớn: "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".



Hình 5. Tượng đài anh hùng Nguyễn Trung Trực tại tỉnh Kiên Giang

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)

Mã tướng Nguyễn Thị Định và đội quân tóc dài

Nguyễn Thị Định (1920 – 1992) là một nữ anh hùng tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ. Trong phong trào Đồng khởi (1959 – 1960), bà vừa tham gia chỉ đạo lực lượng quân chủng đấu tranh binh vận, chính trị và thành lập nên "Đội quân tóc dài". Năm 1995, bà được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



Hình 6. Chân dung anh hùng Nguyễn Thị Định
Hình 7. Đội quân tóc dài
(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)



Luyện tập

1. Theo em, chợ nổi ở Nam Bộ có gì khác so với các chợ mà em đã biết?
2. Em hãy trình bày hiểu biết của em về một nhân vật anh hùng ở vùng đất Nam Bộ.



Vận dụng

Em hãy đề xuất một số hoạt động thiết thực có ý nghĩa, nhằm tri ân những anh hùng có công với đất nước.

nhà ở của người dân Nam Bộ hiện nay; một số hình ảnh về đường sá, cầu cống để thấy được sự phát triển hệ thống giao thông hiện đại của vùng Nam Bộ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin và cho biết những hoạt động nào trong các câu chuyện về các anh hùng thể hiện tinh thần yêu nước của đồng bào Nam Bộ.

Bước 2. HS thực hiện.

Bước 3. HS báo cáo.

Bước 4. GV kết luận.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

1. Theo em, chợ nổi ở Nam Bộ có gì khác so với các chợ mà em đã biết?

– Gợi ý bổ sung thêm cho HS: Chợ nổi ở Nam Bộ khác chợ bình thường ở chỗ người bán chẳng cần rao hàng, không vốn vã, chèo kéo nhưng lại có sức hút đặc biệt. Người bán sẽ treo trên cây bèo ngay mũi ghe những mặt hàng mà họ bán. Hình thức ngày gọi là “bèo hàng” – tạo nên nét riêng biệt và đặc trưng của chợ nổi Nam Bộ.

– GV có thể cho HS xem một số hình ảnh về các cây bèo treo các mặt hàng trên chợ nổi cho HS để hình dung.

2. Trình bày hiểu biết của em về một nhân vật anh hùng ở vùng đất Nam Bộ.

Gợi ý hoạt động: GV có thể cung cấp thêm thông tin và cho HS chuẩn bị trước để trình bày trước lớp về một nhân vật anh hùng ở vùng đất Nam Bộ. GV cũng có thể cho các em kể một số câu chuyện lịch sử gắn với nhân vật anh hùng đó.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS đề xuất một số hoạt động thiết thực có ý nghĩa nhằm tri ân những anh hùng có công với đất nước và cho biết hoạt động nào các em có thể thực hiện được, phù hợp với lứa tuổi của mình.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 3 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: kể được một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: trình bày được một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, như: chuyện về Bến Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước,...
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hoặc lược đồ.
 - + Sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí: nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
 - + Sử dụng được đường thời gian để biểu diễn quá trình lịch sử của Thành phố Hồ Chí Minh.

Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định và làm rõ được thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

Phẩm chất

- Yêu nước: kính trọng, biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh và những anh hùng có công với đất nước.
- Chăm chỉ: ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và hiểu biết của bản thân, hãy nêu những điều em biết về Thành phố Hồ Chí Minh.

GV gợi ý cho HS: về tên gọi, về lĩnh vực kinh tế, các di tích lịch sử văn hoá.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 2, xác định vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh trên lược đồ.

GV có thể gợi ý cho HS thực hiện hoạt động:

- Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở miền nào, vùng nào?
- Các tỉnh nào giáp với Thành phố Hồ Chí Minh?

Bài 26

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình bày được một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử.
- Sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.



Khởi động

Dựa vào hình 1 và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu những điều em biết về Thành phố Hồ Chí Minh.



Hình 1. Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt trước trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh trên lược đồ.

Thành phố Hồ Chí Minh nằm bên sông Sài Gòn, tiếp giáp với Biển Đông và nhiều tỉnh của vùng Nam Bộ.

104

- Thành phố Hồ Chí Minh có các quận và huyện nào?
- Thành phố Hồ Chí Minh có giáp biển hay không?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

Lưu ý: Nếu HS ở Thành phố Hồ Chí Minh, GV có thể cho các em HS xác định nơi em đang sinh sống hoặc trường em đang học ở địa phận nào. Nếu HS ở các tỉnh, thành khác, GV có thể xác định cho HS biết tỉnh thành của địa phương cách Thành phố Hồ Chí Minh bao nhiêu km, có thể dùng những phương tiện nào đến Thành phố Hồ Chí Minh? (GV dùng công cụ Google Map để xác định, ví dụ: Thành phố Hồ Chí Minh cách thành phố Bến Tre khoảng 86 – 88 km; thành phố Buôn Ma Thuột cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 325 – 340 km, có thể di chuyển bằng ô tô hoặc máy bay)



Hình 2. Lược đồ hành chính Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2021

2. Tên gọi và một số sự kiện lịch sử tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy:

- Nêu một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh trong lịch sử.
- Trình bày những sự kiện lịch sử tiêu biểu có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá khứ, Thành phố Hồ Chí Minh còn có các tên gọi khác như: Gia Định, Sài Gòn, Sài Gòn – Chợ Lớn, Sài Gòn – Gia Định. Từ năm 1976, thành phố được mang tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khi hình thành đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng.

105

cần mở rộng về ý nghĩa tên gọi Sài Gòn theo các giả thuyết được đưa ra hiện nay, đặc biệt các giả thuyết xuất phát theo tên gọi tiếng Khơ-me.

Tìm hiểu về một số sự kiện lịch sử tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình, trình bày những sự kiện lịch sử tiêu biểu có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phần này, GV có thể kể một cây thời gian theo chuỗi các sự kiện để HS kết hợp hoàn thành cây thời gian. GV có thể tham khảo:



Ngoài ra, GV có thể cung cấp thêm những sự kiện, câu chuyện khác: năm 1859, Pháp đánh thành Gia Định; giai đoạn 1945 – 1954 với các sự kiện:

- Ngày 25 – 8 – 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Sài Gòn giành được thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- Ngày 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp quay lại đánh chiếm nước ta lần nữa. Nhân dân Sài Gòn lại tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Cùng với nhân dân cả nước, từ năm 1945 – 1954, nhân dân Sài Gòn đã lập nhiều chiến công góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), buộc Pháp kí Hiệp định Giơ-ne-vơ và rút quân khỏi Việt Nam.
- Năm 1986, thành phố hoà mình vào công cuộc đổi mới.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về tên gọi và một số sự kiện lịch sử tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh

Tìm hiểu về tên gọi

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin và nêu một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Trong quá khứ, Thành phố Hồ Chí Minh còn có các tên gọi khác như: Gia Định, Sài Gòn – Gia Định, Sài Gòn – Chợ Lớn. Từ năm 1976, thành phố được mang tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

Bước 4. GV nhận xét.

GV lưu ý: Do trình độ của HS lớp 4 và nhiều vấn đề lịch sử các em chưa học, GV không

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

GV có thể giới thiệu thêm:

- Khu công nghiệp Tân Bình được thành lập năm 1997, nằm gần các cửa ngõ giao thông quan trọng của Thành phố.
- Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập năm 2002. Đây là một trong ba Khu Công nghệ cao quốc gia, thu hút nhiều vốn đầu tư nhất của Thành phố.
- Chợ Bến Thành được xây dựng từ năm 1912, là khu chợ sầm uất và là một trong những biểu tượng của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chợ Bình Tây được xây dựng từ năm 1928, khánh thành năm 1930, còn gọi là Chợ Lớn Mới. Chợ Bình Tây hiện nay có hàng trăm quầy sạp kinh doanh với hơn 30 nhóm ngành hàng.
- Chợ nông sản Bình Điền được xây dựng từ năm 2003, có vị trí thuận lợi cả về giao thông đường bộ lẫn đường thủy.
- Tòa nhà Landmark 81 được xây dựng từ năm 2015, là tòa nhà cao nhất Việt Nam, nằm trong top 20 tòa nhà cao nhất thế giới. (Cập nhật đến năm 2021)
- Hầm vượt sông Sài Gòn (còn gọi là Hầm Thủ Thiêm), được xây dựng năm 2007 và khánh thành năm 2011. Đây là hầm vượt sông dài nhất Đông Nam Á. (Cập nhật đến năm 2021)
- Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là sân bay lớn thứ hai Việt Nam về diện tích. (Cập nhật đến năm 2021)
- Ga Đường sắt Sài Gòn là nhà ga lớn nhất của ngành đường sắt ở khu vực miền Nam.
- Cảng Sài Gòn là một trong mười cảng biển lớn nhất Việt Nam hiện nay.
- Bưu điện Thành phố là một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh, được xây dựng từ năm 1860 và khánh thành năm 1863.
- Nhà hát Thành phố được xem là nhà hát trung tâm, đa năng, chuyên tổ chức biểu diễn sân khấu nghệ thuật; đồng thời, cũng được sử dụng để tổ chức một số sự kiện lớn. Nhà hát được xây dựng từ năm 1898 và khánh thành năm 1900.
- Sân vận động Thống Nhất nằm ở Quận 10, là sân bóng đá lớn nhất của Thành phố Hồ Chí Minh. (Cập nhật đến năm 2021)
- Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những công trình kiến trúc cổ điển ở Thành phố, được xây dựng từ năm 1898 đến năm 1909.
- Hội trường Thống Nhất (còn gọi là Dinh Độc Lập) từng là nơi ở và làm việc của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Đây là Di tích quốc gia đặc biệt của Việt Nam được xây dựng từ năm 1868 đến năm 1871.
- Bảo tàng Hồ Chí Minh (Bến Nhà Rồng) là trung tâm nghiên cứu những tư liệu, hiện vật và di tích lịch sử có quan hệ đến đời sống và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tuyên truyền, giáo dục quần chúng về sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức và tác phong của Bác. Bảo tàng được xây dựng từ năm 1985, khánh thành năm 1990.
- Địa đạo Củ Chi là Di tích quốc gia đặc biệt, được hình thành trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (khoảng năm 1948).

**Nguyễn Hữu Cánh
lập phủ Gia Định năm 1698**

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cánh theo lệnh chúa Nguyễn vào phía nam, lập nên phủ Gia Định. Sách Gia Định Thành thống chí của Trịnh Hoài Đức viết: "tây đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng nên dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn là huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn".

(Gia Định Thành thống chí, bản dịch Phạm Hoàng Quân, quyển III, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, trang 299)



Hình 3. Tượng Thành hầu Nguyễn Hữu Cánh

Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước năm 1911

Ngày 5 – 6 – 1911, từ Bến Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Người muốn sang phương Tây đến nước Pháp để tìm hiểu xem "nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình".

(Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1975, trang 11)



Hình 4. Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp trên tàu Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin (Latouche Tréville)

Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975

Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, các đơn vị của Quân đoàn 2, bằng xe tăng và pháo binh, tiến thẳng vào Dinh Độc Lập. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

(Theo Nguyễn Xuân Minh, Lịch sử Việt Nam 1945 đến 2000, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006)



Hình 5. Xe tăng Quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập

3. Thành phố Hồ Chí Minh – trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục

Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, 8, 9, 10, 11, cho biết tại sao Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục của cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam. Thành phố có nhiều di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu cùng các trường đại học, các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục lớn. Đặc biệt, thành phố được xem là đầu tàu kinh tế của cả nước.



Hình 6. Chợ Bến Thành



Hình 7. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh



Hình 8. Bến Nhà Rồng – Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh



Hình 9. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh



Hình 10. Các tòa nhà cao tầng bên bờ sông Sài Gòn



Hình 11. Nhà thờ Đức Bà



Luyện tập

Em hãy chọn và trình bày một sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh và cho biết tại sao em chọn sự kiện này.



Vận dụng

Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh đến bạn bè ở các tỉnh, thành phố khác.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về Thành phố Hồ Chí Minh – trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục

Bước 1. GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình và cho biết tại sao Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục của cả nước.

GV có thể gợi ý HS phân loại các hình theo các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục:

– Hình 6 và hình 10: lĩnh vực kinh tế

– Hình 7 và hình 9: lĩnh vực giáo dục

– Hình 8 và hình 11: lĩnh vực văn hoá (hình 6 cũng có thể vừa là kinh tế vừa là văn hoá)

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

Ngoài ra, GV có thể sưu tầm thêm các hình ảnh về những công trình tiêu biểu khác để cho HS phân loại: Địa đạo Củ Chi, Công viên Văn hoá Đầm Sen, Khu Du lịch Văn hoá Suối Tiên, Dinh Độc Lập, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa nhà Landmark, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Khu công viên phần mềm Quang Trung,... Nếu HS ở địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, GV cho HS tự kể thêm những công trình, địa điểm mà HS đã biết.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV yêu cầu HS chọn và trình bày một sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh và cho biết tại sao em chọn sự kiện này. HS chỉ cần nêu được lí do các em chọn.

VẬN DỤNG

GV yêu cầu HS đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh đến bạn bè ở các tỉnh, thành phố khác.

- Phố đi bộ Nguyễn Huệ nằm trên đường Nguyễn Huệ (Quận 1) là nơi tổ chức nhiều hoạt động văn hoá của Thành phố.
- Khu Du lịch Văn hoá Suối Tiên là một công viên liên hợp vui chơi giải trí kết hợp truyền thống các yếu tố văn hoá – lịch sử – tâm linh, được xây dựng vào năm 1987.
- Bến Bạch Đằng (Quận 1) là điểm du lịch nổi tiếng của thành phố. Từ đây, du khách có thể xuôi thuyền theo sông Sài Gòn tham quan các địa danh nổi tiếng của vùng Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những thư viện lâu đời nhất của Việt Nam.
- Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là một trong hai đại học quốc gia lớn nhất nước.
- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học đào tạo giáo viên, được xếp vào nhóm trường đại học trọng điểm quốc gia.

THỜI LƯỢNG DẠY HỌC DỰ KIẾN: 1 TIẾT

MỤC TIÊU

Năng lực đặc thù

- Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: mô tả được một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi.
- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: thông qua quan sát tranh ảnh và tài liệu, kể lại được câu chuyện lịch sử về đào hầm ở Củ Chi.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:
 - + Xác định được vị trí của Địa đạo Củ Chi trên lược đồ.
 - + Sưu tầm và kể lại được các câu chuyện lịch sử về chống Mỹ ở Địa đạo Củ Chi.

Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: nêu được thắc mắc về cách đào hầm ở Địa đạo Củ Chi.

Phẩm chất

- Trách nhiệm.
- Yêu nước: kính trọng và biết ơn những người đã chiến đấu, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV yêu cầu HS quan sát các hình và đưa ra ý kiến về những hình ảnh HS quan sát Địa đạo Củ Chi.

GV cũng có thể sử dụng hình vẽ và những thông tin trong hình để khởi động cho HS thế nào là địa đạo và dẫn vào bài.



Bài 27

ĐỊA ĐẠO CỦ CHI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của Địa đạo Củ Chi trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi, có sử dụng tranh ảnh, tài liệu lịch sử.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện lịch sử về đào hầm ở Củ Chi, chống đế quốc Mỹ ở Địa đạo Củ Chi.



Khởi động

Những hình ảnh dưới đây gợi cho em điều gì về Địa đạo Củ Chi?



Hình 1. Lối ra vào địa đạo



Hình 2. Bên trong địa đạo



Hình 3. Mô hình mô phỏng cuộc sống bên trong địa đạo



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 4 và đọc thông tin, em hãy xác định vị trí của huyện Củ Chi và các xã có địa đạo.



Hình 4. Lược đồ hành chính huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh), năm 2021

108

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vị trí địa lí

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát hình 4, xác định vị trí của huyện Củ Chi và các xã có địa đạo.

GV hướng dẫn HS quan sát lại lược đồ Thành phố Hồ Chí Minh ở bài 26 để xác định vị trí của huyện Củ Chi trên lược đồ Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó, xác định thêm huyện Củ Chi giáp huyện nào của Thành phố Hồ Chí Minh và những tỉnh nào.

Tiếp theo, GV yêu cầu HS xác định vị trí hai xã Tân Phú Trung và Phước Vĩnh An – nơi hệ thống địa đạo được đào sớm nhất và sau đó là các xã phía bắc huyện Củ Chi.

Cuối cùng, GV cho HS xác định vị trí Bến Dược thuộc xã Phú Mỹ Hưng và Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức – nơi di tích địa đạo được bảo tồn.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các công trình tiêu biểu

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát các hình 6, 7, 8, 9, đọc thông tin, để nêu những công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi và mô tả một số nét về công trình này.

GV lưu ý HS kết hợp sơ đồ và thông tin về một số công trình tiêu biểu để thực hiện nhiệm vụ. Có thể chia lớp thành các nhóm để tìm hiểu kĩ về từng công trình và giới thiệu cho các bạn trong lớp.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

GV có thể cung cấp thêm cho HS:

Đền Bến Dược: là một công trình lịch sử – văn hoá của Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được xây dựng để tưởng nhớ công ơn to lớn của đồng bào chiến sĩ đã chiến đấu hi sinh trên vùng đất Sài Gòn – Gia Định trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Địa đạo Củ Chi được đào từ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Hệ thống địa đạo được đào sớm nhất tại xã Tân Phú Trung và Phước Vĩnh An. Trải qua thời gian, địa đạo được mở rộng đến các xã phía bắc huyện Củ Chi. Ngày nay, di tích địa đạo được bảo tồn ở khu vực Bến Dược thuộc xã Phú Mỹ Hưng và Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức.



Em có biết?

Năm 2015, Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

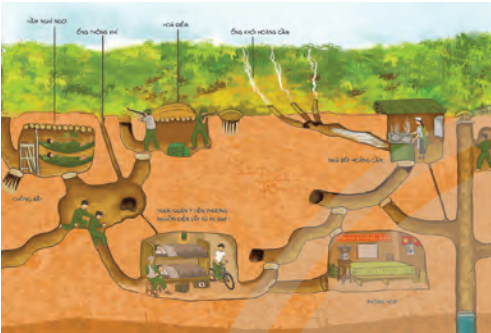


Hình 5. Bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Củ Chi

2. Các công trình tiêu biểu

Quan sát các hình 6, 7, 8, 9 và đọc thông tin, em hãy:

- Cho biết Địa đạo Củ Chi có những công trình tiêu biểu nào.
- Mô tả một số nét về công trình này.



Hình 6. Sơ đồ một phần Địa đạo Củ Chi

Địa đạo Củ Chi có tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 250 km, với ba tầng sâu khác nhau. Người dân và các chiến sĩ sinh hoạt, sản xuất, chiến đấu ngay trong lòng đất.

109

Đền được khởi công từ ngày 19 – 5 – 1993, nhân kỉ niệm ngày sinh lần thứ 103 của Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, trên một vùng đất rộng 7 ha trong quần thể của Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi. Ngày 19 – 12 – 1975, Đền Tưởng niệm khánh thành giai đoạn 1 và bắt đầu đón tiếp những đoàn người trong nước và ngoài nước đến tưởng niệm, dâng hương và nghĩ về một lẽ sống còn đã làm nên hồn thiêng dân tộc. Và Thành uỷ – Hội đồng nhân dân – Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh đã chọn ngày 19 – 12 hằng năm là ngày lễ hội tưởng niệm và tri ân các anh hùng liệt sĩ.

Địa đạo Bến Đình:

Sau phong trào Đồng Khởi, đến năm 1967, phong trào đào địa đạo ở Củ Chi từng bước được cải tiến và phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn huyện, đặc biệt là ở 6 xã phía bắc. Riêng xã Nhuận Đức có hệ thống địa đạo liên hoàn 4 ấp: ấp Bầu Trăn, ấp Xóm Bưng, ấp Bà Thiên, ấp Bến Đình.

Do Bến Đình có địa thế rất thuận lợi, có khu rừng trải dài trên 100 ha, dáng đất cao ráo, rắn chắc, khó bị sụp lở, lại nằm cặp sông Sài Gòn, trường hợp địch hành quân cản quét, ta có thể cơ động về phía sông rút lui an toàn. Vì vậy, Huyện uỷ Củ Chi chọn Bến Đình làm căn cứ cơ bản để lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân Củ Chi trong cuộc chiến khốc liệt với quân Mỹ từ 1968 đến 1975.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 2 (tt)

GV có thể kết hợp mô tả thêm:

Đường hầm sâu dưới đất từ 3 – 8 m, chiều cao chỉ đủ cho một người đi lom khom. Căn hầm đầu tiên ở ngay bìa rừng có giếng ngầm cung cấp nguồn nước uống và sinh hoạt cho toàn khu vực địa đạo. Giếng sâu 15 m, trong vắt. Hệ thống địa đạo gồm 3 tầng, từ đường “xương sống” toả ra vô số nhánh dài, nhánh ngắn ăn thông nhau, có nhánh trở ra tận sông Sài Gòn. Tầng 1 cách mặt đất 3 m, chống được đạn pháo và sức nặng của xe tăng, xe bọc thép. Tầng 2 cách mặt đất 5 m, có thể chống được bom cỡ nhỏ. Còn tầng cuối cùng cách mặt đất 8 – 10 m hết sức an toàn. Đường lên xuống giữa các tầng hầm được bố trí bằng các nắp hầm bí mật. Bên trên nguy trang kín đáo, nhìn như những ụ mỗi đùn, dọc đường hầm có lỗ thông hơi. Liên hoàn với địa đạo có các hầm rộng để nghỉ ngơi, có nơi dự trữ vũ khí, lương thực, có giếng nước, có bếp Hoàng Cầm, có hầm chỉ huy, hầm giải phẫu,... Còn có cả hầm lớn, mái lợp thoáng mát, nguy trang khéo léo để xem phim, văn nghệ.

GV có thể cung cấp thêm cho HS đoạn mô tả của nhà thơ Viễn Phương – người từng sống trực tiếp trong địa đạo để HS có thể biết thêm về các công trình trong địa đạo:

Nhà thơ Viễn Phương đã miêu tả Địa đạo Củ Chi khi ông trực tiếp sinh sống ở hầm địa đạo như sau: “Mỗi địa đạo có bốn năm thượng, sáu bảy trăm, có nơi ngủ, nơi ăn, nơi núp chiến đấu, nơi chứa lương thực. Để tấn nấp trăm, nấp thượng, tôi đồn cây thao lao một ôm, khi cần tôi chống lên nắp hầm, tấn cái nắp xuống thì một đại đội cũng không đánh bung được... Có địa đạo tôi cao hứng đào luôn cái giếng ở dưới. Giặc bố dài ngày, mình ở dưới địa đạo dùng bếp dầu, nấu cơm ăn luôn”.

(Viễn Phương, *Củ Chi Xưa và Nay*, NXB Văn hoá – Văn nghệ, trang 197)

Một số công trình tiêu biểu trong địa đạo gồm hầm ở, hầm hội họp, hầm giải phẫu, hầm chứa lương thực và vũ khí, lỗ thông hơi, ổ chiến đấu, giếng nước, bếp Hoàng Cầm.

Hầm quân y, hầm giải phẫu được sử dụng như một trạm xá để chữa trị cho các thương binh. Bên trong hầm có các giường bệnh nhỏ và tủ để đựng các vật dụng cứu thương.



Hình 7. Một căn phòng trong hầm quân y



Hình 8. Gian bếp Hoàng Cầm

Hầm chông được xây dựng như một cái bẫy quân địch, được nguy trang bằng lá cây, cỏ tự nhiên. Hầm chông được bố trí nhiều ở các cửa hầm.



Hình 9. Hầm chông

Bếp Hoàng Cầm có không gian hẹp gồm tủ gỗ, củi khô, nồi niêu,... Bếp có nhiều đường rãnh thoát khói, nối liền với lò bếp, bên trên rãnh đặt những cành cây và phủ một lớp đất mỏng được tưới nước để giữ độ ẩm. Đặc điểm này giúp làm tan loãng khói bếp toả ra khi nấu ăn, nhằm tránh sự phát hiện của quân địch.



Em có biết?

Xung quanh cửa lên xuống hầm được bố trí nhiều hầm chông, hố đinh, mìn trái (gọi là tử địa), có cả mìn lớn chống tăng và mìn phóng lựu đạn chống máy bay trực thăng, nhằm tiêu diệt, ngăn chặn quân địch tới gần. Dưới những khúc địa đạo ở khu hiểm yếu cũng có đặt nhiều hầm chông, hố đinh, cam bẫy...

3. Những câu chuyện về Địa đạo Củ Chi

Quan sát các hình 10, 11, 12 và đọc các câu chuyện, em hãy nêu cảm nghĩ về việc đào hầm và chống càn quét ở Địa đạo Củ Chi.

110

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG MỤC 1

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về những câu chuyện về Địa đạo Củ Chi

Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát các hình 10, 11, 12, đọc các câu chuyện và nêu cảm nghĩ về việc đào hầm và chống càn quét ở Địa đạo Củ Chi.

GV cho HS đọc nhắm hoặc mời HS đọc cho cả lớp nghe. GV yêu cầu HS đưa ra những suy nghĩ của chính mình. GV có thể đặt các câu hỏi gợi ý cho HS:

- Các em có cảm phục về những câu chuyện ở Địa đạo Củ Chi hay không?
- Em có suy nghĩ như thế nào về người dân Củ Chi?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trả lời.

Bước 4. GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

GV cho chia HS thành các nhóm để kể lại, không cần bám sát nội dung câu chuyện, HS chỉ cần nêu được một số chi tiết liên quan đến câu chuyện trong SGK hoặc các câu chuyện GV sưu tầm thêm.

VẬN DỤNG

GV cho HS kể và mô tả lại các công trình bên trong địa đạo.

HS có thể kết hợp sử dụng tranh vẽ hoặc bảng để vẽ lại các công trình của địa đạo và kết hợp mô tả nếu các em có năng khiếu vẽ tranh.

Đào Địa đạo Củ Chi

Đào địa đạo là công việc vô cùng vất vả và nguy hiểm. Người dân và các chiến sĩ dùng cuốc đào sâu vào lòng đất tạo thành những đường hầm nhỏ và hẹp. Sau khi đào xong, miệng hầm được ngụy trang để dẫn không khí vào địa đạo. Vào những lúc cấp bách, quân dân tranh thủ đào liên tục ngày đêm. Nhờ có địa đạo, quân và dân Củ Chi đã có nơi trú ẩn an toàn hơn, chiến đấu giành nhiều thắng lợi vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

(Theo Diệp Hồng Phương, Củ Chi đất lửa hoa hồng, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2017)



Hình 10. Người dân Củ Chi đào địa đạo

Quân dân Củ Chi chống cuộc can quét "Bò nò Trái Đất" của đế quốc Mỹ năm 1967

Nửa đầu tháng 1 năm 1967, Mỹ đã tiến hành chiến dịch "Bò nò Trái Đất" nhằm thực hiện kế hoạch huỷ diệt toàn bộ vùng đất Củ Chi và các khu vực lân cận. Mỹ đã sử dụng máy bay ném bom kết hợp pháo binh và đội "lính chuột cống" (được tuyển chọn từ những người lính có vóc dáng nhỏ) để phá huỷ địa đạo. Trước cuộc can quét của địch, quân và dân Củ Chi đã chiến đấu anh dũng và giành nhiều thắng lợi vẻ vang.

(Theo tài liệu của Ban quản lý khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi)



Hình 11. Xe tăng của Mỹ bị quân dân Củ Chi bắn cháy vào năm 1967



Hình 12. "Lính chuột cống" của Mỹ thâm nhập vào Địa đạo Củ Chi. Ảnh trong bảo tàng di tích Địa đạo Củ Chi



Luyện tập

Em hãy kể lại một câu chuyện về Địa đạo Củ Chi mà em ấn tượng.



Vận dụng

Giả sử lớp em vừa thực hiện chuyến tham quan Địa đạo Củ Chi, em hãy mô tả các công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi.

111

– Vì sao một nước Việt Nam nhỏ bé lại chiến thắng một đế quốc lớn mạnh như đế quốc Mỹ?

GV có thể cung cấp thêm các câu chuyện khác cho HS:

"Trong kí ức của nhiều người trực tiếp tham gia đào Địa đạo Củ Chi từ tấm bé như bà Lê Thị Hở, Lê Văn Đào,... đều hằn in những kỉ niệm vui có, buồn có, đau thương cũng có,... Ông Đào nói vui: "Tôi đào địa đạo nhiều đến nỗi người ta gọi tôi là Đào luôn chứ tên trong giấy của tôi là Lê Văn Đào."

Ông Đào nhớ lại: "Đào địa đạo ngoài những khó khăn chung như gặp đất xấu, chướng ngại vật dẫn đến thi công chậm còn vấp phải những tai nạn thương tâm. Sự mất mát xương máu đó đến từ tai nạn cũng có, đến từ phía kẻ thù cũng có. Đến giờ tôi vẫn nhớ như in ngày hai đồng đội của tôi hi sinh khi đang đào hầm. Không may mắn như tôi, hai anh này đào phải lớp đất mềm, không chắc nên khi đào sâu được vài mét, bỗng dưng hầm sập. Khi cả hai được moi ra từ hàng trăm khối đất thì đã tắt thở".

Ông Nguyễn Văn Tiền thoát li từ quận Gò Vấp, ông xuống xã Trung An, nhanh chóng tham gia phong trào đào địa đạo của xã. Ông cho biết: "Tôi còn nhớ như in ngày mình cầm cuốc ngoắc đất củn mà người thời bấy giờ hay gọi là cuốc tây, lom khom chui vào hầm cuốc từng xen-ti-mét đất một. Ngày ấy, đào địa đạo có khí thế như một ngày hội thực sự. Gái trai, già trẻ, lớn bé người đi trước chỉ người đi sau, ai ai cũng đều tích cực tham gia. Ai có việc của người nấy. Trước thì khi đào có tổ chức cụ thể, người già kéo ki (cái thúng để đựng, đổ đất khi đào – PV), đổ đất, trai gái, thanh niên thì thay phiên cầm cuốc đào hầm".

(Địa đạo Củ Chi và những chuyện lần đầu công bố, Báo Người đưa tin)

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN NGỌC THANH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẤN

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Sửa bản in: NGUYỄN NGỌC THANH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẤN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XBGD GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Chân trời sáng tạo

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 — SÁCH GIÁO VIÊN (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2HG4U001M23

In bản, (QĐ in số) khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:

Địa chỉ:

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/50-2157/GD

Số QĐXB:, ngày tháng năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mã số ISBN: 978-604-0-35252-1



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 8. TIN HỌC 4
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 9. CÔNG NGHỆ 4
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 4
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 4
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 4 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 11. ÂM NHẠC 4
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 4
Sách giáo viên | 12. MĨ THUẬT 4 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC 4
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 4 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 2)
Sách giáo viên |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-35252-1



Giá: đ